

CTCP CHỨNG KHOÁN VIETCAP
VIETCAP SECURITIES JSC

Số: 109./2026/CV-MA.VIETCAP
No: 109./2026/CV-MA.VIETCAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

TP.HCM, Ngày 05 tháng 03 năm 2026
HCMC, 05 March, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC, HSX VÀ HNX**

**INFORMATION DISCLOSURE ON THE ELECTRONIC INFORMATION PORTAL OF THE STATE
SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM, HSX AND HNX**

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC)/ State Securities Commission of VN
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX)/ Vietnam Stock Exchange
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HSX)/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)/ Hanoi Stock Exchange

Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Chứng Khoán Vietcap
Name of organization : Vietcap Securities JSC

Mã CK/ Ticker symbol : VCI

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, TP.HCM
Headquarter : 15th Floor, Bitexco Financial Tower, No 2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward, HCMC, VN

Điện thoại/Tel : 028-39143588

Fax : 028-39143209

Người thực hiện CBTT : Ông Bùi Vũ Hoàng Tuyên – Luật sư trưởng

Submitted by : Mr. Bui Vu Hoang Tuyen – General Counsel

Loại thông tin công bố : ☐ 24 giờ ☐ Bất thường ☐ Yêu cầu ☒ Định kỳ
Information disclosure type : ☐ 24 hours ☐ Extraordinary ☐ On demand ☒ Periodic

Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure:

- Báo cáo thường niên năm 2025.
The Annual Report for 2025.



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 05 / 03 / 2026 tại đường dẫn: <http://www.vietcap.com.vn>.

This information was published on the company's website on 05 / 03 / 2026, as in the link <https://www.vietcap.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người Ủy quyền CBTT

Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

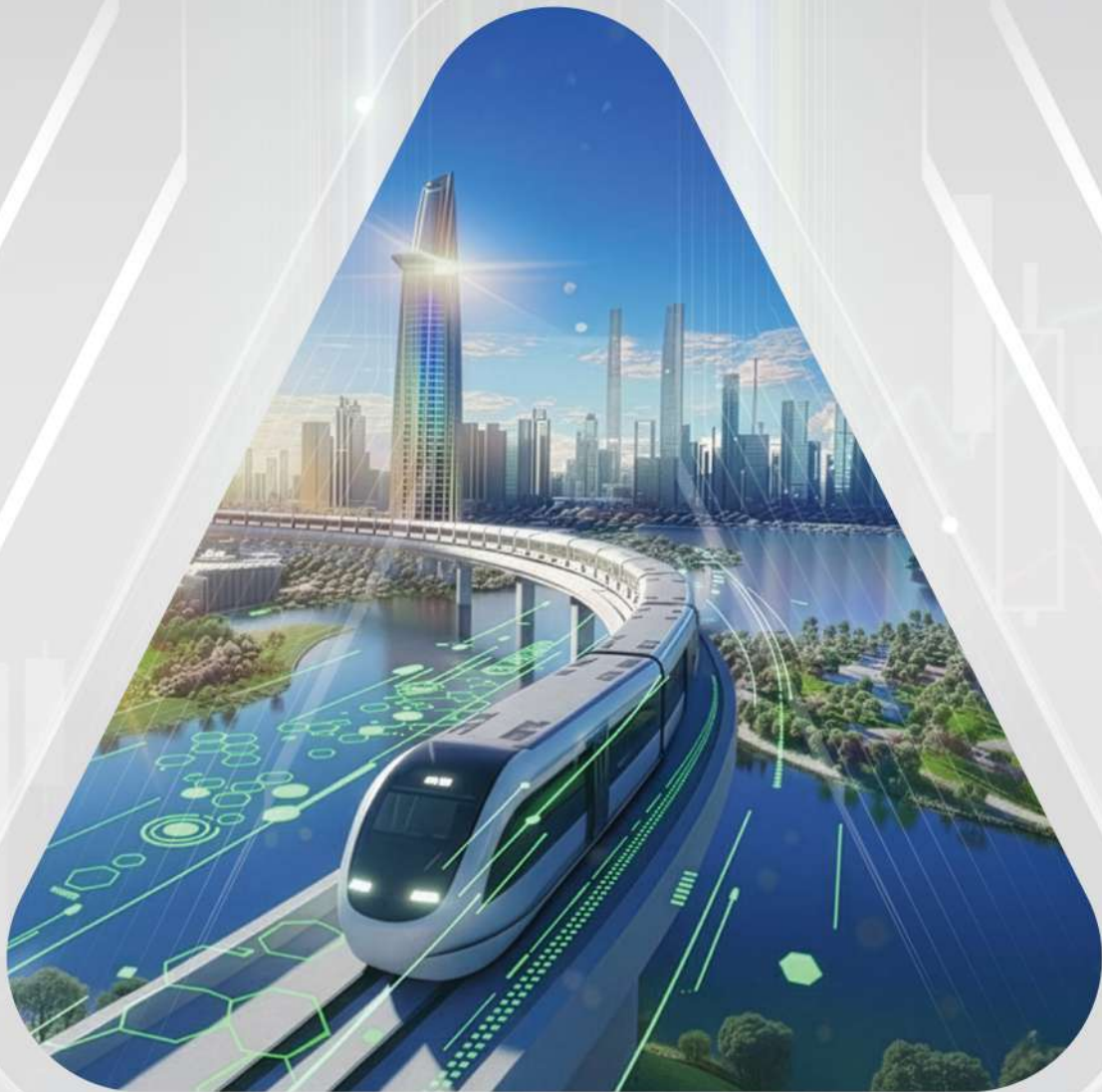
(Signature, full name, position, and seal)



BÙI VŨ HOÀNG TUYÊN
Luật Sư Trưởng



Vietcap 



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

CHUYỂN MÌNH ĐỂ
VƯƠN XA

Báo cáo thường niên 2025



MỤC LỤC

NỀN TẢNG CHUYỂN MÌNH

06 - 24

- 01 TẦM NHÌN LÃNH ĐẠO**
 - 06 Thông điệp Chủ tịch HĐQT
 - 08 Lời mở đầu
 - 10 18 năm kiến tạo phát triển
 - 12 Điểm lại chỉ số nổi bật năm 2025
- 02 NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN**
 - 18 Thông tin doanh nghiệp
 - 21 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
 - 22 Dấu ấn tự hào
 - 24 Diễn giải báo cáo tài chính 2025

CHUYỂN MÌNH TOÀN DIỆN

32 - 71

- 03 DẤU ẤN CHUYỂN MÌNH**
 - 32 Tổng quan thị trường năm 2025
 - 38 Nhân sự
 - 48 Ngân hàng Đầu tư
 - 52 Tư vấn Tài chính Doanh Nghiệp
 - 54 Tư vấn Đầu tư
 - 61 Giao dịch Chứng khoán & Khách hàng Tổ chức
 - 62 Nghiên cứu & Phân tích
 - 64 Tự doanh
 - 66 Dịch vụ khách hàng và Quản lý sản phẩm
 - 69 An toàn thông tin
 - 71 Đổi mới sáng tạo

CỦNG CỐ NỘI LỰC

78 - 104

- 04 TRỤ CỘT VỮNG CHẮC**
 - 78 Vị thế tài chính
 - 82 Quản trị rủi ro
- 05 DẪN DẮT TẦM NHÌN**
 - 86 Đạo đức nghề nghiệp
 - 88 Cơ cấu tổ chức
 - 90 Thành viên Hội đồng Quản trị
 - 100 Thành viên Ban Kiểm soát
 - 102 Thành viên Ban Tổng Giám đốc
 - 104 Nhân sự chủ chốt

SẴN SÀNG VƯƠN XA

110 - 136

- 06 ĐỊNH HÌNH TRIỂN VỌNG**
 - 110 Triển vọng 2026: Bối cảnh và xu hướng
 - 112 Kế hoạch kinh doanh VCI năm 2026
- 07 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**
 - 114 Định hướng phát triển bền vững
 - 119 Tổng quan báo cáo
 - 121 Báo cáo hoạt động phát triển bền vững
 - 130 Tham chiếu chỉ số GRI
- 08 CHỦ ĐỘNG BỨT PHÁ**
 - 133 Thông tin cổ phiếu và hoạt động quan hệ nhà đầu tư
 - 134 Cơ cấu cổ đông
 - 136 Báo cáo tài chính

THÔNG điệp CHỦ TỊCH HĐQT



Với tinh thần đổi mới, minh bạch và phát triển bền vững, chúng tôi cam kết tiếp tục nâng cao giá trị doanh nghiệp, đồng hành cùng Quý vị và vững bước trên hành trình kiến tạo những giá trị dài hạn trong tương lai.



NGUYỄN THANH PHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Quý Đồng nghiệp,

Năm 2025 đánh dấu bước phục hồi mạnh mẽ và bứt phá rõ nét của nền kinh tế Việt Nam. Với mức tăng trưởng GDP xấp xỉ 8%, nền kinh tế cho thấy sức bật đáng kể của sản xuất, xuất khẩu và tiêu dùng nội địa, tạo nên một chu kỳ tăng trưởng mới trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn tiềm ẩn nhiều bất định. Đà phục hồi lan tỏa đồng đều ở các ngành trọng yếu, đặc biệt là sản xuất và dịch vụ, đã củng cố nền tảng tăng trưởng vững chắc trong suốt các quý của năm. Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn đầu tư khi duy trì được ổn định vĩ mô, cải thiện cán cân thương mại và giữ nhịp tăng trưởng tích cực của đầu tư trực tiếp nước ngoài. Những yếu tố này không chỉ tạo dư địa cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao quy mô, chiều sâu và sức hấp dẫn của thị trường vốn.

Trên nền tảng ổn định của kinh tế vĩ mô và sự cải thiện rõ nét của môi trường đầu tư, thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2025 tiếp tục duy trì trạng thái vận hành an toàn, minh bạch và có tính thanh khoản cao. Chỉ số VN-Index liên tục xác lập những cột mốc mới, tính đến cuối tháng 12 tăng gần 41% so với cuối năm trước, phản ánh niềm tin ngày càng gia tăng của nhà đầu tư vào triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế. Thanh khoản thị trường duy trì ở mức cao, với giá trị giao dịch bình quân cả năm 2025 trên tổng 3 sàn đạt hơn 29.500 tỷ đồng mỗi phiên, tăng trên 40% so với năm 2024, cho thấy sự lan tỏa mạnh mẽ của dòng tiền trên toàn thị trường. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu theo đó cũng ghi nhận mức tăng khoảng 39% so với thời điểm cuối năm 2024, cùng với sự mở rộng nhanh chóng của cơ sở nhà đầu tư khi số lượng tài khoản đạt hơn 11,9 triệu, vượt mục tiêu đặt ra trong Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030. Đặc biệt, việc tổ chức xếp hạng FTSE Russell chính thức công bố nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp đã tạo thêm lực đẩy quan trọng, góp phần củng cố niềm tin, thu hút dòng vốn và thúc đẩy sự phát triển tích cực của thị trường trong suốt năm 2025.

Trong bối cảnh đó, Vietcap đã chủ động nắm bắt các cơ hội triển khai linh hoạt các chiến lược kinh doanh và tiếp tục củng cố nền tảng vận hành. Nhờ cách tiếp cận thận trọng nhưng chủ động, doanh nghiệp ghi nhận kết quả tăng trưởng khả quan trên nhiều mảng hoạt động cốt lõi, tạo đà cho sự phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Trong cả năm 2025, lợi nhuận trước thuế đạt 1.629 tỷ đồng, tương ứng hoàn thành khoảng 115% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Doanh thu hoạt động đạt 4.980 tỷ đồng, phản ánh hiệu quả từ việc đa dạng hóa nguồn thu và tận dụng tốt diễn biến tích cực của thị trường.

Các mảng kinh doanh cốt lõi như môi giới, cho vay ký quỹ và đầu tư đều ghi nhận sự cải thiện rõ rệt cả về quy mô lẫn hiệu quả. Vietcap tiếp tục giữ vững vị thế trong nhóm các công ty chứng khoán dẫn đầu về thị phần khách hàng tổ chức, đồng thời từng bước mở rộng thị phần ở phân khúc khách hàng cá nhân. Dư nợ cho vay ký quỹ duy trì ở mức cao, cho thấy niềm tin ngày càng gia tăng của nhà đầu tư đối với uy tín thương hiệu và năng lực vận hành của công ty.

Năm 2025 đánh dấu sự chuyển mình rõ nét của Vietcap trong cách tiếp cận và triển khai chiến lược phát triển, khi công nghệ và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo ngày càng đóng vai trò trung tâm trong hoạt động tài chính, chứng khoán. Bước sang năm thứ 18 trên thị trường, Vietcap tiếp tục đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi số với hệ sinh thái công nghệ phân tích và Smart Data. Bộ ba nền tảng Vietcap IQ, Vietcap AI News và AI Trading được phát triển nhằm đồng hành cùng nhà đầu tư trong bối cảnh thị trường biến động nhanh và đòi hỏi phản ứng linh hoạt hơn. Thông qua việc ứng dụng các giải pháp công nghệ và AI vào dịch vụ tài chính, Vietcap hướng tới nâng cao khả năng cá nhân hóa, tăng tính chủ động cho nhà đầu tư, đồng thời tối ưu hiệu quả vận hành và quản trị rủi ro.

Xuyên suốt hành trình chuyển mình, Vietcap kiên định với nền tảng phát triển lấy con người làm trung tâm, đồng thời lựa chọn đầu tư dài hạn vào các năng lực công nghệ vận hành như một động lực cốt lõi cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Trong bối cảnh ngành tài chính, chứng khoán đang tái định hình mạnh mẽ, Vietcap xác định tăng trưởng bền vững không chỉ đến từ hệ thống hay nền tảng, mà trước hết đến từ năng lực con người trong việc làm chủ tri thức, thích ứng với thay đổi và đưa ra những quyết định có giá trị dài hạn. Theo đó, công nghệ được Vietcap phát triển như một bệ đỡ chiến lược trong việc nâng cao chất lượng phân tích, chuẩn hóa quy trình, gia tăng tốc độ và độ chính xác trong vận hành, đồng thời mở rộng khả năng cá nhân hóa trải nghiệm cho nhà đầu tư. Khi được đặt trong tay đội ngũ giàu chuyên môn và tư duy đổi mới, các nền tảng số và ứng dụng thông minh không chỉ tối ưu hiệu quả hoạt động, mà còn hỗ trợ con người phát huy tốt hơn vai trò tư vấn, quản trị rủi ro và kiến tạo giải pháp phù hợp với từng nhóm khách hàng. Mọi thay đổi về mô hình, quy trình và nền tảng vì thế đều được triển khai xoay quanh mục tiêu nâng cao trải nghiệm khách hàng, tạo dựng giá trị bền vững cho cổ đông và phát huy tối đa năng lực của đội ngũ trong một môi trường số hóa. Sự kết hợp hài hòa giữa con người và công nghệ chính là nền tảng để Vietcap củng cố nội lực, nâng cao năng lực cạnh tranh và sẵn sàng bước vào giai đoạn tiếp theo với tầm nhìn dài hạn và định hướng rõ ràng.

Khép lại một năm nhiều chuyển biến và bước vào chặng đường phát triển mới, thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý đối tác đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng Vietcap trong suốt thời gian qua. Sự tin cậy và gắn bó bền vững của Quý vị chính là nền tảng để Vietcap không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực và chủ động thích ứng trước những thay đổi của thị trường.

Hướng tới chặng đường phía trước, Vietcap tin tưởng vào triển vọng tích cực của nền kinh tế Việt Nam cũng như sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp. Với tinh thần đổi mới, minh bạch và phát triển bền vững, chúng tôi cam kết tiếp tục nâng cao giá trị doanh nghiệp, đồng hành cùng Quý vị và vững bước trên hành trình kiến tạo những giá trị dài hạn trong tương lai.

Trân trọng,

NGUYỄN THANH PHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CHUYỂN MÌNH ĐỂ VƯƠN XA

LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi chu kỳ phát triển đều mang đến những yêu cầu mới, đòi hỏi doanh nghiệp không chỉ linh hoạt thích ứng mà còn phải chủ động bứt phá để vươn tầm. Trong bối cảnh thị trường tài chính Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên số hóa toàn diện – nơi dữ liệu, tốc độ xử lý và khả năng kết nối thiết lập nên những chuẩn mực mới – ngành chứng khoán đang chứng kiến sự tái định hình sâu sắc từ mô hình vận hành, khung quản trị rủi ro cho đến hệ sinh thái dịch vụ dành cho nhà đầu tư.

Bối cảnh này định hình một bài toán chiến lược dài hạn: làm thế nào để duy trì đà tăng trưởng bền vững khi tốc độ đổi mới, năng lực thích ứng và trải nghiệm Khách hàng trở thành thước đo năng lực cạnh tranh cốt lõi. Đối với Vietcap, đây là thời khắc then chốt để củng cố nền tảng vững chắc đã được kiến tạo, từ đó tự tin vươn mình mở ra một kỷ nguyên phát triển mới – Chuyển mình để vươn xa.

Những biến chuyển mạnh mẽ của thị trường đã thôi thúc Vietcap tái định hình toàn diện nền tảng vận hành, từ hệ thống công nghệ, quy trình tác nghiệp đến mô hình dịch vụ và cấu trúc tổ chức. Quá trình chuyển đổi này được triển khai nhất quán, như việc nâng cấp toàn bộ “đường ray” vận hành – nơi các nền tảng số, dữ liệu và chuẩn hóa quy trình tạo nên một hệ thống đồng bộ, linh hoạt và đủ năng lực đáp ứng nhịp độ phát triển ngày càng nhanh của ngành tài chính, chứng khoán.

Từ nền tảng chuyển đổi đó, Vietcap từng bước tăng tốc trong tầm nhìn và chiến lược phát triển, chủ động nắm bắt cơ hội, mở rộng không gian tăng trưởng và kiến tạo giá trị bền vững trong dài hạn. Trên hành trình hướng tới phía trước, Vietcap tiếp tục đồng hành cùng Khách hàng và nhà đầu tư, cùng tiến bước trên một lộ trình phát triển được dẫn dắt bởi công nghệ, chất lượng dịch vụ và khát vọng vươn xa trong chương phát triển mới.



18 NĂM KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN

2007 - 2008

CHÍNH THỨC HOẠT ĐỘNG THÀNH LẬP CHI NHÁNH

- VCSC (Vietcapital) được thành lập và chính thức hoạt động vào tháng 11.2007.
- Thành lập chi nhánh đầu tiên tại Hà Nội.

Vốn điều lệ
360 Tỷ Đồng

2009 - 2010

NÂNG CẤP HỆ THỐNG, TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

- Đưa vào hoạt động một trong những hệ thống phần mềm giao dịch tiên tiến nhất trong ngành, do Tong Yang cung cấp.
- Thành lập phòng giao dịch Nguyễn Công Trứ - TP.HCM.

Vốn điều lệ
378 Tỷ Đồng

2011 - 2013

VƯƠN LÊN TOP 3 THỊ PHẦN TRÊN HOSE

- Lần đầu tiên tổ chức thành công Vietnam Access Day, thu hút hơn 300 khách mời, diễn giả và quỹ đầu tư trong nước và quốc tế.
- Vươn lên Top 3 CTCK có thị phần môi giới lớn nhất HOSE.
- Chuyển dịch cân bằng và hoàn thiện các mảng hoạt động kinh doanh.

Vốn điều lệ
398,4 Tỷ Đồng

2014 - 2015

ĐỘT PHÁ TRONG KẾT QUẢ KINH DOANH, DUY TRÌ TOP 3 THỊ PHẦN

- Vietnam Access Days trở thành hội nghị thường niên lớn nhất thu hút hàng trăm nhà đầu tư và các doanh nghiệp hàng đầu trong nước và quốc tế tham gia.

- Đột phá trong kết quả kinh doanh, với tỷ suất lợi nhuận (ROE) trên 30%.

Vốn điều lệ
500 Tỷ Đồng

2017 - 2018

NIÊM YẾT TRÊN HOSE, GIỮ VỮNG VỊ TRÍ TOP 3

- Niêm yết trên HOSE vào ngày 07.07.2017

- Giữ vững thị phần môi giới, tăng cường hoạt động tư vấn kinh doanh.

Vốn điều lệ
1.200 Tỷ Đồng

Vốn chủ sở hữu
3.020 Tỷ Đồng
tính đến cuối năm 2017.

2019 - 2020

GIỮ VỮNG THỊ PHẦN, HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH KINH DOANH

- Giữ vững thị phần môi giới, tăng cường hoạt động tư vấn kinh doanh.

Vốn điều lệ
1.656 Tỷ Đồng

Vốn chủ sở hữu
4.521 Tỷ Đồng
tính đến cuối năm 2020.

2021 - 2022

ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN TẠO ĐÀ TĂNG TRƯỞNG

- Chúng kiến những đổi mới toàn diện trong mô hình kinh doanh.
- Đẩy mạnh truyền thông công nghệ số (Digital Marketing) và ứng dụng vượt trội Công nghệ thông tin hàng đầu vào các sản phẩm.

Vốn điều lệ
4.355 Tỷ Đồng

Vốn chủ sở hữu
6.495 Tỷ Đồng
tính đến cuối năm 2022.

2023 - 2024

KHÁT VỌNG VƯƠN TẦM

- Tái cấu trúc thương hiệu chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap) với thông điệp "Nâng tầm nhà đầu tư Việt".

- Thăng hạng vượt bậc với vị trí Top 5 thị phần môi giới cá nhân HSX.

Phát hành thành công hơn
143,63 Triệu cổ phiếu riêng lẻ.

Vốn điều lệ
7.181 Tỷ Đồng

Vốn chủ sở hữu
12.944 Tỷ Đồng.

2025

CHUYỂN MÌNH VẬN HÀNH KIẾN TẠO NỀN TẢNG VƯƠN XA

- Đầu tư từ cốt lõi, lấy nền tảng vận hành và công nghệ làm trọng tâm.

- Chính thức mở rộng chiến lược phát triển bán lẻ thông qua việc khai trương chi nhánh phòng giao dịch mới tại Mỹ Đình, Hà Nội.

- Chủ động thích ứng với những chuyển dịch nền tảng của thời cuộc, khi thị trường trong nước tái cấu trúc hạ tầng với hệ thống KRX.

- Đồng hành cùng tiến trình hội nhập quốc tế, góp phần thúc đẩy nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam.

Phát hành thành công hơn
127,5 Triệu cổ phiếu riêng lẻ.

Hoàn thành
114,7% mục tiêu
kế hoạch kinh doanh năm 2025.

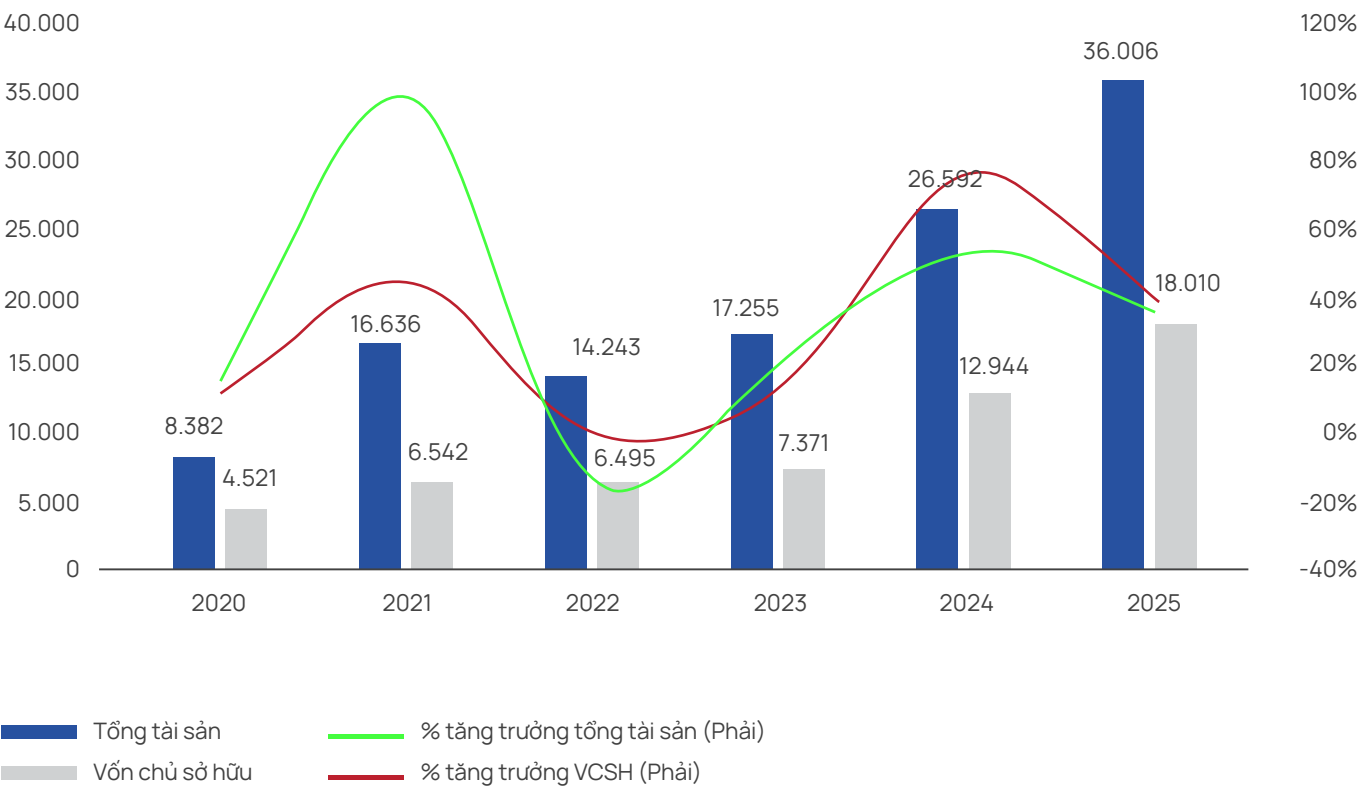
Vốn điều lệ
8.501 Tỷ Đồng

Vốn chủ sở hữu
18.010 Tỷ Đồng.

ĐIỂM LẠI CHỈ SỐ NỔI BẬT NĂM 2025



CƠ CẤU TÀI SẢN (Tỷ đồng)

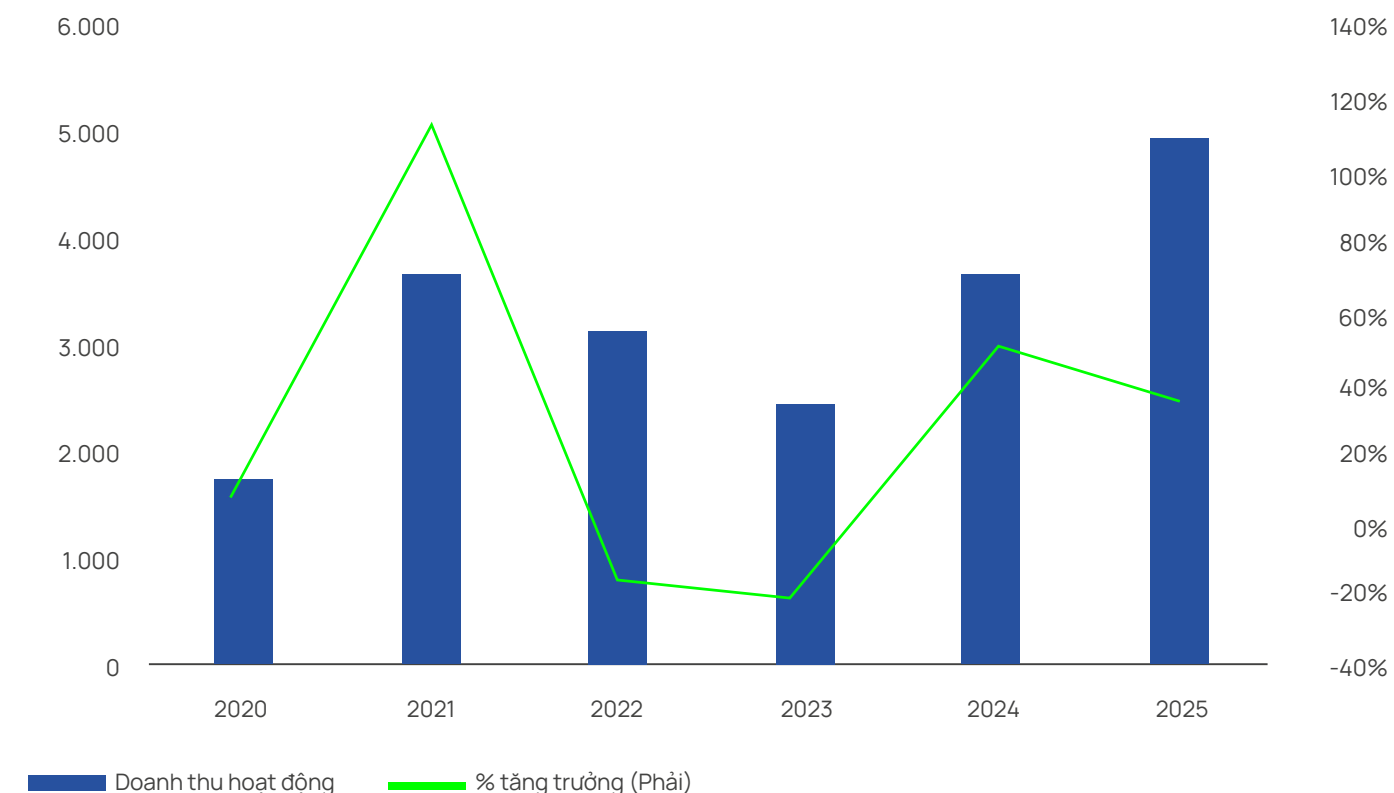


(*) Trừ phần chênh lệch vốn chủ do đánh giá lại tài sản (tương đương 2.694 tỷ đồng tính đến cuối tháng 12/2025) và phần vốn chủ tăng thêm từ đợt phát hành riêng lẻ tháng 12/2025 (tương đương 3.953 tỷ đồng)



Thị phần môi giới: Vietcap xếp thứ tư trên sàn HoSE trong năm 2025 với thị phần môi giới đạt 6,55%, tăng từ 6,08% thị phần trong năm tài chính 2024.

Tổng doanh thu hoạt động cao kỷ lục đạt 4.980 tỷ đồng tăng 35% so với năm 2024



Lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 1.629 tỷ đồng (61,7 triệu USD), tăng 50% so với năm tài chính 2024 và vượt kế hoạch 1.420 tỷ đồng (53,8 triệu USD) của Vietcap năm 2025 khoảng 15%.

1.629 Tỷ Đồng

Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 8,7% cho năm 2025. Nếu loại trừ phần chênh lệch vốn chủ do đánh giá lại tài sản (tương đương 2.694 tỷ đồng tính đến cuối tháng 12.2025) và phần vốn chủ tăng thêm từ đợt phát hành riêng lẻ tháng 12.2025 (tương đương 3.953 tỷ đồng), ROE của Vietcap đạt 12,2% năm 2025.

12,2 %



NỀN TẢNG CHUYỂN MÌNH



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap

Tên viết tắt _____ Tên tiếng Anh _____
Vietcap Vietcap Securities Joint Stock Company

Mã chứng khoán _____ Giấy chứng nhận ĐKDN _____
VCI Số 0305299779 do Sở Tài chính TP.Hồ Chí Minh
cấp lần đầu ngày 06.11.2007 và đăng ký thay đổi
lần thứ 29 ngày 16.01.2026

Vốn điều lệ _____
8.501.000.000.000 đồng

Trụ sở chính _____
📍 Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn,
TP. Hồ Chí Minh
☎ (+84) 28 3914 3588 🌐 www.vietcap.com.vn
📠 (+84) 28 3914 3209

Vietcap

Hồ Chí Minh

• Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

📍 Tầng 3, Toà nhà Vinatex - Tài Nguyên, 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

☎ (+84) 28 3914 3588
📠 (+84) 28 3914 3209

• Phòng giao dịch Hàm Nghi

📍 Tầng 16, Tòa nhà Doji, Số 81 -83 -83B -85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

☎ (+84) 28 3821 6186
📠 (+84) 28 3914 3588

Hà Nội

• Chi nhánh Hà Nội

📍 Tầng 6, Toà nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo,
Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội

☎ (+84) 24 6262 6999
📠 (+84) 24 6278 2688

• Phòng giao dịch Mỹ Đình

📍 SAP.A09 Tòa A - Chung cư cao tầng HH2 -1
(The Matrix One), Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội

☎ (+84) 2 8888 2 6868

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Vietcap hướng tới trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu Việt Nam, đồng hành cùng nhà đầu tư trên hành trình kiến tạo giá trị và hiện thực hóa mục tiêu Tự do Tài chính.

Phát triển hệ sinh thái dịch vụ tài chính số theo các tiêu chuẩn quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và đưa các giải pháp tài chính hiện đại đến gần hơn với người dân Việt Nam.

SỨ MỆNH

Hỗ trợ Khách hàng phát triển tài chính thông qua các giải pháp phù hợp, hiệu quả và bền vững.

Chúng tôi cam kết cung cấp những dịch vụ chất lượng tốt nhất, lấy Khách hàng làm trọng tâm để thấu hiểu nhu cầu và đưa ra các giải pháp phù hợp, hiệu quả tối ưu, dựa trên nền tảng đạo đức, tâm huyết, trách nhiệm và năng lực chuyên môn cao.



Khách hàng

Mọi hoạt động của Vietcap đều xuất phát từ việc thấu hiểu nhu cầu của Khách hàng, tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng và tạo ra giá trị bền vững.

Sự tin tưởng

Vietcap đặt sự tin tưởng là tiền đề quan trọng giúp xây dựng và duy trì mối quan hệ tích cực với Khách hàng để thấu hiểu nhu cầu của họ. Niềm tin chính là chìa khóa để xây dựng mối quan hệ bền vững và mang lại giá trị bền vững cho cả khách hàng và Công ty.

Đội ngũ nhân sự

Đội ngũ nhân sự là tài sản quý giá nhất của Công ty. Vietcap nuôi dưỡng tài năng và tạo ra môi trường làm việc mà ở đó mỗi cá nhân đều có thể thành công và phát triển bản thân.

Giáo dục

Chúng tôi coi việc chia sẻ kiến thức là trách nhiệm và là cơ hội để đồng nghiệp và Khách hàng học hỏi lẫn nhau. Bằng cách này, Vietcap không chỉ phát triển chính mình mà còn đóng góp vào sự lớn mạnh của thị trường.

Hiệu quả công việc

Vietcap theo đuổi hiệu quả trong mọi hoạt động, cam kết mang lại kết quả tối ưu thông qua hiệu suất làm việc cao, kỷ luật vận hành và chuẩn mực nghề nghiệp vững chắc.

DẤU ẤN TỰ HÀO

16 năm liên tiếp
nhận giải thưởng của
Alpha Southeast Asia



"Nhà tư vấn thương vụ M&A do Quỹ đầu tư cổ phần tư nhân hậu thuẫn tốt nhất Đông Nam Á"
- 2019, 2020, 2021, 2022, 2023
"Nhà môi giới tổ chức tốt nhất Việt Nam" - 2012, 2013, 2014, 2018, 2023
"Ngân hàng Đầu tư và Nhà M&A tốt nhất" - 2017
"Nhà huy động vốn tốt nhất Việt Nam" - 2007 - 2016
"Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất Việt Nam" - 2011, 2012, 2013, 2015
"Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam" - 2013
"Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất" - 2011
"Nhà môi giới Khách hàng cá nhân hàng đầu Việt Nam" - 2024
"Nhà tư vấn thương vụ M&A hàng đầu Việt Nam" - 2024
"Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu hàng đầu Việt Nam" - 2024
"Thương vụ IPO/ Vốn cổ phần tốt nhất Việt Nam" - 2021, 2025

15 năm liên tiếp nhận giải
thưởng của Diễn đàn M&A
Việt Nam



"Doanh nghiệp có thương vụ M&A tiêu biểu" - từ 2009 đến 2024
"Tổ chức tư vấn M&A tiêu biểu" - 2024, 2025

9 năm trên 11 năm nhận giải
thưởng của Finance Asia



"Công ty tư vấn tốt nhất trên thị trường vốn cổ phần tại Việt Nam" - 2021, 2023
"Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam" - 2016, 2017, 2018
"Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" - 2012, 2015, 2016, 2017, 2023, 2024
"Công ty ECM tốt nhất Việt Nam" - 2017
"Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam" - 2011, 2022
"Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam" - 2016
"Nhà tư vấn huy động vốn cổ phần tốt nhất Việt Nam" - 2024

Giải thưởng
Global Brands Magazine (GBM)



"Ngân hàng đầu tư tốt nhất" - 2021, 2022, 2023
"Nhà tư vấn phát hành vốn tốt nhất" - 2021, 2022
"Nhà tư vấn M&A tốt nhất Việt Nam" - 2021, 2022
"Nhà huy động vốn tốt nhất và nhà môi giới tổ chức lớn nhất Việt Nam" - 2021

Giải thưởng
VietnamNet & Vietnam Report



"Top 50 Doanh nghiệp Lợi nhuận xuất sắc" và "Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam" -
2021, 2022
"Top 50 Công ty đại chúng uy tín" - 2021, 2022
"Top 10 Công ty uy tín nhất ngành Tài chính" - 2024, 2025



Giải thưởng
Euromoney

"Ngân hàng đầu tư tốt nhất
Việt Nam" - 2015, 2023



Giải thưởng UBND TP.HCM

"Doanh nghiệp Sài Gòn
tiêu biểu" - 2011



Giải Thưởng Forbes Việt Nam

"Top 50 Công ty niêm yết tốt
nhất Việt Nam" - 2024, 2025



Giải thưởng
Sàn GDCK Hà Nội

Một trong ba Công ty chứng
khoán có dịch vụ tư vấn tốt
nhất giai đoạn 2005 - 2015



Giải thưởng FiinRatings

"Xếp hạng tín nhiệm ở mức A -
với triển vọng ổn định" - 2021

"Xếp hạng tín nhiệm ở mức A
với triển vọng ổn định" - 2025



Giải thưởng Viet Research
phối hợp với Báo Tài chính -
Đầu tư

"Top 10 Doanh nghiệp ESG Việt
Nam Xanh 2025 ngành Tài chính
- Chứng khoán" - 2025



Giải thưởng
The Asset Asian Awards

"C ộ n g t y môi giới tốt nhất
Việt Nam" - 2011



Giải thưởng Nhịp Cầu Đầu Tư

"Top 50 Công ty kinh doanh
hiệu quả nhất Việt Nam" -
2023, 2025



Giải thưởng Sở GDCK Việt Nam

"Top 10 Công ty chứng khoán
có thị phần môi giới lớn nhất"
- 2025

2025

Vietcap tiếp tục khẳng định vị thế khi được vinh danh
tại nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế



Alpha Southeast Asia

Thương vụ Cổ phiếu/IPO xuất sắc
nhất Việt Nam 2025



Nhịp Cầu Đầu Tư

Top 50 C ộ n g t y kinh doanh
hiệu quả nhất Việt Nam



Sở GDCK Việt Nam

Top 10 Công ty chứng khoán có
thị phần môi giới lớn nhất 2025



VietnamNet & Vietnam Report

Top 10 Công ty uy tín nhất
ngành Tài chính



Diễn đàn M&A Việt Nam

Tổ Chức Tư Vấn M&A Tiêu Biểu tại
Diễn Đàn M&A Việt Nam 2025



Viet Research phối hợp với Báo
Tài chính - Đầu tư

Top 10 Doanh nghiệp ESG Việt Nam
Xanh 2025 ngành Tài chính -
Chứng khoán 2025.

DIỄN GIẢI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

Tóm tắt kết quả tài chính năm 2025

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (LNTT)

1.629 Tỷ Đồng
tăng **50%**

Trong cả năm 2025, Vietcap ghi nhận LNTT đạt 1.629 tỷ đồng, tăng 50% so với năm 2024 và vượt 15% so với kế hoạch năm 2025 của Vietcap là 1.420 tỷ đồng.

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN TRÊN VỐN CHỦ SỞ HỮU (ROE)

12,2%

ROE trượt 12 tháng gần nhất của Vietcap đạt 8,7% trong năm 2025. Nếu loại trừ chênh lệch từ đánh giá lại tài sản theo giá thị trường được ghi nhận trong Vốn chủ sở hữu (đạt 2.694 tỷ đồng vào cuối tháng 12.2025) và giá trị vốn chủ sở hữu tăng thêm từ đợt phát hành riêng lẻ tháng 12.2025 (đạt 3.953 tỷ đồng), ROE của Vietcap đạt 12,2% tại thời điểm cuối tháng 12.2025.

TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (VCSH):

18.010 Tỷ Đồng
tăng **39%**

Tính đến cuối tháng 12.2025, tổng VCSH của Vietcap đạt 18.010 tỷ đồng - tăng 39% so với cuối năm 2024.

Phân tích kết quả kinh doanh theo từng mảng năm 2025

Mảng môi giới

doanh thu đạt
1.069 Tỷ Đồng
tăng **39%** so với năm 2024

Vietcap xếp thứ 4 trên sàn HoSE trong năm 2025 với thị phần môi giới đạt 6,55%, tăng so với mức 6,08% của năm 2024.

Lũy kế cả năm 2025, mảng Môi giới ghi nhận doanh thu đạt 1.069 tỷ đồng (tăng 39% so với năm 2024). Trong Q4 2025, mảng Môi giới ghi nhận doanh thu đạt 299 tỷ đồng (giảm 22% so với quý trước - Q3 2025 - nhưng tăng 48% so với Q4 2024). Mức giảm doanh thu theo quý của mảng môi giới chủ yếu do thanh khoản thị trường trong Q4 2025 giảm từ mức đỉnh lịch sử (tính theo quý) được ghi nhận trong Q3 2025. Giá trị giao dịch trung bình trong Q4 2025 đạt 29,4 nghìn tỷ đồng, thấp hơn 34% so với Q3 2025 nhưng vẫn là mức cao thứ hai tính theo quý kể từ năm 2022, tương đương mức tăng 70% so với Q4 2024.

Mảng Cho vay Ký quỹ (Margin)

doanh thu đạt
1.287 Tỷ Đồng
tăng **38%** so với năm 2024

Lũy kế cả năm 2025, mảng cho vay ký quỹ ghi nhận doanh thu đạt 1.287 tỷ đồng (tăng 38% so với năm 2024).

Mặc dù dư nợ cho vay ký quỹ liên tục lập đỉnh mới trong ba quý gần đây, tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ trên tổng vốn chủ sở hữu của Vietcap vẫn duy trì ở mức trung bình là 0,9 lần tại thời điểm cuối tháng 12.2025. Điều này giúp Vietcap có dư địa dồi dào để tiếp tục mở rộng dư nợ cho vay ký quỹ.

Mảng Ngân hàng Đầu tư

doanh thu đạt
53 Tỷ Đồng
tăng **54%** so với năm 2024

Lũy kế cả năm 2025, mảng Ngân hàng đầu tư ghi nhận doanh thu 53 tỷ đồng (tăng 54% so với năm 2024). Trong Q4 2025, Vietcap đã ghi nhận một phần phí từ các thương vụ tư vấn đáng chú ý, bao gồm nhưng không giới hạn ở thương vụ IPO của VPBankS và Nông nghiệp Hòa Phát.

Mảng Đầu tư

doanh thu đạt
2.611 Tỷ Đồng
tăng trưởng **30%** so với năm 2024

Lũy kế cả năm 2025, mảng Đầu tư ghi nhận doanh thu đạt 2.611 tỷ đồng (tăng trưởng 30% so với năm 2024). Trong Q4 2025, Vietcap đã thực hiện một số giao dịch đối với các mã FPT, KDH, MBB, ACB và STB, cùng các cổ phiếu khác; đồng thời ghi nhận cổ tức tiền mặt từ một số khoản đầu tư của Công ty.

Phân tích Bảng cân đối kế toán năm 2025

- Các khoản nợ của Vietcap tính đến cuối tháng 12.2025 là 16.065 tỷ đồng, tăng 28% so với cuối năm 2024. Tất cả các khoản nợ này đều là nợ ngắn hạn và chủ yếu được sử dụng để tài trợ cho hoạt động cho vay kỳ quỹ.
- Tỷ lệ tổng nợ trên VCSH của Vietcap giảm xuống 89,2% vào cuối tháng 12.2025 so với 97,1% vào cuối năm 2024.
- Tính đến cuối tháng 12.2025, tổng tài sản của Vietcap đạt 36.006 tỷ đồng – tăng 35% so với cuối năm 2024.

Tổng tài sản của
Vietcap
36.006
Tỷ Đồng

Các sự kiện doanh nghiệp đáng chú ý trong năm 2025

Vào tháng 2.2025

Vietcap đã trả cổ tức tiền mặt đợt 2 năm 2024 là 250 đồng/cổ phiếu.

Vào tháng 7.2025

Vietcap đã ký hợp đồng vay hợp vốn không tài sản đảm bảo trị giá 41,6 triệu USD (tương đương 1.061 tỷ đồng). Khoản vay được thu xếp bởi CTBC Bank Co., Ltd., Cathay United Bank Co., Ltd., Taipei Fubon Commercial Bank Co., Ltd., First Commercial Bank Co., Ltd., Offshore Banking Branch và Union Bank of Taiwan.

Vào tháng 7.2025

Vietcap đã phát hành 4,5 triệu cổ phiếu ESOP (tương đương 0,6% tổng số cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành ESOP). Tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Vietcap tính đến cuối tháng 7.2025 là 722,6 triệu cổ phiếu.

Vào tháng 10.2025

FiinRatings công bố Xếp hạng Tín nhiệm Tổ chức Phát hành ở mức "A" cho Vietcap với triển vọng xếp hạng "Ổn định". Kết quả xếp hạng của FiinRatings phản ánh sự ghi nhận đối với năng lực tài chính vững mạnh, vị thế hàng đầu trong ngành chứng khoán và chiến lược quản trị rủi ro hiệu quả của Vietcap.

Vào tháng 11.2025

Vietcap đã ký kết khoản vay hợp vốn tín chấp trị giá 120 triệu USD (tương đương 3.165 tỷ đồng) với quyền chọn gia tăng hạn mức (greenshoe option) lên tới 250 triệu USD (tương đương 6.595 tỷ đồng). Khoản vay được thu xếp và/hoặc cam kết bởi các ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn ở: Maybank Securities Pte. Ltd., Maybank International Labuan Branch, CTBC Bank Co., Ltd. (Chi nhánh Singapore), Cathay United Bank Co., Ltd., Taipei Fubon Commercial Bank Co., Ltd., Taishin International Bank Co., Ltd. (Chi nhánh Singapore) và Union Bank of Taiwan Co. Ltd.

Vào tháng 12.2025

Vietcap đã hoàn tất đợt chào bán riêng lẻ 127,5 triệu cổ phiếu mới (tương đương 18% số lượng cổ phiếu lưu hành trước đợt chào bán) với giá phát hành 31.000 đồng/cổ phiếu. Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành của Vietcap tính đến cuối tháng 12.2025 là 850,1 triệu cổ phiếu.

Tiêu điểm Báo cáo Kết quả Kinh doanh

Tỷ đồng	Q1 2024	Q2 2024	Q3 2024	Q4 2024	Q1 2025	Q2 2025	Q3 2025	Q4 2025	QoQ	YoY	2024	2025	YoY
Tổng doanh thu và thu nhập	813	934	978	1.023	875	1.164	1.449	1.533	6%	50%	3.749	5.021	34%
Môi giới	186	194	186	202	159	226	384	299	-22%	48%	769	1.069	39%
Cho vay kỳ quỹ	190	244	215	284	293	274	331	389	18%	37%	932	1.287	38%
Ngân hàng Đầu tư	4	12	2	17	13	2	2	37	2.115%	122%	35	53	54%
Đầu tư	433	484	575	521	410	662	732	807	10%	55%	2.014	2.611	30%
Chi phí hoạt động	370	359	468	520	314	772	686	619	-10%	19%	1.717	2.391	39%
Lỗ tài sản FVTPL (1)	168	198	253	373	155	591	411	379	-8%	2%	992	1.536	55%
Chi phí dự phòng (2)	0	0	0	0	0	0	0	0	N/M	N/M	0	0	N/M
Các chi phí hoạt động khác (Loại trừ (1) và (2))	202	161	215	147	159	181	273	240	-12%	63%	726	855	18%
Chi phí tài chính	185	197	197	218	183	153	203	314	55%	44%	798	854	7%
Lợi nhuận trước thuế	228	344	265	253	355	211	519	544	5%	115%	1.089	1.629	50%
Lợi nhuận sau thuế	198	279	215	218	295	184	420	443	5%	103%	911	1.342	47%

Tiêu điểm Báo cáo Tình hình Tài chính

Tỷ đồng	FY2019	FY2020	FY2021	FY2022	FY2023	FY2024	FY2025
Các khoản mục chính							
Tiền và tương đương tiền	795	643	1.132	3.424	788	4.744	3.214
FVTPL	795	615	1.222	665	122	846	2.238
Nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	262	106	754	886	380	598	412
Cho vay kỳ quỹ	3.032	3.882	7.701	5.279	7.992	11.222	16.167
AFS	1.731	2.713	5.324	3.734	6.604	8.409	13.308
Nợ	2.533	3.364	8.327	6.873	9.099	12.574	16.065
Nợ vay ngắn hạn	2.533	3.364	8.327	6.873	9.099	12.574	16.065
Nợ vay dài hạn	0	0	0	0	0	0	0
Tổng Tài sản	7.243	8.382	16.636	14.243	17.255	26.592	36.006
Tổng Nợ	3.191	3.861	10.094	7.747	9.884	13.648	17.996
Tổng Vốn chủ sở hữu	4.052	4.522	6.542	6.495	7.371	12.944	18.010

Các chỉ số tài chính chính	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng Nợ vay/VCSH	62,5%	74,4%	127,3%	105,8%	123,4%	97,1%	89,2%
Nợ vay ròng (*)/VCSH	42,9%	60,2%	110,0%	53,1%	112,8%	60,5%	71,4%
Tổng Nợ/Tổng Tài sản	44,1%	46,1%	60,7%	54,4%	57,3%	51,3%	50,0%
ROA	10,1%	9,8%	12,0%	5,6%	3,1%	4,2%	4,3%
ROE	18,0%	17,9%	27,1%	13,3%	7,1%	9,0%	8,7%
ROE (**)	19,9%	19,7%	33,4%	16,8%	8,8%	11,1%	10,4%
GTSS/cổ phiếu (đồng)(***)	7.294	8.079	11.624	11.473	12.960	18.026	21.186

(*) Nợ ròng = Tổng nợ - CCE (Tiền và tương đương tiền)
(**) Chỉ số ROE này được tính dựa trên Vốn Chủ sở hữu loại trừ chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý. Nếu loại trừ phần chênh lệch vốn chủ do đánh giá lại tài sản (tương đương 2.694 tỷ đồng tính đến cuối tháng 12.2025) và phần vốn chủ tăng thêm từ đợt phát hành riêng lẻ tháng 12.2025 (tương đương 3.953 tỷ đồng), ROE của Vietcap đạt 12,2% năm 2025.
(***) Đã được điều chỉnh sau khi công ty phát hành cổ phần phổ thông để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

CHUYỂN MÌNH TOÀN DIỆN



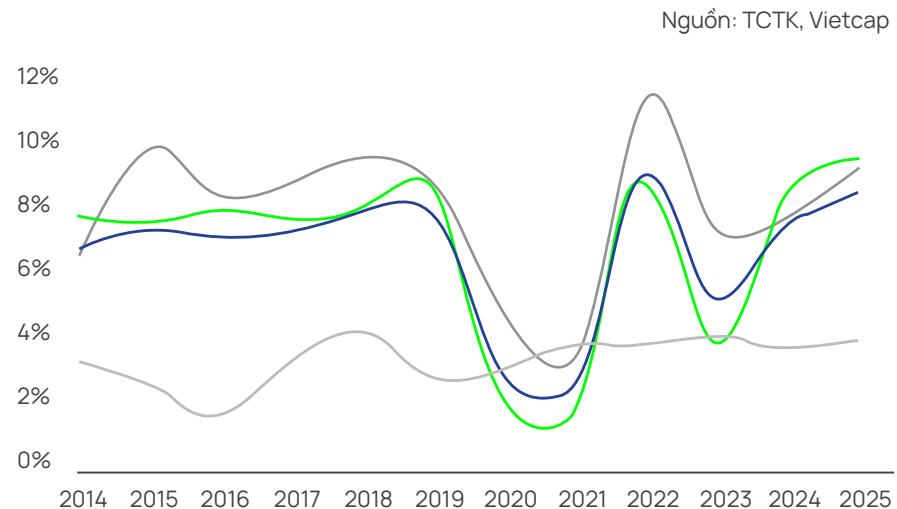
TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG NĂM 2025

Kinh tế Việt Nam 2025

Tăng trưởng GDP quý 4 đạt mức cao nhất kể từ năm 2011

GDP Việt Nam tăng 8,02% trong năm 2025, đánh dấu tốc độ tăng trưởng cao thứ hai kể từ năm 2011 (chỉ thấp hơn mức tăng trưởng 8,54% YoY của năm 2022). Trong 3 khu vực chính của nền kinh tế, khu vực Công nghiệp và Xây dựng tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất gần 8,95% với ngành sản xuất tăng gần 9,97%.

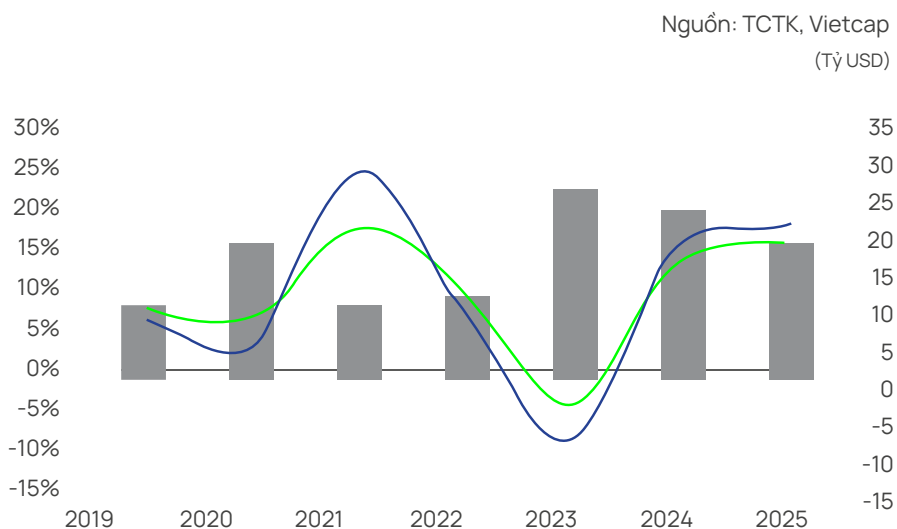
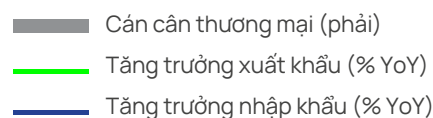
Tăng trưởng GDP



Xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng mạnh trong bối cảnh Việt Nam bị áp thuế đối ứng

Mặc dù hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ đã chịu thêm mức thuế đối ứng 10% từ ngày 5.4.2025 và 20% từ ngày 7.8.2025, kim ngạch xuất khẩu và và kim ngạch nhập khẩu cả năm của Việt Nam vẫn tiếp tục tăng mạnh 17,0% và 19,4% lên lần lượt 475,1 tỷ USD và 455,0 tỷ USD, dẫn đến thặng dư thương mại 20,1 tỷ USD (2024 thặng dư 24,9 tỷ USD). Đặc biệt trong đó xuất khẩu sang thị trường Mỹ ghi nhận tăng trưởng vượt trội 28,2% đạt 153,2 tỷ USD trong năm 2025 (+23,3% trong năm 2024).

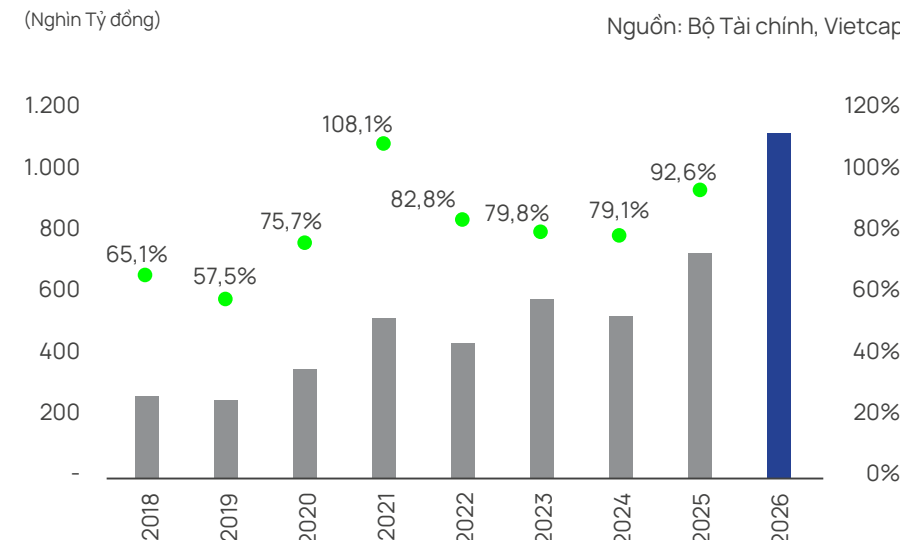
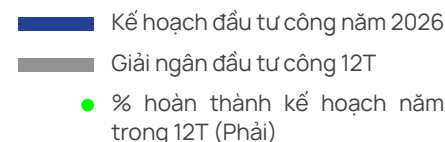
Xuất khẩu và nhập khẩu



Thu NSNN vượt 35% kế hoạch năm; Chính phủ đẩy mạnh chi đầu tư công

Theo Bộ Tài chính, thu NSNN năm 2025 tăng mạnh 29,7%, đạt 2.650 nghìn tỷ đồng, vượt 35% kế hoạch, chủ yếu nhờ thu nội địa với mức tăng 33,2% YoY, đạt 2.280 nghìn tỷ đồng, vượt 37% kế hoạch và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng 18,2%, đạt 320 nghìn tỷ đồng, vượt 36% kế hoạch. Trong khi đó chi NSNN tăng mạnh 31,2%, đạt 2.402 nghìn tỷ đồng trong năm 2025, với chi đầu tư phát triển tăng mạnh 38,3%, đạt 732 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 92,6% kế hoạch năm do Quốc hội giao (cao hơn mức trung bình 12 tháng giai đoạn 2020–2024 là 84,9%).

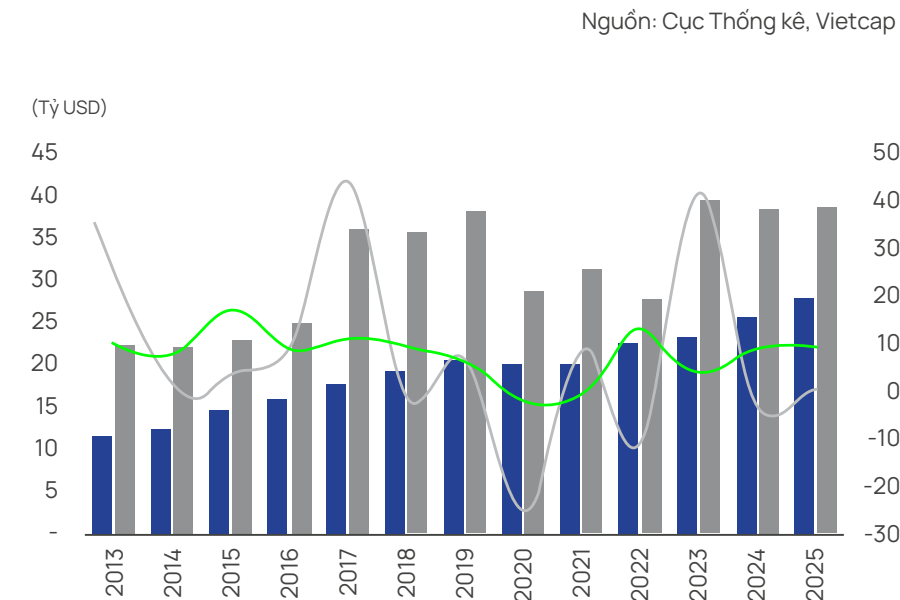
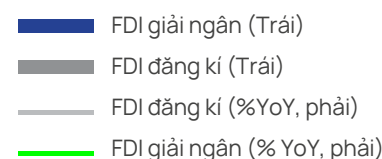
Giải ngân đầu tư công theo năm



Vốn FDI giải ngân tiếp tục tăng lên mức cao kỷ lục

Trong năm 2025, giải ngân vốn FDI tiếp tục tăng 9,0% lên 27,6 tỷ USD, mức cao nhất kể từ 2012. Tuy nhiên vốn FDI đăng ký có dấu hiệu chững lại khi chỉ tăng 0,5% lên 38,4 tỷ USD. Các dự án FDI tiếp tục tập trung vào lĩnh vực chế biến & chế tạo (21,0 tỷ USD), chiếm 54,7% tổng vốn FDI đăng ký trong năm 2025. Xét theo quốc gia/vùng lãnh thổ, dòng vốn FDI từ Singapore dẫn đầu với 9,4 tỷ USD, chiếm 24,5% tổng vốn FDI đăng ký trong năm 2025. Tiếp theo là Trung Quốc (5,7 tỷ USD; 14,8%), Hàn Quốc (5,3 tỷ USD; 13,8%) và Nhật Bản (3,7 tỷ USD; 9,7%).

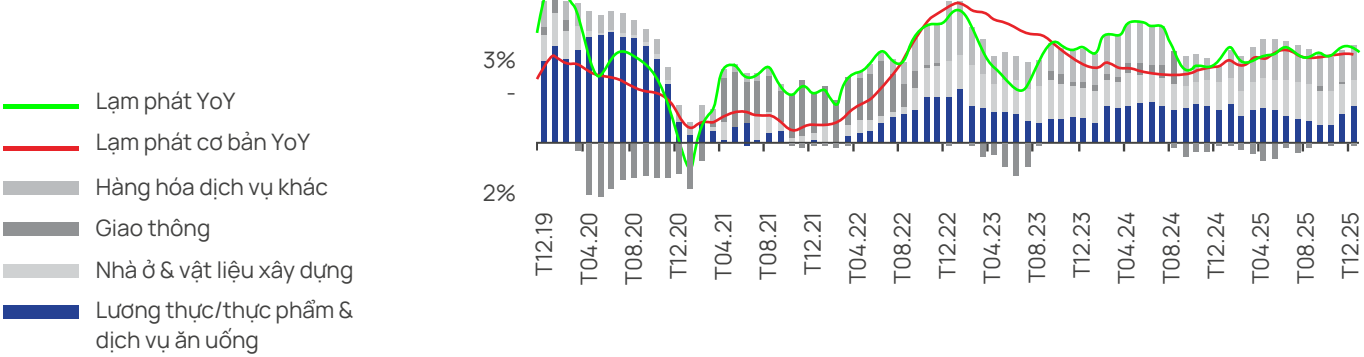
Vốn FDI giải ngân và đăng ký



Giá xăng dầu và gạo giảm mạnh giúp kiềm chế lạm phát trong năm 2025

Tính đến cuối tháng 12.2025, CPI đã tăng 3,48% so với tháng 12.2024, đưa CPI bình quân năm 2025 lên 3,31% – thấp hơn nhiều so với mức trần 4,5% của Chính phủ đặt ra. Giá dịch vụ y tế được điều chỉnh tăng theo Thông tư số 21.2024/TT-BYT là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến lạm phát trong năm 2025. Ở chiều ngược lại, một số yếu tố giúp kiềm chế lạm phát bao gồm giá xăng dầu trong nước bình quân giảm 9,6% và giá gạo trong nước giảm khoảng 7%.

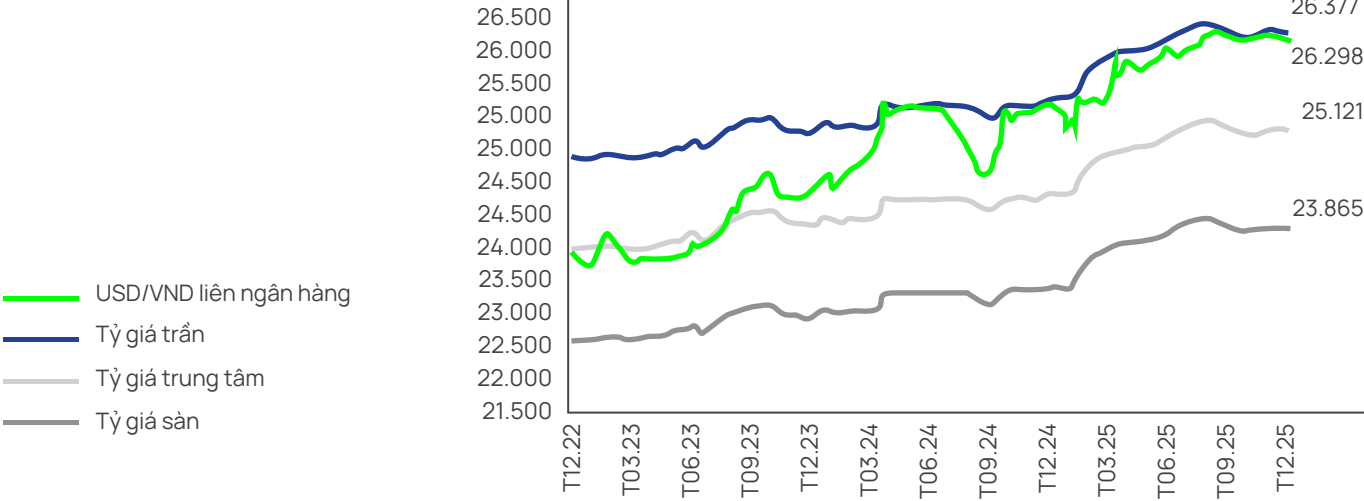
Đóng góp vào CPI hàng tháng (điểm %)



Tỷ giá tăng mặc dù chỉ số DXY giảm mạnh

Tỷ giá USD/VND giao dịch ở mức 26.298 trên thị trường liên ngân hàng vào ngày 31.12 tăng 3,1% trong năm 2025. Trong khi đó, ngoài thị trường tự do, tỷ giá có những thời điểm đã tăng mạnh lên gần 28.000. Nguyên nhân chính khiến tỷ giá tăng trong năm 2025 là sự biến động mạnh của giá vàng. Trong năm 2025, giá vàng SJC tăng mạnh 81,5%. Để ổn định thị trường ngoại hối, NHNN đã bán USD hợp đồng kỳ hạn cho các NHTM, đồng thời phối hợp với các Bộ ngành liên quan nhằm ngăn chặn các hoạt động mua bán vàng và ngoại tệ trái phép.

Tỷ giá hối đoái



Thị trường chứng khoán Việt Nam 2025

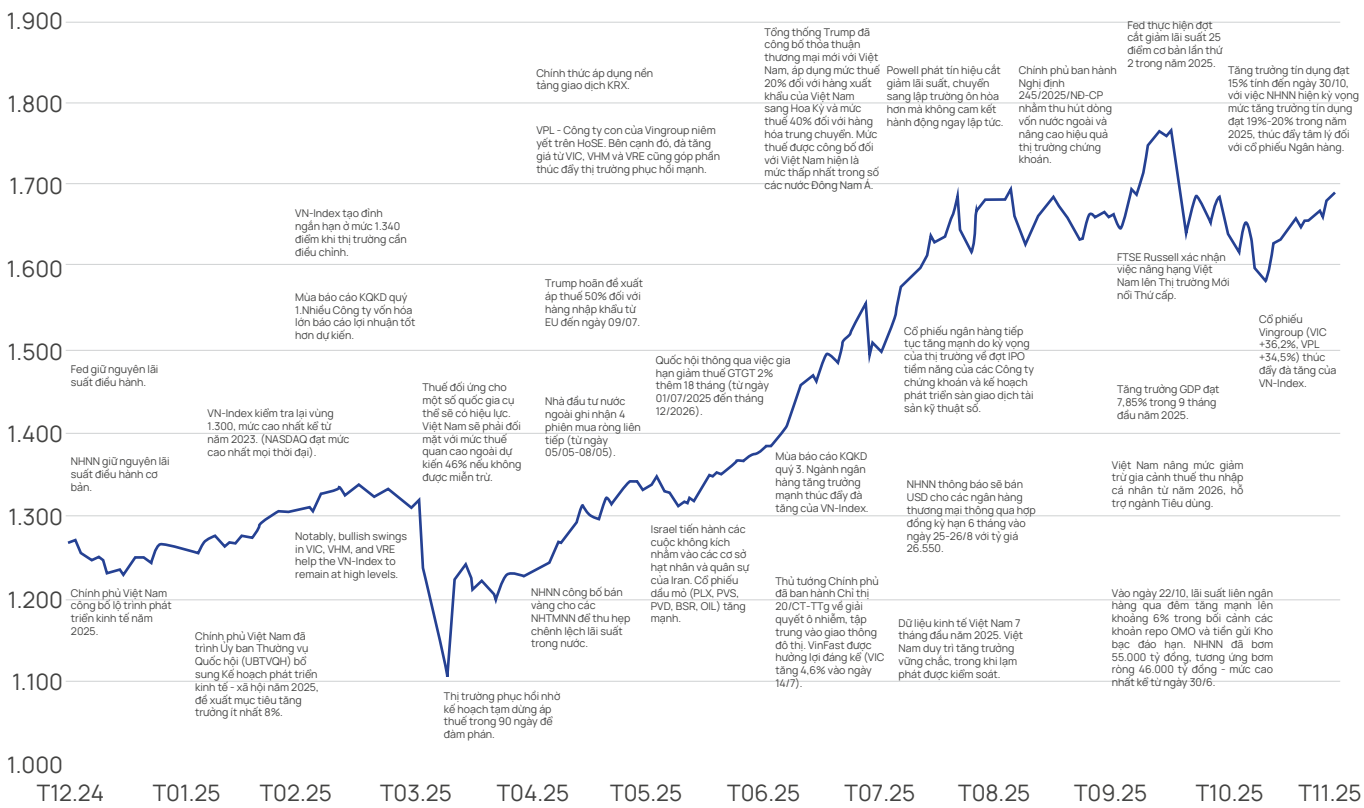
VN-Index tăng trưởng bứt phá trong năm 2025

Trong năm 2025, VN-Index tiếp tục tăng mạnh 41% lên 1.784 điểm, mức cao nhất trong lịch sử. Mặc dù việc Mỹ công bố thuế đối ứng vào đầu tháng 4.2025 đã tạo ra làn sóng bán tháo mạnh trên thị trường chứng khoán, thị trường sau đó đã hồi phục nhờ nhiều yếu tố bao gồm:

- Các chính sách vĩ mô nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là Nghị quyết 68 về phát triển kinh tế tư nhân.
- Tâm lý lạc quan kỳ vọng nâng hạng thị trường theo phân loại của FTSE.
- Các thông tin về thuế quan của Mỹ dần rõ ràng hơn.
- Nhóm cổ phiếu Vingroup tăng mạnh.

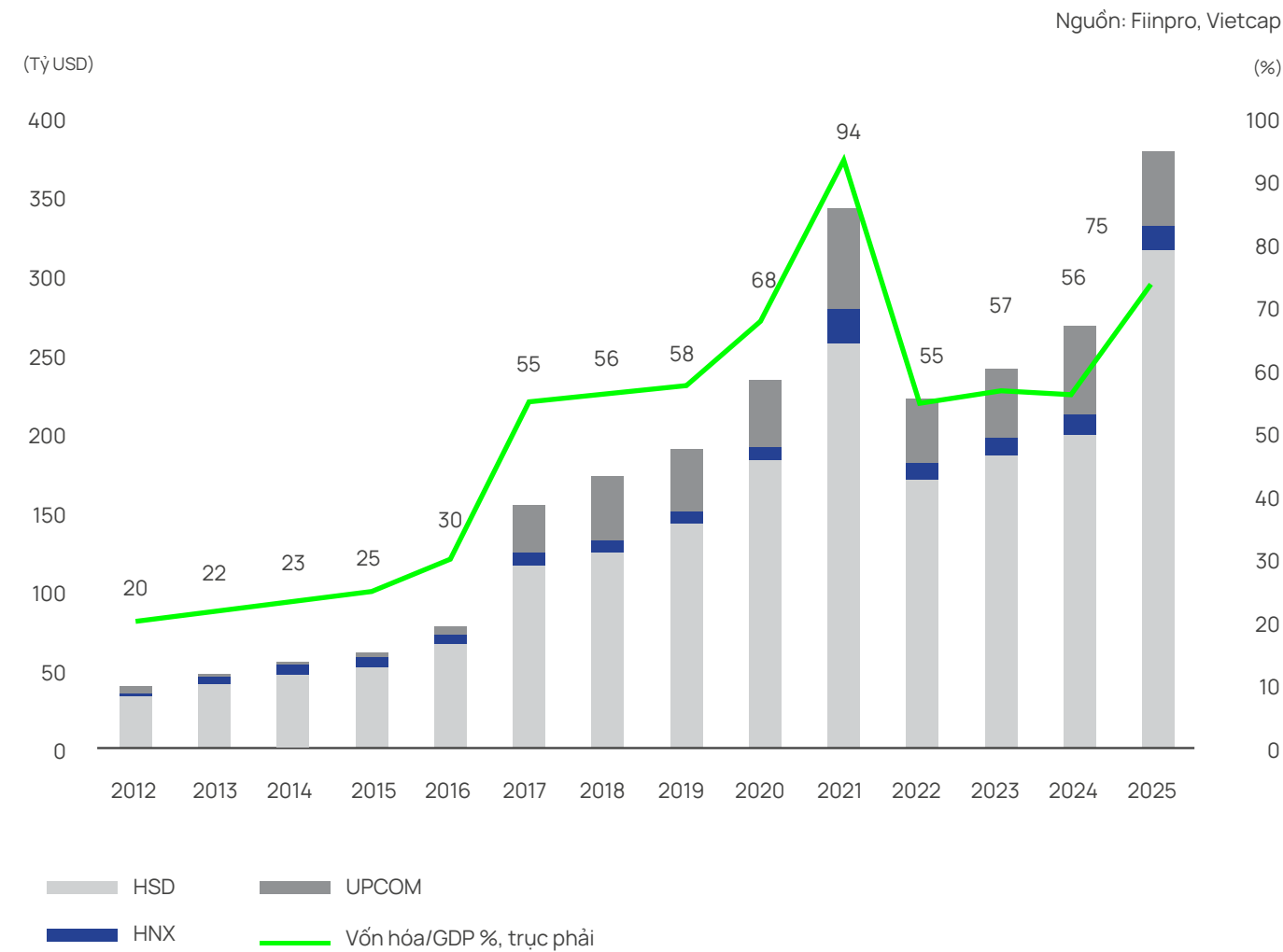
Theo phân loại ngành ICB, trong năm 2025, ngành dẫn đầu trên HSX là ngành Bất Động Sản (+220%), Dịch Vụ Tiêu Dùng (+48%), Dịch Vụ Tài Chính (35%), Ngân Hàng (+30%) và Bảo Hiểm(+30%). Ở chiều ngược lại, ngành Công Nghệ Thông Tin (-21%), Viễn Thông (-17%) và Vật Liệu Xây Dựng (-14%) là các ngành giảm điểm. Tính đến cuối năm 2025, tổng giá trị vốn hóa thị trường của Việt Nam đã đạt gần 380 tỷ USD (tương đương 75% GDP năm 2025).

VN-Index và các sự kiện quan trọng trong năm 2025



Nguồn: FiinPro, Vietcap tổng hợp

Tổng giá trị vốn hóa và giá trị vốn hóa/GDP



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài



3,7 TỶ USD

Trong năm 2025, nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng 5,1 tỷ USD trên thị trường chứng khoán Việt Nam, sau khi họ đã bán ròng 3,7 tỷ USD trong năm 2024. Một số nguyên nhân dẫn đến việc bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2025 bao gồm:

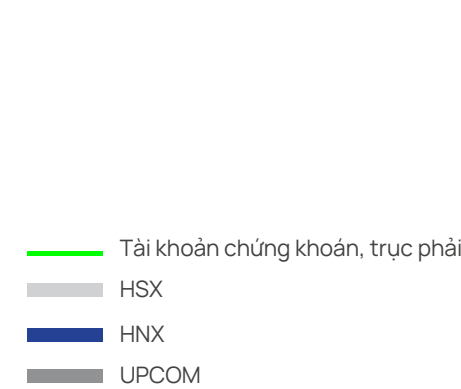
Một số quỹ thực hiện chốt lời và tái cơ cấu danh mục; dòng tiền chuyển dịch từ châu Á sang Mỹ và châu Âu

Tại châu Á, thị trường Việt Nam thiếu các cổ phiếu trong xu hướng AI và bán dẫn so với một số thị trường trong khu vực.

Bên cạnh đó, tỷ giá tăng cũng tạo thêm phần áp lực cho các NĐTNN.

Giá trị giao dịch và tổng giá trị giao dịch/vốn hóa thị trường

Giá trị giao dịch trung bình ngày và tài khoản chứng khoán



FTSE Russell nâng hạng Việt Nam lên Thị trường Mới nổi thứ cấp



Ngày 8.10.2025, FTSE Russell đã công bố quyết định nâng hạng Việt Nam lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp sau khi Việt Nam nằm trong danh sách theo dõi chờ nâng hạng kể từ tháng 9.2018. Với quyết định này, Việt Nam hiện đã được xếp vào cùng hạng mục với các thị trường lớn hơn như Trung Quốc, Ấn Độ, Ả Rập Saudi và Indonesia.

Cột mốc lịch sử này không chỉ thể hiện quyết tâm của UBCKNN trong việc đáp ứng các tiêu chí chỉ số của FTSE Russell, mà còn là thành quả của sự chỉ đạo sát sao từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, cùng với sự phối hợp chặt chẽ của Ngân hàng Nhà nước và các bộ, ngành liên quan, cùng sự đồng hành của các Sở giao dịch và VSDC. Kết quả nâng hạng bảo hiệu một kỷ nguyên mới về tiềm năng tăng trưởng cho thị trường Việt Nam. Việc nâng hạng sẽ tạo điều kiện tiếp cận thị trường Việt

Nam cho một nhóm nhà đầu tư mới – những nhà đầu tư trước đây bị hạn chế đầu tư vào quốc gia này. Theo các CTCK quốc tế, dòng vốn đầu tư ròng từ khối ngoại có thể đạt 6-8 tỷ USD hoặc thậm chí đạt 10 tỷ USD (trong kịch bản tích cực). Các ước tính này bao gồm cả dòng vốn từ các quỹ chủ động và thụ động, trong đó dòng vốn từ các quỹ chủ động chiếm phần lớn.

Việc nâng hạng Việt Nam lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp sẽ chính thức có hiệu lực vào Thứ Hai, ngày 21.9.2026, tùy thuộc vào kết quả của đợt đánh giá giữa kỳ vào tháng 3 năm 2026. Việc triển khai dự kiến sẽ được thực hiện theo nhiều giai đoạn. Thông tin chi tiết sẽ được công bố trong thông báo kết quả đánh giá phân loại thị trường chứng khoán của FTSE giữa kỳ tháng 3.2026, dự kiến được phát hành vào đầu tháng 4 năm 2026.

Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày (GTGDTBN) trên tổng cả ba sàn giao dịch tăng 40% lên 29.500 tỷ đồng (1,2 tỷ USD) trong năm 2025. Trong khi đó, tổng số lượng tài khoản chứng khoán đã tăng mạnh từ 9,3 triệu lên 11,9 triệu. Tổng giá trị giao dịch/vốn hóa thị trường cũng tăng từ 79% năm 2024 lên 90% trong năm 2025.

NHÂN SỰ

NGUỒN NHÂN LỰC & PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG MỘT NĂM ĐẦY BIẾN ĐỘNG

Trong bối cảnh thị trường tài chính – chứng khoán liên tục biến động và yêu cầu ngày càng cao về quản trị rủi ro, Vietcap xác định nguồn nhân lực chính là lợi thế cạnh tranh bền vững và khác biệt nhất. Hoạt động trong lĩnh vực mà mỗi quyết định đều gắn liền với trách nhiệm và niềm tin của thị trường, Vietcap kiên định với quan điểm: con người là nền tảng cốt lõi bảo đảm cho sự ổn định, minh bạch và phát triển dài hạn.



“Con người là nền tảng cốt lõi bảo đảm cho sự ổn định, minh bạch và phát triển dài hạn.”

Xuyên suốt 18 năm hình thành và phát triển, Vietcap luôn kiên định với quan điểm coi con người là tài sản quý giá nhất. Sự kết hợp hài hòa giữa đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, am hiểu sâu sắc thị trường tài chính – chứng khoán và lực lượng nhân sự trẻ năng động, sáng tạo đã tạo nên nền tảng nhân sự vững chắc cho Công ty. Vietcap đặc biệt đề cao đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và tính liêm chính – những giá trị cốt lõi góp phần gìn giữ uy tín, nâng cao hiệu quả hoạt động và bảo đảm sự minh bạch của thị trường.

Năm 2025, khi yêu cầu về minh bạch, kỷ luật và chất lượng dịch vụ tiếp tục được nâng cao, Vietcap tập trung củng cố đội ngũ nhân sự có năng lực chuyên môn vững vàng, khả năng ra quyết định thận trọng và tầm nhìn dài hạn, hướng tới lợi ích bền vững

của Khách hàng, cổ đông và các bên liên quan. Nhân sự không chỉ đóng vai trò bảo đảm hiệu quả vận hành mà còn là động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo và duy trì chất lượng dịch vụ ở tiêu chuẩn cao.

Thông qua các chương trình đào tạo có trọng tâm, các sáng kiến gắn kết người lao động và việc xây dựng văn hóa tổ chức vững mạnh, Vietcap tiếp tục phát triển đội ngũ nhân sự linh hoạt, có năng lực và đồng hành chặt chẽ cùng các mục tiêu chiến lược của Công ty. Vietcap tin rằng kết quả kinh doanh có thể biến động theo chu kỳ, nhưng một đội ngũ tận tâm, kỷ luật và sẵn sàng đổi mới sẽ luôn là nền tảng tạo ra giá trị bền vững dài hạn.



CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Chiến lược quản trị nguồn nhân lực của Vietcap được xây dựng trên nền tảng tuân thủ pháp luật, minh bạch và lấy con người làm trung tâm, với các định hướng trọng tâm sau:

Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao và bền vững thông qua việc tuyển dụng các ứng viên tiềm năng, phân tích chính xác năng lực của nhân viên và triển khai các chương trình phát triển phù hợp với từng vị trí.

Xây dựng và duy trì nguồn nhân lực nội bộ để nâng cao năng lực tổng thể của đội ngũ.

Tái đào tạo và nâng cao kỹ năng cho tập thể nhân viên nhằm gia tăng hiệu quả làm việc và đáp ứng các mục tiêu kinh doanh.

Tăng cường mức độ gắn kết của người lao động nhằm không ngừng nâng cao mức độ hài lòng của nhân viên và cải thiện tỷ lệ giữ chân nhân sự.

Xây dựng hệ thống lương, thưởng minh bạch, công bằng và cạnh tranh; Triển khai chương trình phát hành cổ phiếu ESOP hằng năm nhằm ghi nhận đóng góp của đội ngũ nhân sự chủ chốt.

Chú trọng đến phúc lợi toàn diện: Bảo hiểm sức khỏe cao cấp PVI, chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ, chương trình du lịch hàng năm, chính sách nghỉ phép linh hoạt.

Hoàn thiện và tăng cường hệ thống chính sách nhân sự bằng việc ban hành các chính sách mới và rà soát, điều chỉnh các chính sách hiện hành khi cần thiết.

Tự động hóa các quy trình nhân sự trọng yếu nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, không ngừng đổi mới sáng tạo trong hoạt động quản trị và vận hành.

Cách tiếp cận của Vietcap đối với quản trị nguồn nhân lực được triển khai trên nền tảng hệ thống chính sách và quy trình chặt chẽ, tuân thủ Luật Lao động và các quy định liên quan. Công ty cam kết xây dựng môi trường làm việc đa dạng, hòa nhập, công bằng và tôn trọng, nơi mỗi cá nhân được tạo điều kiện phát triển và đóng góp lâu dài. Khung quản trị nhân sự vì vậy trở thành một cấu phần quan trọng trong chiến lược quản trị tổng thể, góp phần bảo đảm việc quản lý hiệu quả và phát triển bền vững đội ngũ nhân sự của Vietcap.

YẾU TỐ GIỮ CHÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Hệ thống chính sách nhân sự rõ ràng

Vietcap xây dựng và duy trì hệ thống chính sách nhân sự đầy đủ, rõ ràng và được rà soát định kỳ. Các chính sách bao gồm tuyển dụng, đào tạo và phát triển, lương thưởng – đãi ngộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phòng chống quấy rối, bảo hiểm, nghỉ phép và kỷ luật lao động.

2. Đánh giá hiệu quả công việc minh bạch

Toàn bộ nhân viên chính thức được tham gia đánh giá hiệu quả công việc hằng năm dựa trên KPIs đã xác định, với các cơ chế ghi nhận phù hợp như tăng lương, thưởng và thăng tiến. Quy trình đánh giá được thực hiện xuyên suốt năm, bao gồm đánh giá giữa kỳ và cuối năm, giúp bảo đảm sự đồng bộ với mục tiêu của tổ chức và hỗ trợ phát triển nghề nghiệp dài hạn.

3. Phát triển tối đa năng lực nghề nghiệp

Vietcap chú trọng xây dựng môi trường học tập liên tục, khuyến khích nhân viên phát huy tối đa năng lực chuyên môn. Đội ngũ nhân sự có trình độ học vấn cao, nền tảng chuyên môn đa dạng và kinh nghiệm làm việc quốc tế đã tạo nên lợi thế cạnh tranh quan trọng, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao chất lượng hoạt động của Công ty.

4. Môi trường làm việc gắn kết

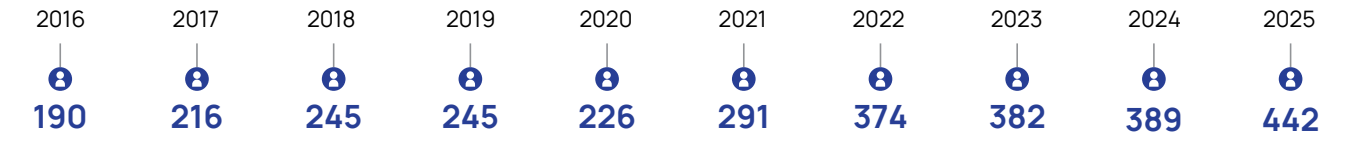
Vietcap thúc đẩy văn hóa giao tiếp cởi mở, tôn trọng và hỗ trợ lẫn nhau trong toàn tổ chức. Các hoạt động gắn kết nội bộ được tổ chức thường xuyên nhằm tăng cường tinh thần đồng đội, xây dựng văn hóa doanh nghiệp tích cực, hòa nhập và bền vững.

5. Tiếp nhận và xử lý phản ánh kịp thời

Mọi ý kiến, phản ánh và khiếu nại của người lao động đều được Vietcap tiếp nhận và xử lý kịp thời thông qua các kênh giao tiếp minh bạch, góp phần xây dựng môi trường làm việc tin cậy, duy trì quan hệ lao động hài hòa và khuyến khích nhân viên chủ động đóng góp sáng kiến cho sự phát triển chung.

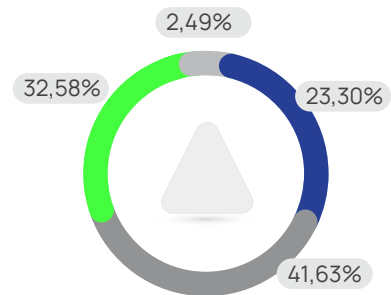


Số lượng nhân sự qua các năm



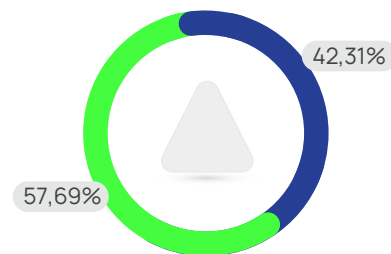
Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi (%)

- Dưới 30 tuổi (144)
- Từ 30 - 40 tuổi (184)
- Từ 40 - 50 tuổi(103)
- Trên 50 tuổi (11)



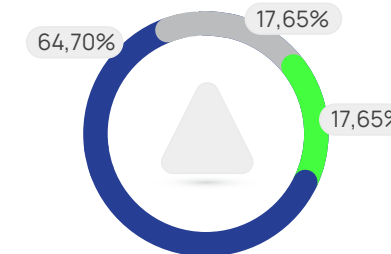
Cơ cấu nhân sự theo giới tính (%)

- Nam (255)
- Nữ (187)



Cơ cấu nhân sự theo số năm cống hiến (%)

- Dưới 5 năm (286)
- Từ 5-10 năm (78)
- Trên 10 năm (78)



Lợi nhuận bình quân đầu người qua các năm

Năm	Lợi nhuận trước thuế (VND)	Số nhân viên	Lợi nhuận/người
2017	802.977.679.615	216	3.717.489.257
2018	1.011.455.908.924	245	4.128.391.465
2019	855.007.109.256	245	3.489.824.936
2020	951.038.957.081	226	4.208.136.978
2021	1.850.585.393.088	291	6.359.399.976
2022	1.059.738.713.385	374	2.833.525.972
2023	570.138.640.134	382	1.492.509.529
2024	1.089.337.104.906	389	2.800.352.455
2025	1.629.219.547.893	442	3.686.017.077



TUYỂN DỤNG

NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO – CỐT LÕI TRONG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Vietcap kiên định theo đuổi chiến lược tuyển dụng có chọn lọc và đầu tư bài bản, tập trung thu hút và lựa chọn đội ngũ nhân sự có năng lực chuyên môn cao, phù hợp với văn hóa doanh nghiệp và định hướng phát triển dài hạn của Công ty. Hoạt động tuyển dụng không chỉ tập trung vào kinh nghiệm và trình độ chuyên môn, mà còn đề cao tinh thần đổi mới, khả năng thích ứng và cam kết tạo giá trị bền vững. Đây là nền tảng quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả triển khai chiến lược kinh doanh và đảm bảo tăng trưởng ổn định của Vietcap trong dài hạn.

Với định hướng đầu tư dài hạn cho nguồn nhân lực, Vietcap tiếp tục tập trung nguồn lực vào các chương trình hợp tác chiến lược với các cơ sở đào tạo uy tín. Thông qua việc kết nối, thiết lập quan hệ hợp tác bền vững và triển khai nhiều hoạt động tuyển sinh, hướng nghiệp và chương trình thực tập, Vietcap đã đồng hành cùng các trường đại học hàng đầu như Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế – Luật, Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế – Tài chính, Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh,... Qua đó, Công ty từng bước xây dựng nguồn nhân lực kế thừa có nền tảng kiến thức vững chắc, tư duy thực tiễn và khả năng thích ứng tốt với môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Hướng tới mục tiêu chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đào tạo thực tiễn cho sinh viên, Vietcap tiếp tục triển khai thành công Chương trình Thực tập sinh Tài năng Vietcap 2025. Chương trình được định hướng trở thành hoạt động thường niên, mang tính truyền thống của Công ty, góp phần phát hiện, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao, đồng thời tạo nền tảng để Vietcap chủ động xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa trong dài hạn.

Song song với việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực chứng khoán, Vietcap cũng chú trọng mở rộng và nâng cao năng lực chuyên môn của các Phòng Nghiên cứu và Phân tích, Phòng Ngân hàng Đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng và yêu cầu chuyên sâu của thị trường. Theo đó, Công ty tập trung tìm kiếm, thu hút và phát triển đội ngũ nhân sự có chuyên môn sâu, tư duy phân tích sắc bén và khả năng thích ứng linh hoạt, qua đó gia tăng năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

8.200+

HỒ SƠ ỨNG TUYỂN TIỀM NĂNG

3.000+

HỒ SƠ ỨNG TUYỂN VÀO PHÒNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO & CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1.000+

HỒ SƠ ỨNG TUYỂN VÀO PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

Trong năm 2025, Vietcap đã tiếp nhận hơn 8.200 hồ sơ ứng tuyển tiềm năng, trong đó gần 3.000 hồ sơ ứng tuyển vào Phòng Đổi mới Sáng tạo & Công nghệ Thông tin, hơn 1.000 hồ sơ ứng tuyển vào Phòng Nghiên cứu và Phân tích, gần 1.000 hồ sơ ứng tuyển vào Phòng Ngân hàng Đầu tư và các hồ sơ còn lại đến từ các phòng ban khác. Kết quả này tiếp tục khẳng định sức hút của thương hiệu tuyển dụng Vietcap, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ, nghiên cứu và ngân hàng đầu tư – những trụ cột chiến lược trong giai đoạn phát triển tiếp theo của Công ty.

Định hướng năm 2026, Vietcap sẽ tiếp tục tập trung phát triển nguồn nhân lực trẻ thông qua các chương trình đào tạo và tuyển chọn có chiều sâu, đồng thời đẩy mạnh thu hút đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm và chuyên môn cao, nhằm tạo sự cân bằng giữa nguồn nhân lực kế thừa và lực lượng nòng cốt. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tăng cường hợp tác với các trường đại học hàng đầu trong các hoạt động tuyển sinh, hướng nghiệp và đào tạo thực tiễn, qua đó xây dựng nền tảng nhân lực vững chắc, linh hoạt và sẵn sàng thích ứng trước những biến động của thị trường trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

Nguồn nhân lực chất lượng cao tiếp tục được Vietcap xác định là nền tảng cốt lõi, bảo đảm việc triển khai hiệu quả chiến lược kinh doanh và duy trì tăng trưởng bền vững trong dài hạn.



ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI: KIẾN TẠO VỊ THẾ - BỨT PHÁ TƯƠNG LAI

Tại Vietcap, chúng tôi tin rằng nguồn nhân lực chất lượng cao không chỉ là tài sản quý giá nhất mà còn là động lực cốt lõi kiến tạo lợi thế cạnh tranh bền vững.

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển mình quan trọng trong chiến lược Đào tạo & Phát triển (Learning & Development), khi Vietcap dịch chuyển từ mô hình đào tạo cung cấp kiến thức sang xây dựng hệ sinh thái học tập chủ động, thực chiến và gắn chặt với hiệu quả kinh doanh.

1. CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN & CHUẨN HÓA NĂNG LỰC ĐỘI NGŨ

Năm 2025 đánh dấu sự hoàn thiện của hệ sinh thái E-Learning, nơi công nghệ trở thành đòn bẩy để tối ưu hóa năng lực đội ngũ:



Chuẩn hóa khung năng lực hội nhập

Vietcap đã thiết kế và triển khai thành công "Lộ trình Học tập Hội nhập" với 10 môn học chuyên biệt giúp 100% nhân sự mới nhanh chóng hòa nhập văn hóa doanh nghiệp và đáp ứng yêu cầu công việc ngay từ giai đoạn đầu.



Phát triển tư duy lãnh đạo và kỹ năng mềm

Phối hợp cùng Phòng Nhân sự, Vietcap tổ chức 10 khóa học trọng điểm về Trí tuệ cảm xúc (EQ), Tư duy phản biện và Lãnh đạo, giúp nâng cao hiệu suất làm việc nhóm và khả năng thích ứng linh hoạt của đội ngũ Tư vấn Đầu tư trước biến động thị trường.



Tiên phong cập nhật xu hướng tài chính

Bên cạnh các sản phẩm truyền thống, Vietcap chủ động trang bị kiến thức về Tài sản số (Blockchain, DeFi, NFT) và Sản phẩm Trái phiếu chuyên sâu. Điều này khẳng định vị thế của đội ngũ tư vấn Vietcap: am hiểu chuyên môn, tư vấn toàn diện và sẵn sàng đón đầu các xu hướng mới của thị trường tài chính.

Năm 2025 là giai đoạn Vietcap tập trung "xây nền" năng lực, chuẩn hóa tư duy, kiến thức và phương pháp làm việc, tạo tiền đề để chuyển hóa năng lực đào tạo thành hiệu quả kinh doanh trong các năm tiếp theo.

2. CHIẾN LƯỢC “VƯỜN ƯƠM TÀI NĂNG”: DẤU ẤN THẾ HỆ GEN Z

Chương trình “Sinh viên Tài năng” (10.2024 - 10.2025) là điểm sáng chiến lược, hiện thực hóa cam kết của Vietcap trong việc trẻ hóa nguồn nhân lực và thu hút nhân tài từ ghế nhà trường.



“VƯỜN ƯƠM TÀI NĂNG”

Hiệu quả từ sức hút thương hiệu:

Thông qua việc hợp tác chiến lược cùng 14 trường đại học hàng đầu và ký kết 4 MOU quan trọng, chương trình đã thu hút 400 sinh viên tham gia đào tạo, vượt 250% kế hoạch năm.

Mô hình đào tạo thực chiến:

Khác biệt với các chương trình thực tập thông thường, Vietcap triển khai mô hình “vừa học vừa làm”. Kết quả ấn tượng với hơn 500 tài khoản chứng khoán mới được mở và sự hình thành của đội ngũ 55 nhân sự nguồn (B4B - Broker for Business) chất lượng cao, sẵn sàng đóng góp vào sự phát triển của Công ty ngay khi tốt nghiệp. Đây là giải pháp hiệu quả cho bài toán nhân sự kế cận, đồng thời tối ưu chi phí và thời gian tuyển dụng.

Chương trình không chỉ đáp ứng nhu cầu thu hút nguồn nhân lực trẻ mà còn giúp Vietcap chủ động thiết lập lực lượng nhân sự kế thừa bền vững. Sáng kiến này góp phần tối ưu hóa ngân sách tuyển dụng, đồng thời đẩy nhanh tiến độ hội nhập và nâng cao năng lực sẵn sàng thực thi nghiệp vụ của thế hệ chuyên viên Tư vấn Đầu tư mới.

3. LAN TỎA TRI THỨC - GẮN KẾT CỘNG ĐỒNG

Hoạt động đào tạo của Vietcap không chỉ giới hạn trong nội bộ mà còn mở rộng tầm ảnh hưởng ra cộng đồng nhà đầu tư và nhân sự ngành tài chính.

Đồng hành cùng Nhà đầu tư: Chuỗi 8 Webinar chuyên đề (Bất động sản, Dầu khí, Chiến lược đầu tư...) phối hợp cùng Khối Nghiên cứu & Phân tích đã trở thành kênh tham khảo uy tín, thu hút hơn 300 Khách hàng tham gia với tỷ lệ hài lòng lên đến 86%.

Cộng đồng ôn thi Chứng chỉ hành nghề: Vietcap đã xây dựng thành công cộng đồng học tập với 1.740 thành viên, tạo ra một kênh tuyển dụng thụ động giàu tiềm năng, thu hút những nhân sự đã có kinh nghiệm và chứng chỉ hành nghề từ thị trường về với Vietcap.

Thông qua các hoạt động đào tạo mở và cộng đồng học tập, Vietcap không chỉ lan tỏa tri thức mà còn tăng cường sự gắn kết, củng cố hình ảnh doanh nghiệp học tập (Learning Organization), từ đó nâng cao mức độ cam kết và trung thành của nhân sự đối với tổ chức.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÃ THU HÚT

400 SINH VIÊN
THAM GIA ĐÀO TẠO

500 TÀI KHOẢN CHỨNG KHOÁN
MỚI ĐƯỢC MỞ

THU HÚT

300 Khách hàng

CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP VỚI

1.740 THÀNH VIÊN

4. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 2026: NÂNG TẦM CHUẨN MỤC – BỨT PHÁ HIỆU SUẤT

Năm 2026, Vietcap xác định chất lượng nhân sự là đòn bẩy then chốt để gia tăng lợi thế cạnh tranh. Chiến lược Đào tạo & Phát triển tập trung vào chuẩn hóa nguồn nhân lực kế cận, cá nhân hóa học tập và chuyển hóa năng lực thành hiệu quả kinh doanh thực tế.

Trọng tâm chiến lược gồm 5 định hướng chính:



01

Chuẩn hóa nguồn nhân sự kế cận theo mô hình tiêu chuẩn kép, phân tầng chương trình Sinh viên Tài năng thành Standard Track và Elite Track, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và đội ngũ chuyên gia tài chính cho phân khúc Khách hàng trọng điểm.



02

Chủ động thu hút và sàng lọc nhân tài: Triển khai các “sân chơi” chuyên môn thông qua Kỳ thi Thử Năng lực (Mock Test) định kỳ, giúp Vietcap chủ động tiếp cận, đánh giá và lựa chọn đội ngũ mới giới tiềm năng ngay từ thị trường lao động.



03

Tăng cường liên kết đào tạo – thực tiễn: Đẩy mạnh hợp tác chiến lược với các trường đại học, triển khai mô hình Đào tạo tại Doanh nghiệp (Corporate Modules), rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo học thuật và thực tiễn thị trường.



04

Tối ưu hóa hiệu suất đội ngũ tư vấn hiện hữu, tập trung nâng cao tỷ lệ chuyển đổi và mức độ hài lòng của Khách hàng thông qua đào tạo chuyên sâu về tư vấn, đàm phán và quản trị trải nghiệm Khách hàng.



05

Cá nhân hóa trải nghiệm học tập, nâng cấp hệ thống E-Learning theo hướng Adaptive Learning, thiết kế lộ trình học tập riêng biệt dựa trên năng lực và mục tiêu nghề nghiệp của từng cá nhân.

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Ngân hàng Đầu tư Vietcap duy trì vị thế dẫn đầu trong bối cảnh hoạt động IPO sôi động trở lại

Năm 2025 đánh dấu sự khởi sắc rõ nét của thị trường chứng khoán Việt Nam, tạo nền tảng thuận lợi cho các hoạt động thị trường vốn, đặc biệt là IPO và niêm yết:

Diễn biến thị trường tích cực:

VN-Index tăng 41%, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh với giá trị giao dịch bình quân gần 30.000 tỷ đồng/phiên, được hỗ trợ bởi các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và lộ trình nâng hạng thị trường chứng khoán của Chính phủ.

Cánh cửa rộng mở cho hoạt động IPO:

Bối cảnh tích cực này đã thúc đẩy nhiều doanh nghiệp triển khai IPO hoặc bắt đầu quá trình chuẩn bị IPO, nhằm tận dụng "cửa sổ thị trường" thuận lợi.

Hoạt động IPO sôi động trở lại:

Năm thương vụ IPO lớn liên tiếp trong nửa cuối năm 2025, bao gồm các giao dịch có quy mô chào bán lên tới hàng trăm triệu USD, đã đánh dấu sự trở lại rõ rệt của hoạt động IPO sau giai đoạn trầm lắng kéo dài từ 2019–2024.

Trong bối cảnh đó, Vietcap tiếp tục khẳng định vị thế là đơn vị Ngân hàng Đầu tư hàng đầu tại Việt Nam, đặc biệt trong các giao dịch quy mô lớn, cấu trúc phức tạp và mang tính tiên phong về mặt pháp lý.

Dựa trên bề dày kinh nghiệm và nền tảng năng lực toàn diện, Ngân hàng Đầu tư Vietcap chủ động dẫn dắt các xu hướng mới của thị trường và cam kết mang lại giá trị vượt trội, bền vững cho Khách hàng và cổ đông:

Tiên phong triển khai các giao dịch IPO và niêm yết theo khung pháp lý mới

Vietcap là đơn vị tư vấn độc quyền cho IPO và niêm yết của CTCP Chứng khoán VPBank (VPX) và CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (HPA) – những thương vụ đầu tiên được thực hiện theo Nghị định 245 mới ban hành, khẳng định năng lực thích ứng nhanh và vai trò dẫn dắt thị trường. Thời gian triển khai của thương vụ tổng cộng từ 3-4 tháng cho đến khi hoàn tất, rất nhanh cho một thương vụ niêm yết.

Đội ngũ chuyên gia am hiểu thị trường nội địa

Sự kết hợp giữa chuẩn mực thực thi quốc tế và hiểu biết sâu sắc về môi trường pháp lý, văn hóa kinh doanh tại Việt Nam giúp Vietcap đưa ra các giải pháp tư vấn sát thực, khả thi và có tỷ lệ thành công cao.

Mạng lưới nhà đầu tư toàn cầu sâu rộng

Với quan hệ chặt chẽ cùng các định chế tài chính tại các thị trường lớn như Singapore, Hong Kong, London và Hoa Kỳ, Vietcap đóng vai trò cầu nối hiệu quả giữa dòng vốn quốc tế và các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận vốn và nâng cao chất lượng nhà đầu tư.

Tư duy chiến lược dài hạn

Vietcap không chỉ tập trung vào việc hoàn tất giao dịch, mà còn đồng hành cùng doanh nghiệp xây dựng lộ trình tài chính và chiến lược vốn dài hạn, qua đó nâng cao giá trị doanh nghiệp sau giao dịch.



Các thương vụ chủ chốt trong năm 2025

Trong năm 2025, Ngân hàng Đầu tư Vietcap triển khai thành công các giao dịch IPO và niêm yết quy mô lớn:

12,7 nghìn tỷ đồng

VPBank Securities

Tư vấn độc quyền IPO và niêm yết CTCP Chứng khoán VPBank (VPX) trên HoSE, với giá trị chào bán hơn 12,7 nghìn tỷ đồng và vốn hóa Công ty gần 64 nghìn tỷ đồng (theo giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên).

12 nghìn tỷ đồng

HÒA PHÁT
NÔNG NGHIỆP

Theo giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên trên HoSE, CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (HPA) ghi nhận giá trị chào bán gần 1,3 nghìn tỷ đồng và vốn hóa Công ty gần 12 nghìn tỷ đồng (theo giá IPO).

227 nghìn tỷ đồng

Masan consumer

Tư vấn độc quyền niêm yết CTCP Hàng tiêu dùng Masan (MCH) trên HoSE, với vốn hóa hơn 227 nghìn tỷ đồng (theo giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên).

Triển vọng năm 2026

Vietcap kỳ vọng năm 2026 sẽ tiếp tục là một năm sôi động của thị trường vốn, bao gồm IPO, huy động vốn, thoái vốn và MSA, dựa trên các yếu tố hỗ trợ then chốt:

- Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Chính phủ, ở cả khu vực quốc doanh lẫn tư nhân.
- Nâng hạng thị trường: Quyết định nâng hạng Việt Nam của FTSE Russell từ Thị trường Cận biên lên Thị trường Mới nổi Thử cấp dự kiến sẽ có hiệu lực từ tháng 9.2026, mở ra kỳ vọng thị trường chứng khoán Việt Nam có thể thu hút hàng tỷ USD vốn ngoại và nâng cao vị thế Việt Nam trên bản đồ đầu tư toàn cầu.
- Dòng tiền nhà đầu tư cá nhân trong nước tiếp tục duy trì tích cực, được hỗ trợ bởi tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ của các doanh nghiệp niêm yết. Bộ phận Nghiên cứu & Phân tích Vietcap dự báo EPS của VN-Index tăng trưởng khoảng 19% trong năm 2026.
- Cơ cấu các thương vụ IPO dự kiến đa dạng hơn về ngành nghề, thay vì tập trung chủ yếu vào nhóm Công ty chứng khoán như năm 2025, qua đó đáp ứng khẩu vị đa dạng của nhà đầu tư.

Trước triển vọng tích cực này, Ngân hàng Đầu tư Vietcap đang chủ động mở rộng đội ngũ, đẩy mạnh đào tạo nội bộ và chuẩn bị nguồn lực để tiếp tục triển khai các thương vụ lớn. Các giao dịch đang được Vietcap tư vấn trải rộng trên nhiều lĩnh vực như bán lẻ, tiêu dùng, giải trí, dịch vụ tài chính, giáo dục, công nghiệp – xây dựng, với đa dạng hình thức bao gồm IPO, huy động vốn, thoái vốn, MSA và tái cấu trúc doanh nghiệp, qua đó khẳng định vai trò đồng hành dài hạn cùng doanh nghiệp trong chu kỳ phát triển mới của thị trường vốn Việt Nam.

TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



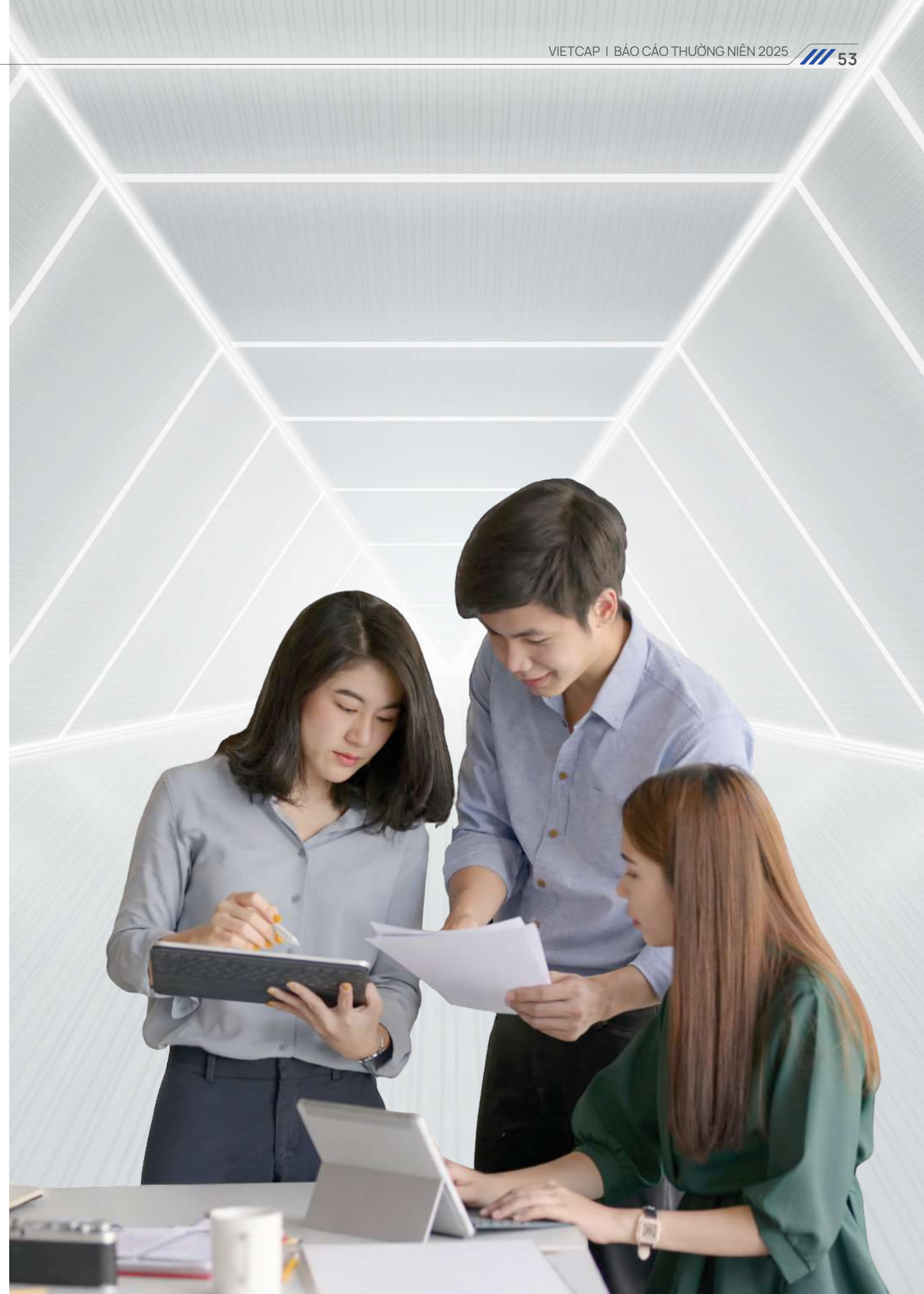
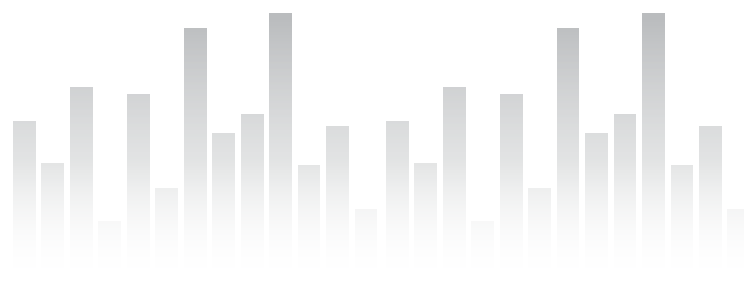
Năm 2025 ghi nhận sự phục hồi rõ nét và bùng nổ thanh khoản của thị trường chứng khoán Việt Nam, với nhiều thương vụ IPO và M&A quy mô lớn được triển khai trên diện rộng. Trong bối cảnh đó, Phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp (CF) tiếp tục khẳng định vị thế là đối tác tư vấn chiến lược tin cậy, đồng hành cùng doanh nghiệp trong các giao dịch trọng yếu.

Theo đó, CF đã tư vấn thành công thương vụ mua lại cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai (GEG), góp phần tối ưu hóa cấu trúc vốn và gia tăng giá trị cho cổ đông. Đồng thời, đội ngũ CF đã hoàn tất thương vụ huy động vốn thông qua phát

hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (VCI) với tổng giá trị 3.952,5 tỷ đồng vào tháng 12.2025, qua đó khẳng định năng lực tư vấn các giao dịch vốn có quy mô lớn.

Bên cạnh các thương vụ đã hoàn tất, CF còn chủ động xúc tiến và ký kết thành công thỏa thuận mua bán cổ phần (SPA) cho một thương vụ M&A có quy mô đáng kể, hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục pháp lý cuối cùng và dự kiến hoàn tất vào Quý II/2026. Thương vụ này tiếp tục mở rộng danh mục giao dịch chất lượng cao, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững của hoạt động tư vấn trong các năm tiếp theo.

TỔNG GIÁ TRỊ
THÔNG QUA PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ CHO VIETCAP
3.952,5 TỶ ĐỒNG
VÀO THÁNG 12.2025



TƯ VẤN ĐẦU TƯ



Thị phần môi giới của Vietcap năm 2025 nằm trong Top 4 trên HSX với 6,55% thị phần, tăng 7,73% và thăng 1 bậc so với năm 2024. Việc tăng trưởng mạnh đến từ việc Công ty tiếp tục đẩy mạnh Khách hàng cá nhân trong nước , chủ yếu Khách hàng lớn với nhiều sản phẩm, dịch vụ đa dạng hơn. Liên quan đến giao dịch bán ròng của khối nước ngoài năm nay tiếp tục đạt đỉnh mới trong lịch sử và Vietcap có lợi thế liên quan đến giao dịch nước ngoài.

Tính chung cả năm 2025, Top 10 thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có đảm bảo trên HoSE vẫn là những cái tên quen thuộc với tổng thị phần 68,41%.

TOP 4 TRÊN HSX VỚI

6,55% THỊ PHẦN

▲0,47 điểm %
VÀ THĂNG 1 BẬC

STT	Công ty Chứng khoán	Thị Phần 2025	Chênh lệch so với năm 2024 (± điểm %)
1	VPS	15,95%	-2,31%
2	SSI	11,53%	2,35%
3	TCBS	7,99%	0,81%
4	Vietcap	6,55%	0,47%
5	HSC	6,52%	0,11%
6	VNDirect	5,37%	-0,50%
7	MBS	5,37%	0,48%
8	Mirae Asset	3,20%	-1,34%
9	KIS	3,13%	0,20%
10	VCBS	2,80%	-0,11%

Chứng khoán cơ sở

Sự kiện đáng chú ý trong năm 2025

Thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng Khởi đầu cho một giai đoạn phát triển mới

Ngày 8.10.2025, FTSE Russell công bố thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đã đáp ứng toàn bộ các tiêu chí chính thức và được nâng hạng từ Thị trường Cận biên lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp có kiểm soát. Kết quả nâng hạng đã ghi nhận

những nỗ lực cải cách toàn diện cả pháp lý và hạ tầng công nghệ của toàn ngành Chứng khoán, đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Việt Nam hướng đến mục tiêu minh bạch, hiện đại, theo chuẩn quốc tế.

Hệ thống KRX vận hành Dấu ấn mới trên thị trường chứng khoán và HoSE tròn 25 tuổi

Một dấu ấn đặc biệt quan trọng của thị trường chứng khoán Việt Nam 2025 là sự kiện Hệ thống Công nghệ thông tin mới (Hệ thống KRX) đã được vận hành thông suốt, an toàn, ổn định kể từ ngày 5.5.2025. Cùng với kỳ vọng nâng hạng, Hệ

thống KRX vận hành được đánh giá là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường Việt Nam năm 2025.

Tái khởi động làn sóng IPO và thị trường sơ cấp đang nóng lên

TTCK Việt Nam giai đoạn cuối năm 2025 diễn biến sôi động khi hàng loạt doanh nghiệp lớn khởi động kế hoạch IPO và niêm yết. Tâm điểm của diễn biến này là thương vụ IPO kết hợp niêm yết của CTCP Chứng khoán Kỹ Thương (TCX) và CTCP Chứng khoán VPBank (VPX), CTCP Chứng khoán VPS (VCK), CTCP Hạ tầng Gelex (GEL), CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (HPA), v.v.. và dự kiến còn tiếp diễn trong năm 2026.

Nghị định 245/2025/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 11.9.2025. Nghị định này sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Nghị định 155/2020/NĐ-CP, trực tiếp tác động đến quy trình IPO, rút ngắn thời gian đưa cổ phiếu lên sàn sau IPO còn 30 ngày, thay vì 90 ngày.



Diễn biến Index:

• Thị trường chứng khoán lập kỷ lục về điểm số và thanh khoản:

Điểm số Năm 2025 đánh dấu một trong những giai đoạn sôi động nhất trong hành trình 25 năm hình thành và phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Thị trường ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc với chỉ số VN-Index tăng 40,9% và thiết lập đỉnh cao lịch sử mới khi có thời điểm đạt trên 1.800 điểm. Nếu tính từ đáy nhịp điều chỉnh do tác động của chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ, chỉ trong 8 tháng cuối năm 2025, VN-Index đã có mức tăng trưởng tới hơn 63%, dù rằng, trong đà tăng đó không thể không nhắc tới sự tăng trưởng "thần kỳ" của nhóm cổ phiếu "họ Vin". Chỉ số VN-Index đạt 1.784,49 điểm, tăng 40,9% so với cuối năm 2024.

Thanh khoản không chỉ lập kỷ lục về điểm số, thị trường năm 2025 cũng chứng kiến sự bùng nổ về thanh khoản, tổng giá trị giao dịch cả 3 sản lập kỷ lục với gần 83.000 tỷ đồng trong phiên ngày 5.8.2025. Giá trị giao dịch bình quân trong năm đạt khoảng 29.500 tỷ đồng/phiên, tăng khoảng 40% so với bình quân năm trước.

• Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng kỷ lục:

Năm 2025, nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục xu thế bán ròng tại các thị trường mới nổi, cận biên kéo dài từ năm 2024 và Việt Nam cũng không ngoại lệ. Năm 2025 chứng kiến quy mô bán ròng kỷ lục lịch sử của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tính cả năm, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trên 136.000 tỷ đồng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ tại Việt Nam.

• Số lượng tài khoản mở mới:

So với năm 2025, lượng nhà đầu tư mở mới tài khoản tăng, số tài khoản ròng là hơn 2 triệu tài khoản, tổng số tài khoản hiện có là hơn 11 triệu tài khoản.

Vietcap hiện có khoảng hơn 235.000 tài khoản chứng khoán hoạt động, doanh thu môi giới trong nước khoảng 516 tỷ đồng (tăng 54,4% so với năm 2024 là 334 tỷ đồng), doanh thu môi giới bình quân đầu người đạt 2,64 tỷ đồng/người, tăng 32% so với năm 2024, do thị phần môi giới của Vietcap và thanh khoản thị trường trong năm 2025 đều tăng. Vietcap vẫn duy trì mức doanh thu bình quân đầu người thuộc топ đầu thị trường cho thấy hiệu quả hoạt động của Khối Tư vấn Đầu tư trong nước.

CHỈ SỐ VN-INDEX
1.784,49
ĐIỂM

40,9%
SO VỚI CUỐI NĂM 2024

136.000
TỶ ĐỒNG

235.000
TÀI KHOẢN

Chứng khoán phái sinh

Năm 2025, thị trường Chứng khoán phái sinh thế giới nói chung & Việt Nam nói riêng ghi nhận nhiều sự kiện quan trọng. Một số tiêu điểm về thị trường chứng khoán phái sinh thế giới có thể kể đến là:

Ngày 28.11.2025

Sở GDCK Hong Kong (HKEX) khai trương Hợp đồng tương lai Chỉ số Hang Seng Biotech (HSBIO), cung cấp công cụ phòng ngừa rủi ro và giao dịch theo xu hướng của ngành công nghệ sinh học, dược phẩm và thiết bị y tế. Chỉ số này theo dõi 30 Công ty lớn nhất thuộc các lĩnh vực công nghệ sinh học, dược phẩm và thiết bị y tế được niêm yết tại Hong Kong.

Tháng 11.2025

FIA tổ chức triển lãm về sản phẩm Tương lai và Quyền chọn (FIA's Futures & Options Expo 2025) tại Chicago, Mỹ.

Tháng 12.2025

Diễn ra sự kiện thường niên lớn - Hội nghị Asia Derivatives Conference 2025 trong khu vực dành cho cộng đồng phái sinh và thanh toán bù trừ.

Một số sự kiện nổi bật của thị trường chứng khoán phái sinh Việt Nam:

Ngày 25.11.2025

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 306/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP) và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP về chứng khoán Phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

Ngày 10.10.2025

Sản phẩm hợp đồng tương lai (HĐTL) chỉ số VN100 chính thức được đưa vào giao dịch. Đây là sản phẩm phái sinh thứ tư trên thị trường chứng khoán phái sinh (TTCKPS) Việt Nam.

Về tổng kê tình hình giao dịch chung cả năm 2025, tổng khối lượng khớp lệnh HĐTL (tính cộng gộp HĐTL chỉ số VN30 và VN100) đạt 60.570.806 hợp đồng (tăng khoảng 15% so với năm 2024), mức trung bình 243.256 hợp đồng/phiên. Về giá trị, tổng giá trị khớp lệnh HĐTL 2 chỉ số trên đạt 10.006.909 triệu đồng, tương ứng 40.188 triệu đồng/phiên. Khối lượng hợp đồng mở (OI) của HĐTL chỉ số VN30 được ghi nhận vào cuối 2025 là 32.135 hợp đồng. Tính đến hết ngày 31.12.2025, thị trường chứng khoán phái sinh có tổng cộng 27 Công ty chứng khoán thành viên. Năm 2025, khối ngoại tiếp tục duy trì tỷ trọng khoảng 6% tham gia vào TTCKPS.

60.570.806 HỢP ĐỒNG



GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Khách hàng TỔ CHỨC

SỰ KIỆN VAD QUY TỤ HƠN

570 NHÀ ĐẦU TƯ TỔ CHỨC

60 DOANH NGHIỆP

25 CHUYÊN GIA UY TÍN

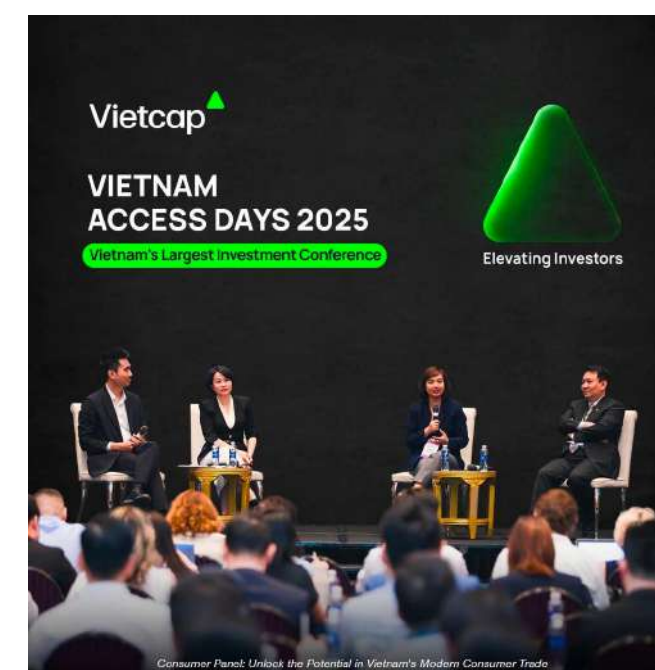
Khẳng định vị thế tiên phong trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Khối Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng Tổ chức tự hào duy trì ngôi vị dẫn đầu toàn ngành năm thứ 6 liên tiếp, nắm giữ 29% thị phần môi giới nước ngoài trong năm 2025. Thành quả này là minh chứng rõ nét nhất cho sự tin nhiệm bền vững mà Quý nhà đầu tư tổ chức dành cho chúng tôi, đồng thời là động lực để Vietcap kiên định cam kết cung cấp hệ sinh thái dịch vụ tài chính chuyên nghiệp và toàn diện.

Trong năm qua, chúng tôi tiếp tục phát huy vai trò cầu nối chiến lược thông qua việc tổ chức thành công Hội nghị Vietnam Access Days (VAD) lần thứ 13 tại TP.HCM. Sự kiện quy tụ hơn 570 nhà đầu tư tổ chức, 60 doanh nghiệp đầu ngành và 25 chuyên gia uy tín, tạo nên một diễn đàn đối thoại chuyên sâu về các xu hướng vĩ mô và cơ hội đầu tư tiềm năng. Cộng đồng nhà đầu tư tiếp tục bày tỏ sự lạc quan và niềm tin vững chắc vào triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2026.

Song hành cùng sự thăng hạng của vị thế quốc gia, Vietcap đã mở rộng hợp tác chiến lược với FTSE Russell để quảng bá tiềm

năng thị trường Việt Nam đến cộng đồng nhà đầu tư trên toàn cầu. Vào tháng 8.2025, chúng tôi đã phối hợp cùng FTSE Russell tổ chức Hội nghị VAD Bangkok lần thứ 7 tại Thái Lan. Vào tháng 9.2025, chúng tôi đồng tổ chức Hội nghị VAD London – hội nghị đầu tư chuyên biệt về thị trường tài chính Việt Nam lần đầu tiên diễn ra tại Sở Giao dịch Chứng khoán London (LSE). Chuỗi sự kiện này là minh chứng cho nỗ lực không ngừng nghỉ của chúng tôi trong việc kết nối thị trường vốn Việt Nam với cộng đồng đầu tư toàn cầu.

Tháng 10.2025 đánh dấu cột mốc lịch sử khi FTSE Russell thông báo nâng hạng Việt Nam lên Thị trường Mới nổi thứ cấp, đưa vị thế thị trường chứng khoán Việt Nam sánh vai cùng các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia. Quyết định nâng hạng sẽ chính thức có hiệu lực từ Thứ Hai, ngày 21.09.2026, sau khi hoàn tất kỳ đánh giá giữa kỳ vào tháng 3.2026. Sự kiện này không chỉ giúp khơi thông dòng vốn ngoại rông ước tính tối thiểu 6 tỷ USD từ nhóm nhà đầu tư mới – vốn trước đây bị hạn chế tiếp cận thị trường Việt Nam – mà còn mở ra một kỷ nguyên tăng trưởng vượt bậc cho thị trường chứng khoán.



NGHIÊN CỨU - PHÂN TÍCH

Phòng Nghiên cứu & Phân tích Vietcap (Vietcap Research) tự hào là đơn vị tiên phong cung cấp các phân tích chuyên sâu và khuyến nghị kịp thời cho cộng đồng đầu tư tại Việt Nam. Chúng tôi vận hành theo mô hình chuyên môn hóa theo ngành, nơi các chuyên gia dày dặn kinh nghiệm trực tiếp dẫn dắt đội ngũ phân tích, đảm bảo sự nhất quán trong phương pháp luận và chiều sâu trong từng báo cáo.

Tính đến tháng 12.2025, danh mục theo dõi của Vietcap Research bao gồm **84 doanh nghiệp, đại diện cho khoảng 85% vốn hóa của VN-Index và gần 2/3 tổng vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam**. Chúng tôi áp dụng tiêu chuẩn khắt

đề lựa chọn cổ phiếu, tập trung vào các mã đạt chuẩn đầu tư về thanh khoản, đóng vai trò trụ cột trong nền kinh tế và sở hữu tiềm năng tăng trưởng hoặc định giá lại hấp dẫn.

Bên cạnh các báo cáo phân tích cơ bản, chúng tôi liên tục xác định các động lực thị trường ngắn hạn thông qua chuỗi báo cáo công ty nhằm cung cấp cơ hội đầu tư đối với các doanh nghiệp ngoài danh mục theo dõi. **Hệ sinh thái ấn phẩm song ngữ (Anh - Việt) của Vietcap** trải rộng từ bản tin thị trường hàng ngày, báo cáo tổng kết thị trường hàng tháng, báo cáo chiến lược, thị trường trái phiếu, đến các phân tích chuyên sâu về ngành, doanh nghiệp và vĩ mô, đáp ứng khẩu vị đa dạng của nhà đầu tư.

Năm 2025, Vietcap Research đã tăng cường sự gắn kết với Khách hàng thông qua chuỗi hội thảo trực tuyến, các buổi gặp gỡ nhà đầu tư tổ chức và đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ nhân viên tư vấn đầu tư. Đặc biệt, chúng tôi tự hào là nhân tố nòng cốt tạo nên thành công của **sự kiện thương hiệu Vietnam Access Days (VAD)**. Không chỉ dừng lại ở thị trường trong nước, năm 2025 đánh dấu bước tiến chiến lược khi Vietcap Research thúc đẩy việc đưa VAD vươn ra quốc tế, mở rộng mạng lưới kết nối với các đối tác toàn cầu.

Năm qua cũng ghi nhận sự đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng công nghệ, với trọng tâm là nâng cấp **nền tảng dữ liệu độc quyền Vietcap IQ và phát triển trợ lý đầu tư AI**. Bước sang năm 2026, Vietcap Research cam kết kiên định với sứ mệnh cung cấp các khuyến nghị kịp thời, thực tiễn và sâu sắc, tiếp tục là đơn vị đồng hành tin cậy của nhà đầu tư trên thị trường Việt Nam.



TỰ DOANH

TỔNG KẾT TTCK VIỆT NAM NĂM 2025 & ĐỊNH HƯỚNG 2026

Năm 2025, Việt Nam ghi nhận nhiều kỷ lục mới về kinh tế nói chung và TTCK nói riêng, khẳng định vị thế là điểm sáng tăng trưởng trong khu vực.

Về Kinh tế

Tăng trưởng GDP

ĐẠT MỐC **8,02%**

Đạt mốc 8,02%, vượt xa các dự báo và mục tiêu đề ra từ đầu năm, đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế tăng trưởng top đầu của Đông Nam Á.

Quy mô nền kinh tế

ĐẠT NGƯỠNG **514** TỶ USD

Lần đầu tiên đạt ngưỡng 514 tỷ USD. GDP bình quân đầu người vượt ngưỡng 5.000 USD (năm 2024: 4.700 USD).

Xuất nhập khẩu

TỔNG KIM NGẠCH ĐẠT **930** TỶ USD

Tổng kim ngạch đạt 930 tỷ USD (+18,2% yoy), xác lập kỷ lục cao nhất từ trước tới nay. Cán cân thương mại thặng dư hơn 20 tỷ USD, góp phần quan trọng trong ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nguồn ngoại tệ và củng cố dự trữ ngoại hối.

FDI

CON SỐ KỶ LỤC ▲ **27,6** TỶ USD

Vốn FDI thực hiện đạt con số kỷ lục hơn 27,6 tỷ USD, phản ánh niềm tin của nhà đầu tư quốc tế vào môi trường kinh doanh ổn định tại Việt Nam.

Lạm phát (CPI)

LẠM PHÁT ĐƯỢC KIỂM SOÁT TỐT KHI CHỈ TĂNG **3,31%**

Trong khi đó lạm phát được kiểm soát tốt khi chỉ tăng 3,31%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.



Về thị trường chứng khoán Việt Nam

Chỉ số VN-Index vượt đỉnh lịch sử với mức tăng hơn 40% so với đầu năm. Tuy nhiên, sự tăng trưởng ấn tượng này lại được dẫn dắt bởi 19% cổ phiếu có mức tăng vượt trội hơn, còn lại phần lớn không đạt được hiệu suất tương ứng.

Thanh khoản thị trường được dẫn dắt bởi dòng tiền nội với mức tăng trưởng 43,2% so với năm trước, trung bình khớp lệnh đạt **26,4 nghìn tỷ đồng** (xấp xỉ 1 tỷ USD) / phiên.

Trong khi đó, Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng kỷ lục 135,3 nghìn tỷ đồng (~5,1 tỷ USD) trên cả 3 sàn (105 nghìn tỷ đồng trên HoSE).

Năm 2025 cũng chứng kiến làn sóng phát hành kỷ lục của các doanh nghiệp niêm yết với gần 38 tỷ cổ phiếu, gấp hơn 2 lần so với năm 2024 (18 tỷ cổ phiếu). Giá trị phát hành toàn thị trường là hơn 162,6 nghìn tỷ đồng (~6,1 tỷ USD), gấp 2,4 lần năm 2024 với 67 nghìn tỷ đồng (~2,6 tỷ USD).

Mặc dù chỉ số thị trường tăng trưởng mạnh tuy nhiên sự phân hóa lại diễn ra khá khắc nghiệt, việc lựa chọn đúng cổ phiếu là điều kiện tiên quyết để có kết quả vượt trội so với thị trường. Vietcap trong năm ghi nhận doanh thu đạt 2.611 tỷ đồng, tăng trưởng 30% so với 2024.

TTCK Việt Nam trong năm 2026 tiếp tục được kỳ vọng sẽ duy trì

đà tăng trưởng nhờ nội lực tích cực từ nền kinh tế, sự trở lại của khối ngoại khi TTCK chính thức được nâng hạng cũng sẽ là động lực đáng kể cho thị trường. Vietcap vẫn kiên định với chiến lược đầu tư vào các doanh nghiệp có uy tín, có ưu thế kinh doanh vượt trội đi cùng dòng tiền lành mạnh tại mức giá chiết khấu hợp lý. Chúng tôi tin rằng, với triết lý đầu tư này, Vietcap sẽ tiếp tục gặt hái được nhiều thành tựu hơn nữa.

DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG VÀ QUẢN LÝ SẢN PHẨM 2025

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2025

Đánh giá về tình hình hoạt động của Phòng Dịch vụ Khách hàng và Quản lý sản phẩm (CS)

1. Mở tài khoản trong nước:

Trong năm 2025, Vietcap ghi nhận tổng số lượng Tài khoản mở mới là 11.592 tài khoản. Trong đó, Khách hàng trong nước chiếm 11.302 tài khoản, (11.242 tài khoản cá nhân và 60 tài khoản tổ chức.)

2. Tư vấn qua các kênh Hotline hỗ trợ Khách hàng:

Tiếp nhận hơn 7.000 yêu cầu, trong đó khoảng 6.000 yêu cầu hỗ trợ liên quan đến Tài khoản chứng khoán Khách hàng và các chương trình khuyến mãi của Vietcap, hơn 1.000 yêu cầu hướng dẫn hoàn tất Mở tài khoản, chỉ còn khoảng 50 trường hợp là nạn nhân của các vụ lừa đảo giả mạo Vietcap.

3. Hoạt động thanh toán sau giao dịch :

Năm 2025, thống kê đã thanh toán thành công cho cổ phiếu, chứng quyền (CW), chứng chỉ quỹ (CCQ), trái phiếu riêng lẻ (TPRL), TPRL với tổng giá trị là 987.576 tỷ VND, thanh toán phái sinh 145.695 tỷ VND

987.576 TỶ VND **145.695** TỶ VND

4. Hoạt động chuyển tiền, rút, nộp tiền :

133.036 TỶ VND tổng giá trị chuyển tiền ra tài khoản tổng

103.850 TỶ VND tổng giá trị nhận tiền vào tài khoản tổng

5. Hoạt động cho vay margin trong năm 2025

Luôn chú trọng việc nhắc nợ, bán giải chấp đúng quy định, nhanh nhạy trong việc bán bắt buộc để thu hồi vốn. Kết quả năm 2025 không có tài khoản nào phát sinh nợ xấu. Dư nợ margin trung bình khoảng 15.000-16.000 tỷ tăng hơn 50% so với năm trước.

Tỷ lệ an toàn của hoạt động chứng khoán phái sinh cũng được kiểm soát tốt, không có các cảnh báo từ VSD và xảy ra các thiệt hại tài chính nào.

DƯ NỢ MARGIN TRUNG BÌNH

15.000-16.000 TỶ TĂNG HƠN 50% SO VỚI NĂM TRƯỚC



900 HỢP ĐỒNG MUA BÁN TRÁI PHIẾU

04 HỢP ĐỒNG TƯ VẤN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

290 TÀI KHOẢN NƯỚC NGOÀI

209 TỔ CHỨC

81 CÁ NHÂN

6. Về hoạt động trái phiếu

Năm 2025, Bộ phận CS đã hỗ trợ Phòng Trái phiếu trong việc thực hiện hơn 900 hợp đồng mua bán trái phiếu qua hệ thống giao dịch từ xa HNX và 04 hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu.

Theo dõi thực hiện các hợp đồng của Khách hàng, theo dõi doanh thu chi phí, hoa hồng cho môi giới một cách đầy đủ và cẩn thận, không để xảy ra sai sót nào.

7. Hoạt động hỗ trợ khối Giao dịch chứng khoán - Khách hàng Tổ chức

Mở tài khoản: Thực hiện mở được 290 tài khoản nước ngoài trong đó có 209 tổ chức và 81 cá nhân
+ Tham gia thực hiện hoạt động giao dịch không yêu cầu ký quỹ trước (NPF) cho nhà đầu tư tổ chức nước ngoài :

- Theo dõi các thanh toán NPF của các tổ chức và thực hiện báo cáo nội bộ, báo cáo UBCK hằng ngày.

- Hoạt động xác nhận kết quả sau giao dịch cho các Khách hàng tổ chức nước ngoài, hỗ trợ các vấn đề liên quan mở tài khoản, thanh toán, tư vấn qui trình ...cho khối Giao dịch chứng khoán - Khách hàng Tổ chức đã được thực hiện tốt, nhanh chóng, kịp thời.

8. Các hoạt động liên quan lưu ký trong năm cũng được thực hiện tốt, nhanh chóng, an toàn tạo sự hài lòng cho Khách hàng.

Phí lưu ký

12.184.321.929 VND

Phí chuyển khoản

53.104.064 VND

Phí phong tỏa giải tỏa

322.310.000 VND

9. CS trong năm qua cũng đã đồng hành và kết hợp chặt chẽ với bộ phận IT/ UI trong việc phát triển các sản phẩm mới phục vụ cho kinh doanh.

10. CS cũng đồng thời cung cấp các báo cáo quản trị về tình hình vay Nợ, Doanh số, tình hình hoạt động.... cho các phòng ban, Ban Tổng Giám đốc và các sở ban ngành liên quan .

AN TOÀN THÔNG TIN

1. BỐI CẢNH AN NINH MẠNG 2026

Năm 2026 là năm "Đại Phân kỳ" - phân chia rõ rệt giữa tổ chức có nền tảng tự động hóa bảo mật và những tổ chức chưa đầu tư đầy đủ.

Chỉ số

Nội dung

\$4.45 triệu

Chi phí trung bình cho một vụ vi phạm dữ liệu (IBM 2025)

65%

Tổ chức tài chính bị tấn công ransomware trong 2024 (Sophos)

~50%

Cuộc tấn công phishing nhắm vào ngành tài chính (Akamai)

01.07.2026

Luật An ninh mạng mới của Việt Nam có hiệu lực

2. XU HƯỚNG & RỦI RO AN NINH MẠNG CHỦ ĐẠO

2.1. AI Tự trị (Agentic AI)

Sự phát triển của các hệ thống AI có khả năng hành động độc lập, tự ra quyết định và tương tác thay mặt con người đang tạo ra một lớp rủi ro an ninh mạng hoàn toàn mới.

- Tấn công chiếm quyền Agent qua prompt injection, biến AI thành "nội gián" tự động
- Shadow AI: Nhân viên triển khai công cụ AI chưa được phê duyệt, xử lý dữ liệu nhạy cảm.

2.2. Deepfake & Khủng hoảng xác thực

Video call/giọng nói giả mạo lãnh đạo yêu cầu chuyển tiền, email cá nhân hóa cao độ bằng AI (CEO doppelgänger).

2.3. Ransomware thế hệ mới

Hoạt động tự động hoàn toàn do AI điều khiển.

Xu hướng mới: Data Integrity Attacks - âm thầm thay đổi dữ liệu tài chính thay vì mã hóa.

2.4. Tấn công chuỗi cung ứng

Theo ENISA, 66% nhà cung cấp bị xâm phạm không nhận biết hoặc không công bố sự cố, khiến một điểm yếu đơn lẻ có thể lan rộng sang nhiều tổ chức trong cùng hệ sinh thái.

2.5. Mã hóa

Chiến lược "Harvest Now, Decrypt Later" đang được các nhóm tấn công áp dụng, trong đó dữ liệu được thu thập và lưu trữ để chờ giải mã khi công nghệ máy tính đủ khả năng phá vỡ các thuật toán mã hóa phổ biến.

3. KHUNG PHÁP LÝ AN NINH MẠNG VIỆT NAM 2026

Luật An ninh mạng mới (116/2025/QH15) có hiệu lực 01.07.2026, hợp nhất Luật ANM 2018 và Luật ATTT 2015.

Cơ quan chủ quản	Bộ Công an (thay thế mô hình chia sẻ với Bộ TT&TT)
Phân loại hệ thống	5 cấp độ dựa trên mức độ thiệt hại nếu xảy ra sự cố
Thời hạn gỡ nội dung	24 giờ (thông thường) / 6 giờ (khẩn cấp)
Luật BVDLCN	Có hiệu lực 01.01.2026 - yêu cầu nghiêm ngặt xử lý dữ liệu cá nhân

4. CHIẾN LƯỢC AN NINH MẠNG VIETCAP 2026

Trụ cột	Nội dung
1. Zero Trust	"Không bao giờ tin tưởng, luôn xác minh" - Mọi người dùng, thiết bị và hệ thống đều phải được xác thực liên tục; quyền truy cập được chia nhỏ để ngăn chặn lây lan khi có sự cố.
2. Resilience	Chấp nhận vi phạm có thể xảy ra - Giả định vi phạm có thể xảy ra bất cứ lúc nào, từ đó ưu tiên năng lực phát hiện sớm, phản ứng nhanh và giới hạn phạm vi ảnh hưởng của sự cố.
3. AI Governance	Kiểm kê, phê duyệt và giám sát toàn bộ công cụ AI; kiểm soát Shadow AI và bảo vệ các AI Agent khỏi bị lợi dụng hoặc chiếm quyền điều khiển.
4. Tuân thủ Chủ động	Vượt trên mức tuân thủ tối thiểu: Triển khai kiểm toán an ninh theo thời gian thực và cơ chế vá lỗi tự động nhằm giảm thiểu rủi ro phát sinh liên tục.

Dự án Trọng điểm 2026

Trụ cột	Thời gian	Mục tiêu
Patch Management + UEM	Q1-Q2.2026	Tự động hóa quản lý bản vá và endpoint
Data Loss Prevention	Q2-Q3.2026	Bảo vệ dữ liệu nhạy cảm, tuân thủ BVDLCN
Mobile App Security	Q2-Q3.2026	Bảo mật ứng dụng giao dịch di động
AI Governance Framework	Q2.2026	Quản trị việc sử dụng AI trong tổ chức

5. KHUYẾN NGHỊ CHO TOÀN THỂ CBNV

01 Cảnh giác với Email/Tin nhắn

Luôn xác minh danh tính người gửi, đặc biệt với các yêu cầu chuyển tiền hoặc cung cấp thông tin nhạy cảm. Lưu ý rằng công nghệ deepfake có thể giả mạo cả giọng nói và hình ảnh của lãnh đạo.

04 Báo cáo Sự cố Ngay lập tức

Khi phát hiện hoặc nghi ngờ dấu hiệu tấn công, cần thông báo ngay cho Phòng An toàn Thông tin. Việc phản ứng sớm giúp giảm đáng kể mức độ thiệt hại.

02 Bảo vệ Thông tin Đăng nhập

Sử dụng mật khẩu mạnh, duy nhất cho mỗi tài khoản. Không chia sẻ qua bất kỳ kênh nào.

05 Tham gia Đào tạo

Hoàn thành các khóa đào tạo nâng cao nhận thức về an ninh mạng, bởi mỗi nhân viên chính là tuyến phòng thủ đầu tiên của tổ chức.

03 Cảnh trọng với AI Tools

Chỉ dùng các công cụ AI đã được Công ty phê duyệt. Không nhập dữ liệu, tài liệu hoặc thông tin nội bộ của Công ty vào các dịch vụ AI công cộng.



An ninh mạng không phải là đích đến, mà là hành trình liên tục. Mỗi cá nhân trong tổ chức đều đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ tài sản số của Vietcap.

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO BÁO CÁO CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TỔNG KẾT NĂM 2025 & ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2026



Năm 2025 đánh dấu giai đoạn Vietcap tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ, lấy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo làm trụ cột chiến lược nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tối ưu vận hành và phát triển các sản phẩm tài chính hiện đại, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế.

Bước sang năm 2026, trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam tiến tới nâng hạng lên thị trường mới nổi, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của AI, hạ tầng giao dịch, dữ liệu và công nghệ tài chính thế hệ mới, Vietcap xác định công nghệ thông tin không chỉ là công cụ hỗ trợ mà là động lực cốt lõi cho tăng trưởng dài hạn, tạo nền tảng cho khả năng thích ứng, đổi mới và phát triển bền vững của Công ty.



I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ & SẢN PHẨM NĂM 2025

1. Nâng cấp nền tảng công nghệ lõi

Trong năm 2025, Vietcap tiếp tục tập trung đầu tư và nâng cấp nền tảng công nghệ lõi nhằm đảm bảo tính ổn định, an toàn và khả năng mở rộng cho toàn bộ hoạt động kinh doanh

- Duy trì vận hành ổn định các hệ thống giao dịch trọng yếu với mức độ sẵn sàng cao (High Availability), đáp ứng hiệu quả các giai đoạn thị trường biến động mạnh.

- Từng bước tái cấu trúc kiến trúc hệ thống theo hướng module hóa, tách biệt các thành phần chức năng, tạo nền tảng cho việc mở rộng và nâng cấp độc lập trong tương lai.

- Tăng cường giám sát, logging và monitoring tập trung, giúp phát hiện sớm rủi ro và rút ngắn thời gian xử lý sự cố.

2. Phát triển sản phẩm số & kênh Khách hàng

Công nghệ tiếp tục đóng vai trò là nền tảng để Vietcap nâng cao trải nghiệm Khách hàng và phát triển sản phẩm với các trọng tâm chính

- Nâng cấp toàn diện các nền tảng giao dịch số (Webtrading hợp nhất, Vietcap App, APIs, OMS) theo hướng thân thiện hơn, hiệu năng tốt hơn và đáp ứng nhu cầu giao dịch ngày càng gia tăng.

- Triển khai và mở rộng các cổng thông tin đầu tư, advisory portal, priceboard, cung cấp dữ liệu thị trường và thông tin đầu tư kịp thời, chính xác, hỗ trợ nhà đầu tư ra quyết định hiệu quả.

- Ứng dụng AI/Vietcap IQ trong một số nghiệp vụ như phân tích dữ liệu, hỗ trợ tư vấn và tối ưu vận hành.

3. Dữ liệu & phân tích

- Xây dựng và chuẩn hóa các kho dữ liệu (data platform) phục vụ báo cáo, dashboard quản trị và các dự án AI/Vietcap IQ.

- Tăng cường năng lực xử lý dữ liệu thời gian thực và dữ liệu lịch sử, phục vụ nhu cầu phân tích nội bộ và phát triển sản phẩm mới.

- Cải thiện quy trình ETL, nâng cao chất lượng và tính nhất quán của dữ liệu.

4. An toàn thông tin & tuân thủ

- Duy trì và nâng cao các biện pháp bảo mật hệ thống, kiểm soát truy cập và phân quyền.

- Đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp lý, quy định của cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán và công nghệ thông tin.

- Tăng cường công tác đánh giá rủi ro, kiểm thử bảo mật và nâng cao nhận thức an toàn thông tin trong toàn Công ty.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NĂM 2026

1. Kiến trúc công nghệ hiện đại, linh hoạt, dễ mở rộng kết hợp bảo mật và ATTT



Trong năm 2026, Vietcap tiếp tục nâng cao năng lực công nghệ nhằm xây dựng một nền tảng ổn định, linh hoạt và sẵn sàng mở rộng, đáp ứng hiệu quả nhu cầu tăng trưởng của hoạt động kinh doanh và số lượng Khách hàng.

Các kết quả trọng tâm hướng tới bao gồm:

- Nâng cao độ tin cậy và khả năng chịu tải của hệ thống, đảm bảo các dịch vụ trọng yếu luôn vận hành ổn định và liên tục.

- Tăng cường cơ chế dự phòng và tính sẵn sàng cao, giảm thiểu gián đoạn dịch vụ và rủi ro vận hành.

- Cải thiện hiệu năng tổng thể, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu giao dịch ngày càng tăng và mang lại trải nghiệm mượt mà cho Khách hàng.

- Tăng tính linh hoạt trong việc phát triển và triển khai sản phẩm, giúp Vietcap nhanh chóng thích ứng với thay đổi của thị trường.

Bảo mật và an toàn thông tin cũng được xác định là xương sống của kiến trúc công nghệ mới, được tích hợp xuyên suốt từ thiết kế, triển khai đến vận hành hệ thống. Vietcap định hướng xây dựng mô hình "Security by Design", trong đó các yêu cầu về bảo mật, an toàn dữ liệu và quản trị rủi ro được đặt lên hàng đầu ngay từ giai đoạn kiến trúc và phát triển hệ thống.

2. Đẩy mạnh phát triển sản phẩm dựa trên công nghệ - lấy AI làm trung tâm phát triển sản phẩm

- Phát triển nhanh các sản phẩm khác biệt, cá nhân hóa theo từng phân khúc Khách hàng (retail, institutional, advisory).

- Mở rộng khả năng tích hợp với đối tác, hệ sinh thái bên ngoài thông qua API và nền tảng mở.

- Ứng dụng sâu hơn AI, dữ liệu lớn và phân tích nâng cao vào tư vấn đầu tư, quản trị rủi ro và vận hành, tạo hệ sinh thái dịch vụ thông minh, nhất quán - AI Warren tiếp tục được nâng cấp, mở rộng sang các chức năng tư vấn chuyên sâu hơn, hỗ trợ quyết định đầu tư và quản trị danh mục.

3. Dữ liệu làm trung tâm (Data-driven)

- Hoàn thiện kiến trúc data platform thống nhất, phục vụ cả vận hành, quản trị và phát triển sản phẩm.

- Nâng cao năng lực real-time data, hỗ trợ quyết định nhanh và chính xác.

- Chuẩn bị nền tảng dữ liệu cho các xu hướng mới như sản phẩm số hóa, tài sản token hóa trong trung và dài hạn.

4. Hoàn thiện hạ tầng giao dịch đáp ứng thị trường mới nổi bao gồm hệ thống Disaster Recovery (DR) hoàn chỉnh

- Vietcap tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT theo chuẩn quốc tế nhằm**

- Đáp ứng yêu cầu giao dịch khối lượng lớn.

- Phục vụ tốt hơn các Khách hàng tổ chức, nhà đầu tư nước ngoài.

- Mở rộng khả năng cung cấp dịch vụ co-lo và kết nối thị trường thông qua chuẩn FIX, APIs.

- Bên cạnh đó, Vietcap cũng hoàn thiện hệ thống DR tại Trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn Tier III, nhằm đảm bảo cho các hệ thống trọng yếu:**

- Tính liên tục trong hoạt động kinh doanh.

- Khả năng phục hồi nhanh khi xảy ra sự cố.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn hệ thống và quản trị rủi ro.

5. Nghiên cứu và phát triển công nghệ Blockchain, tài sản số và các sản phẩm cấu trúc thể hệ mới

Vietcap chủ động nghiên cứu và xây dựng năng lực công nghệ trong các lĩnh vực:



Định hướng tập trung vào:

- Ứng dụng Blockchain nhằm tăng tính minh bạch, hiệu quả và khả năng kiểm soát dữ liệu
- Nghiên cứu token hóa các tài sản truyền thống
- Phát triển các sản phẩm cấu trúc gắn với: Blockchain Vàng Hàng hóa

Việc đầu tư nghiên cứu sớm giúp Vietcap sẵn sàng triển khai khi khung pháp lý cho phép, đồng thời khẳng định tầm nhìn dài hạn trong xu hướng tài chính số.

6. Tăng cường tự động hóa nghiệp vụ và quy trình nội bộ

Vietcap đã từng bước triển khai tự động hóa các quy trình nghiệp vụ nội bộ, hướng tới mô hình vận hành tinh gọn và hiệu quả hơn.

Trọng tâm là:

- Ứng dụng AI vào xử lý dữ liệu, đối soát, kiểm soát rủi ro
- Tự động hóa các quy trình nghiệp vụ lặp lại, các nền tảng workflow thông minh
- Giảm thiểu thao tác thủ công, nâng cao năng suất lao động

Việc tự động hóa không chỉ giúp tối ưu chi phí vận hành mà còn nâng cao tính chính xác, minh bạch và khả năng kiểm soát trong toàn hệ thống.

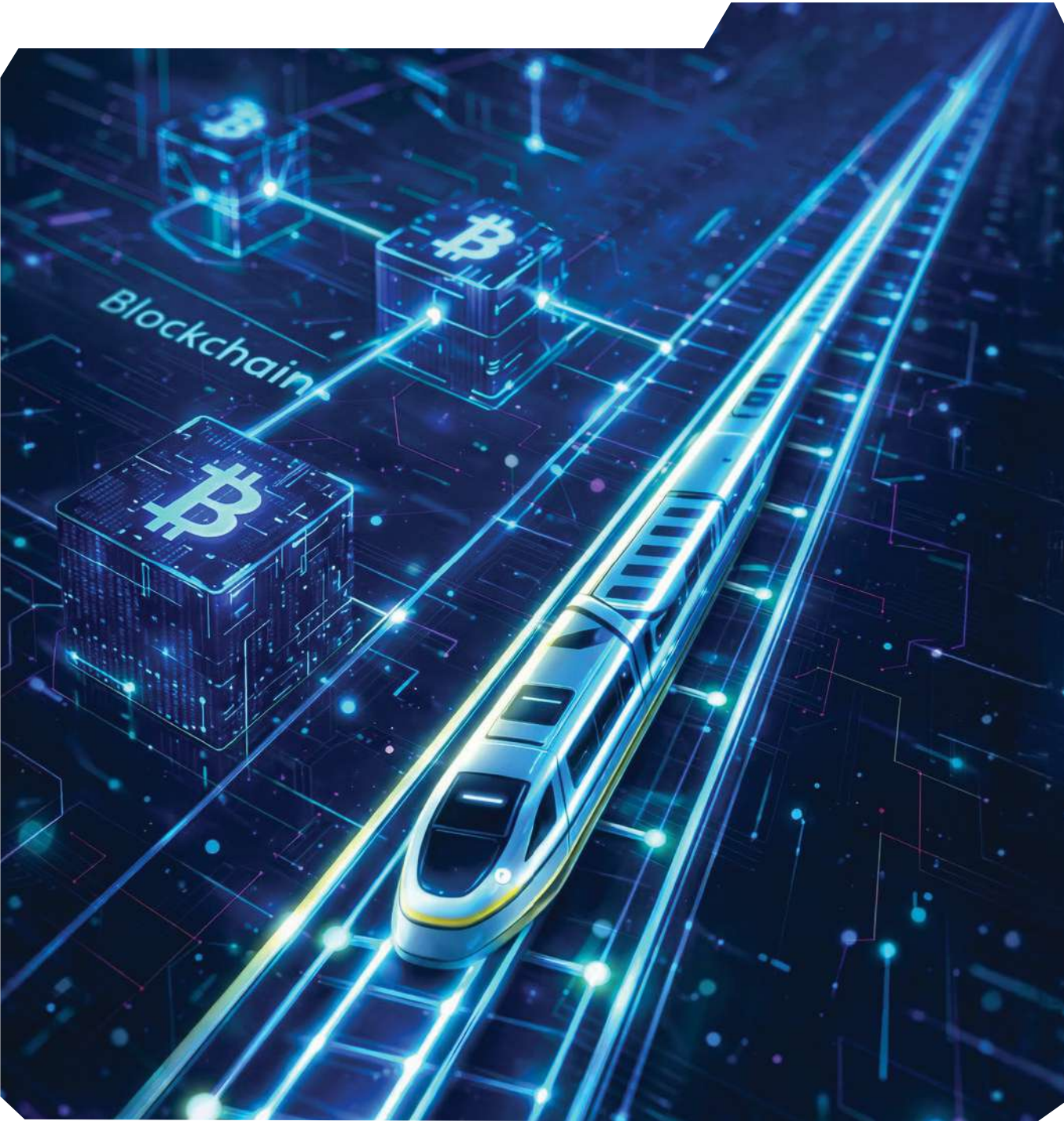
7. Nâng cao năng lực đội ngũ & tự chủ công nghệ

- Đẩy mạnh chuyển giao tri thức, chuẩn hóa tài liệu, quy trình nhằm nâng cao năng lực tự vận hành và phát triển hệ thống của đội ngũ nội bộ.
- Giảm dần phụ thuộc vào nhà cung cấp bên ngoài, hướng tới làm chủ kiến trúc và công nghệ cốt lõi.
- Thu hút và phát triển nhân sự công nghệ chất lượng cao, sẵn sàng cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo.
- Nâng cao nhận thức và năng lực an toàn thông tin của đội ngũ, coi con người là một phần quan trọng trong hệ sinh thái bảo mật tổng thể.

III. KẾT LUẬN

Với nền tảng công nghệ vững chắc được xây dựng trong năm 2025 và định hướng đầu tư có trọng tâm trong năm 2026, Vietcap đặt mục tiêu trở thành Công ty chứng khoán dẫn đầu về ứng dụng công nghệ tại Việt Nam. Việc đẩy mạnh AI, tự động hóa toàn diện, sẵn sàng cho thị trường mới nổi, cùng

định hướng phát triển blockchain, tài sản số và các sản phẩm tài chính thể hệ mới sẽ giúp Vietcap nâng cao năng lực cạnh tranh, tối ưu vận hành và tạo ra giá trị bền vững cho Khách hàng, cổ đông và thị trường.



CỦNG CỐ NỘI LỰC



VỊ THẾ TÀI CHÍNH

Nghĩa vụ nợ vay

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn, đầy đủ theo hợp đồng hoặc kế ước vay. Công ty không có nợ quá hạn. Công ty không có nợ quá hạn trên một năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư nợ ngắn hạn và dài hạn như sau:

Đơn vị: Triệu Đồng	31.12.2023	31.12.2024	31.12.2025
Nợ ngắn hạn	9.099.275	12.573.864	16.064.550
Vay ngắn hạn	8.979.275	12.573.864	16.064.550
Trái phiếu Công ty ngắn hạn	120.000	0	0
Nợ vay dài hạn	0	0	0
Tổng	9.099.275	12.573.864	16.064.550

Nguồn: Báo cáo tài chính

Thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác

Công ty thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước theo quy định hiện hành. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị: Triệu Đồng	31.12.2023	31.12.2024	31.12.2025
Thuế giá trị gia tăng (GTGT)	135	59	4.402
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	7.571	35.885	188.525
Thuế thu nhập cá nhân	2.368	2.140	3.654
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ Khách hàng	20.545	26.385	33.087
Tổng	30.619	64.468	229.667

Nguồn: Báo cáo tài chính

Tình hình biến động thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước trong năm như sau:

Đơn vị: Triệu Đồng	01.01.2025	Phát sinh	Đã thanh toán	31.12.2025
Thuế giá trị gia tăng (GTGT)	59	6.878	(2.535)	4.402
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	35.885	306.186	(153.546)	188.525
Thuế thu nhập cá nhân	2.139	94.005	(92.492)	3.654
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ Khách hàng	26.384	521.785	(515.083)	33.087

Nguồn: Báo cáo tài chính



Nghĩa vụ nợ vay

Đơn vị: Triệu Đồng	31.12.2023	31.12.2024	31.12.2025
Nợ phải trả ngắn hạn	9.465.772	13.038.471	17.325.115
Nợ phải trả dài hạn	418.133	609.348	670.853
Tổng	9.883.905	13.647.819	17.995.969

Nguồn: Báo cáo tài chính

Các khoản phải thu ngắn hạn

Đơn vị: Triệu Đồng	31.12.2023	31.12.2024	31.12.2025
Các khoản phải thu	848.568	393.384	226.985
Phí dịch vụ phải thu	31.213	31.373	33.119
Khác	0	0	0
Thanh toán trước	227.931	99.839	217.840
Dự phòng phải thu	(13.220)	(17.737)	(24.512)
Tổng	1.094.491	506.859	453.432

Nguồn: Báo cáo tài chính

Các khoản phải trả

Đơn vị: Triệu Đồng	31.12.2023	31.12.2024	31.12.2025
Các khoản phải trả ngắn hạn	366.497	464.606	1.260.565
Các khoản phải trả dài hạn	418.133	609.348	670.853
Tổng	784.630	1.073.954	1.931.418

Nguồn: Báo cáo tài chính

Chỉ số an toàn tài chính

Theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 13.11.2020, sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 102/2025/TT-BTC ngày 29.10.2025, công ty chứng khoán phải duy trì tỉ lệ an toàn vốn (CAR) tối thiểu 180%. Vietcap luôn duy trì tốt trên mức yêu cầu, đảm bảo an toàn tài chính của Công ty.

Đơn vị: Triệu Đồng	31.12.2023	31.12.2024	31.12.2025
Rủi ro thị trường	1.237.473	1.579.889	2.385.587
Rủi ro thanh khoản	69.773	167.472	237.938
Rủi ro hoạt động	290.848	463.557	640.057
Tổng rủi ro	1.598.094	2.210.918	3.263.582
Vốn khả dụng	6.941.160	12.495.980	17.537.019
Tỷ lệ an toàn vốn	434%	565%	537%

Nguồn: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

MỘT SỐ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH



1. Thanh khoản

Hệ số thanh khoản hiện hành của Vietcap được duy trì ở mức lành mạnh ở mức 2,07x lần vào năm 2025, cho thấy khả năng đáp ứng các nghĩa vụ ngắn hạn tốt.



2. Cơ cấu vốn

Vietcap duy trì cơ cấu vốn lành mạnh với tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu thấp so với giới hạn quy định 500% áp dụng cho các Công ty chứng khoán.



3. Khả năng sinh lời

Biên lợi nhuận ròng cải thiện trong năm 2025, được thúc đẩy bởi triển vọng ngành thuận lợi hơn và thị phần mở rộng của VCI, qua đó giúp ROA năm 2025 tăng lên.

Mục	Đơn vị	2023	2024	2025
Tỷ số thanh khoản				
Tỷ số thanh khoản hiện thời	Lần	1,81	2,03	2,07
Cơ cấu vốn				
Tổng nợ/Tổng tài sản	%	57,3%	51,3%	50,0%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	%	123,4%	97,1%	89,2%
Nợ ròng/Vốn chủ sở hữu	%	112,8%	60,5%	71,4%
Tỷ lệ vòng quay tổng tài sản	%	15,9%	17,1%	15,9%
Tỷ suất sinh lời				
Biên lợi nhuận trước thuế	%	22,8%	29,1%	32,4%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	%	19,7%	24,3%	26,7%
ROE	%	7,1%	9,0%	8,7%
ROA	%	3,1%	4,2%	4,3%
EPS pha loãng đã điều chỉnh	VND	867	1.540	1.854
BVPS	VND	12.960	18.026	21.186

Nguồn: Vietcap

QUẢN TRỊ RỦI RO

“Quản trị rủi ro là một quá trình liên tục được vận hành xuyên suốt trong quá trình thực hiện các chiến lược của Công ty, cân bằng giữa nguy cơ và cơ hội, tạo ra một khuôn khổ giúp định hướng sự gia tăng tính hiệu quả của quyết định.”

Quy trình quản trị rủi ro được tích hợp với văn hóa doanh nghiệp. Văn hóa rủi ro tập hợp giá trị cá nhân và doanh nghiệp, thái độ, năng lực, hành vi giúp Công ty xác định phương pháp quản trị rủi ro và cam kết của Ban Điều hành.

Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng một cách hiệu quả dựa trên việc phân công trách nhiệm trong toàn Công ty, mỗi Trưởng phòng, nhân viên đều có trách nhiệm trong hệ thống quản trị rủi ro thông qua các quy định của pháp luật, các quy trình, chính sách nội bộ của Công ty và được áp dụng thống nhất toàn Công ty. Hệ thống quản trị rủi ro thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao trách nhiệm, đánh giá năng lực mỗi nhân viên.

Công ty triển khai các hoạt động giám sát tuân thủ và quản trị rủi ro theo nội dung hướng dẫn tại Quyết định 105/QĐ-UBCK ngày 26.02.2013 của Ủy ban Chứng khoán về thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho Công ty Chứng khoán. Công ty đã hoàn thiện chính sách và hệ quy trình quản trị rủi ro dựa trên tiêu chuẩn ISO 31000 được vận hành đồng bộ với các chiến lược của Công ty.

Quy trình quản trị rủi ro được khái quát như sau



Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty đảm bảo

- Sự giám sát của Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro trong dài hạn và trong từng giai đoạn cụ thể được Hội đồng Quản trị thông qua.
- Kế hoạch triển khai thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ.
- Công tác quản lý, kiểm tra, rà soát thường xuyên của Tổng Giám đốc.
- Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.



Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty được thiết lập nhằm đảm bảo khả năng xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của mình tại mọi thời điểm.

Công ty thực hiện công tác quản trị rủi ro một cách độc lập, khách quan, trung thực, thống nhất và được thể hiện bằng văn bản. Các bộ phận tác nghiệp và bộ phận quản trị rủi ro được tổ chức tách biệt và độc lập với nhau, người phụ trách bộ phận tác

ngiệp không đồng thời phụ trách bộ phận quản trị rủi ro và ngược lại.

Hướng dẫn nội bộ được trình bày một cách rõ ràng để tất cả các cá nhân liên quan hiểu được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình và có thể mô tả cụ thể, chi tiết về quy trình quản trị rủi ro liên quan. Công ty thường xuyên rà soát và cập nhật lại các hướng dẫn nội bộ này.



Môi trường kiểm soát của Công ty

Môi trường kiểm soát nội bộ của Công ty bao gồm hệ thống các chuẩn mực, quy trình, tổ chức làm nền tảng cho việc thực hiện công tác kiểm soát nội bộ trong toàn Công ty. Môi trường kiểm soát ảnh hưởng đến toàn bộ nhận thức về hoạt động kiểm soát của đội ngũ nhân viên Công ty nên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc luôn nêu cao các giá trị đạo đức cũng như làm gương cho toàn bộ đội ngũ cán bộ nhân viên của Công ty.

Mục tiêu và các thủ tục, quy trình được thực hiện trong việc thiết lập môi trường kiểm soát nội bộ hiệu quả của Công ty bao gồm:

Bảo đảm tính trung thực, các giá trị đạo đức và hành vi trong toàn bộ Công ty:

- Công ty xây dựng các chuẩn mực và quy tắc ứng xử cho nhân viên.
- Toàn bộ Ban Tổng Giám đốc và nhân viên cũng như đối tác đều được đánh giá theo các chuẩn mực đạo đức.
- Nhân viên mới được tham gia khóa đào tạo định hướng bắt buộc về các quy định, chuẩn mực, ứng xử trong Công ty với các chế tài thích hợp đối với các trường hợp vi phạm các chuẩn mực đạo đức.

Đảm bảo cơ cấu tổ chức, phân công, phân nhiệm và ủy quyền thích hợp:

- Xác định rõ cơ cấu tổ chức, vai trò, trách nhiệm, kênh báo cáo và đánh giá mức độ phù hợp của cơ cấu tổ chức.
- Xác định thẩm quyền tương ứng với từng cấp quản trị và điều hành.
- Xây dựng và duy trì Bản mô tả Công việc cũng như đảm bảo các hợp đồng lao động được ký kết một cách phù hợp.
- Xác định rõ vai trò của Kiểm toán Nội bộ.

Đảm bảo tính độc lập và mức độ tham gia của Hội đồng Quản trị với Ban Tổng Giám đốc:

- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm quản trị, và giám sát của Hội đồng Quản trị.
- Thiết lập các chính sách và quyết định liên quan đến các cuộc họp giữa Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- Thiết lập kênh trao đổi thông tin mở và hiệu quả giữa Hội đồng Quản trị, Kiểm toán nội bộ và Kiểm toán độc lập nhằm báo cáo các hoạt động của Công ty kịp thời.

Cam kết trong việc thu hút, phát triển và duy trì đội ngũ nhân lực:

- Thiết lập các yêu cầu về năng lực, kiến thức và kỹ năng đối với toàn bộ nhân viên. Xây dựng quy trình đánh giá năng lực và hành vi.
- Gắn kết các chuẩn mực, yêu cầu và đánh giá về Năng lực và Kiến thức với các chính sách và các quyết định tuyển dụng, đào tạo và duy trì đội ngũ nhân sự.
- Xây dựng kế hoạch dự phòng cho các vị trí nhân sự chủ chốt.

Phân công, phân nhiệm và ủy quyền

Cơ cấu tổ chức của Công ty là kiểm soát tập trung với cơ chế quản lý theo chiều dọc từ Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Giám đốc Phụ trách, Trưởng/Phó phòng.

Tổng Giám đốc điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo sự phân công và mức phê duyệt đã được duyệt và chịu trách nhiệm chính trước Hội đồng Quản trị. Các Giám đốc, Trưởng/Phó phòng trực tiếp quản lý và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị.

Đối với công tác phân nhiệm, Công ty thực hiện theo cơ chế từ trên xuống. Tại Hội sở và Chi nhánh, Trưởng phòng phụ trách sẽ phân công trách nhiệm cho Phó phòng/ban và từng nhân viên. Các nhân viên sẽ được hướng dẫn bởi các nhân viên cao cấp hoặc Trưởng phòng/ban để nắm rõ quy trình thực hiện, trách nhiệm của mình và luôn đảm bảo có sự đối chiếu, kiểm tra chéo trong cùng một hoặc nhiều bộ phận.

Định hướng hoạt động quản trị rủi ro năm 2026



Năm 2025 ghi lại nhiều dấu mốc lịch sử của TTCK Việt Nam khi hàng loạt sự kiện mang tính bước ngoặt đồng loạt diễn ra, từ cú sốc thuế quan và bảo hộ thương mại vào tháng 4 của chính phủ Hoa Kỳ, việc vận hành thành công hệ thống KRX, đến sự kiện nâng hạng lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp theo phân loại của từ FTSE Russell, chỉ số VN-Index ngày 31.12.2025 vượt lên mốc xấp xỉ 1.800 điểm tăng hơn 40% so với đầu năm, vốn hóa HoSE đạt kỷ lục 8,3 triệu tỷ đồng. Nếu tính chung cả 3 sàn, tổng giá trị vốn hóa của chứng khoán Việt Nam lên đến gần 10 triệu tỷ đồng, cao nhất từ trước đến nay. Vượt qua khó khăn, VN-Index vượt lên đỉnh cao mới, thể hiện cam kết của Việt Nam thúc đẩy thị trường tài chính năm 2025 thông qua việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, nâng cao tính minh bạch, và cải thiện khung pháp lý để nâng hạng chứng khoán từ cận biên lên mới nổi. Trọng tâm bao gồm chuyển đổi số, ổn định kinh tế vĩ mô và tăng cường giám sát, hướng tới mục tiêu tăng trưởng cao. Chính phủ thể hiện quyết tâm bằng hành động qua các văn bản Quyết định 2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam; Nghị định 245/2025/NĐ-CP thúc đẩy thu hút vốn đầu tư nước ngoài, rút ngắn thời gian IPO, minh bạch thông tin...

Vietcap đã thực hiện thông suốt hoạt động quản trị rủi ro trong năm 2025, cú sốc thuế quan là bài stress test thực tế, chứng tỏ khả năng phòng ngừa và xử lý rủi ro thị trường, rủi ro thanh

khoản khi khủng hoảng xảy ra. Có được kết quả đó là nhờ sự quan tâm của Ban Lãnh Đạo Vietcap, chỉ đạo và giám sát các kịch bản mô phỏng, đo lường và đánh giá khả năng phòng ngừa, xử lý rủi ro. Cân bằng giữa lợi ích kinh doanh, khả năng cạnh tranh, tối ưu hiệu quả phòng ngừa, xử lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Sau kỳ đánh giá trung gian vào tháng 3 năm nay, FTSE Russell chính thức nâng hạng chứng khoán Việt Nam từ Thị trường Cận biên thành Thị trường Mới nổi Thứ cấp vào tháng 9.2026. Sau đó theo HSBC dự báo, trong 6 tháng đầu tiên sau khi nâng hạng, dòng vốn đầu tư thụ động vào thị trường có thể tăng thêm từ 1,5-2 tỉ USD, trong khi dòng vốn đầu tư chủ động có thể cao hơn. Là một đơn vị đi đầu trong cung cấp dịch vụ thị trường cho nhà đầu tư nước ngoài, đây là cơ hội đồng thời là thách thức trong công tác quản trị rủi ro trong những năm tiếp theo. Phòng quản trị rủi ro Vietcap thường xuyên cập nhật, bổ sung kinh nghiệm quản lý rủi ro theo cách thức và bài học thực tế trên thị trường chứng khoán từ các quốc gia tương đồng. Song song nhận diện, đánh giá, đo lường rủi ro phát sinh mới trong quá trình hoạt động kinh doanh. Trên cơ sở chính sách rủi ro đã được Hội Đồng Quản Trị ban hành từ đầu năm Phòng Quản lý Rủi ro thường xuyên cập nhật và giám sát tuân thủ phòng ngừa rủi ro ở các bộ phận nghiệp vụ đảm bảo hoạt động Công ty thông suốt và hiệu quả.

ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP

Trải qua hành trình hơn 18 năm hình thành và phát triển, với tầm nhìn dài hạn và tinh thần đổi mới không ngừng, Vietcap luôn kiên định quan điểm rằng đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm và tính chính trực là nền tảng không thể tách rời trong chiến lược phát triển bền vững.

Chúng tôi theo đuổi cách tiếp cận hài hòa lợi ích của Khách hàng, đối tác, đội ngũ nhân sự, cổ đông và cộng đồng, coi đây là kim chỉ nam trong chiến lược phát triển bền vững và dài hạn của Vietcap.



ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

- Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đạt tiêu chuẩn cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhà đầu tư.
- Không ngừng nâng cao uy tín, trách nhiệm và chất lượng phục vụ.
- Thực hiện cam kết một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả.
- Bảo mật tuyệt đối thông tin Khách hàng theo các quy định và chuẩn mực cao nhất.



ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC VÀ CỘNG SỰ

- Duy trì tính chính trực, minh bạch và phong cách làm việc chuyên nghiệp trong mọi hoạt động hợp tác.
- Cam kết phòng ngừa và không để phát sinh các xung đột lợi ích.
- Áp dụng các biện pháp xử lý sai phạm phù hợp, công bằng và nhất quán (nếu có).



ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG

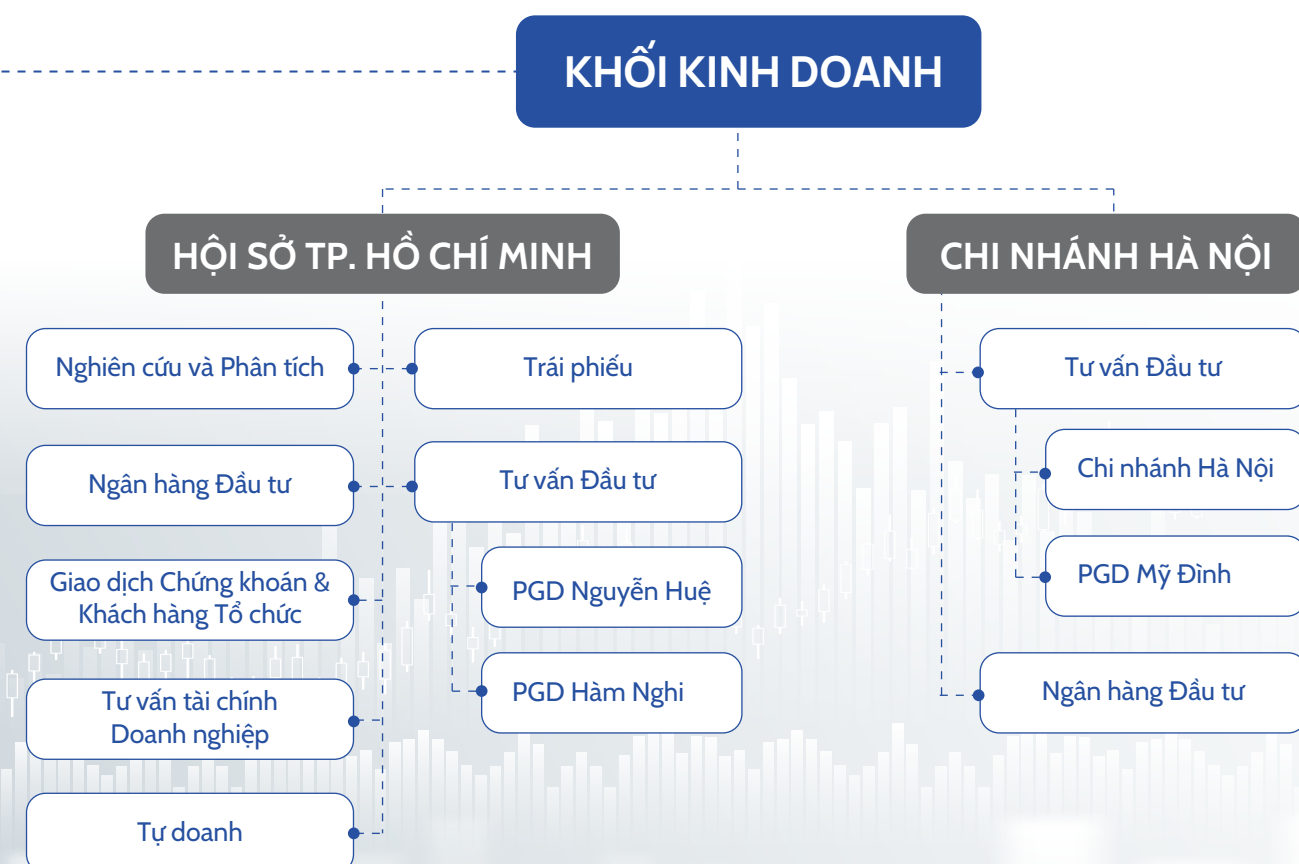
- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, chính sách nội bộ và chuẩn mực đạo đức kinh doanh.
- Nỗ lực bảo toàn và gia tăng giá trị đầu tư, hướng tới lợi ích bền vững và dài hạn cho cổ đông.



ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống rửa tiền, tham nhũng và tài trợ khủng bố.
- Hoạt động trên cơ sở tôn trọng các chuẩn mực, thông lệ và quy ước quốc tế.
- Chủ động tham gia và thúc đẩy các hoạt động trách nhiệm xã hội, đóng góp tích cực cho cộng đồng.

CƠ CẤU TỔ CHỨC



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà 
NGUYỄN THANH PHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thanh Phương là thành viên sáng lập kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap) và Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt (VCAM), với gần 20 năm hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ và ngân hàng đầu tư. Bà hiện đang đảm nhiệm vai trò Chủ tịch Ủy ban Chiến lược và Đổi mới tại Ngân hàng TMCP Bản Việt (BVBank). Đồng thời, bà cũng là thành viên sáng lập của Phoenix Holdings, Công ty chuyên đầu tư vào công nghệ tài chính, ngân hàng số, bất động sản, bán lẻ, F&B, truyền thông và thể thao. Với danh mục đầu tư đa dạng, bà Phương giữ vai trò chủ chốt trong việc xây dựng tầm nhìn, định hướng chiến lược kinh doanh và mô hình quản trị; đồng thời hỗ trợ Ban Điều hành của các định chế tài chính và Công ty nhằm mục tiêu trở thành những đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu tại Việt Nam. Trước đó, bà từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Holcim Việt Nam thuộc Tập đoàn đa quốc gia Thụy Sĩ và Giám đốc Đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ Vietnam Holdings Asset Management.

Ngoài những hoạt động đầu tư và kinh doanh, bà Nguyễn Thanh Phương còn đam mê và nỗ lực để phát triển bộ môn bóng rổ tại Việt Nam. Bà là thành viên sáng lập và hiện đang là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bóng rổ Việt Nam (VBA) - đơn vị tổ chức các giải bóng rổ chuyên nghiệp tại Việt Nam. Bà hiện giữ vai trò Chủ tịch tại Việt Nam của Tổ chức Live to Love International - tổ chức thiện nguyện quốc tế triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển giáo dục, dịch vụ y tế và cải thiện môi trường sống tại các địa phương khó khăn. Đồng thời, bà còn là Thành viên Ban cố vấn của Quỹ Phẫu thuật Nụ Cười (Operation Smile Vietnam).

Bà Nguyễn Thanh Phương tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) của Đại học Quốc tế tại Geneva - Thụy Sĩ.



Ông 
TÔ HẢI
Thành viên Hội đồng quản trị
Chủ tịch Ủy ban Đầu tư

Ông Tô Hải là thành viên sáng lập và Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap), đồng thời giữ chức Tổng Giám đốc tại Vietcap từ ngày thành lập tới tháng 11.2025. Với nền tảng chuyên môn vững chắc trong lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp và ngân hàng đầu tư, ông có sự am hiểu sâu sắc về thị trường chứng khoán Việt Nam. Ông Tô Hải được biết đến là một trong những chuyên gia có nhiều thành tích xuất sắc trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn cổ phần hóa, phát hành chứng khoán ra công chúng, tái cấu trúc tài chính.

Ông Tô Hải tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Công nghiệp tại Đại học Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh và Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng tại Đại học Sydney, Úc. Bên cạnh đó, ông sở hữu chứng chỉ hành nghề do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp, đáp ứng các yêu cầu pháp lý và chuẩn mực nghề nghiệp trong lĩnh vực chứng khoán.



Ông 
ĐINH QUANG HOÀN
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thường trực
Chủ tịch Ủy ban Lương thưởng

Ông Đinh Quang Hoàn là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Thường trực và là một trong những thành viên gắn bó với Vietcap ngay từ những ngày đầu thành lập. Ông Hoàn cũng đồng thời giữ chức Phó Tổng Giám đốc tại Vietcap từ ngày thành lập tới tháng 11.2025. Ông có hơn 25 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực tư vấn tài chính, kế toán và kiểm toán, với nền tảng chuyên môn vững chắc và kinh nghiệm thực tiễn sâu rộng.

Trước khi gia nhập Vietcap, ông Hoàn từng đảm nhiệm vị trí Phó Trưởng phòng tư vấn của CTCP Chứng khoán Bảo Việt - chi nhánh TP.HCM. Trước đó, ông có thời gian công tác tại Công ty Kiểm toán Quốc tế KPMG với chức vụ Trưởng phòng Kiểm toán.

Ông Đinh Quang Hoàn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế chuyên ngành Tài chính và bằng Cử nhân chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán của trường Đại học Kinh tế TP.HCM. Ông sở hữu chứng chỉ Kiểm toán viên độc lập của Bộ Tài chính và là thành viên lâu năm của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng - Vương quốc Anh (ACCA).



Bà 
NGUYỄN VIỆT HÒA
Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Việt Hòa là thành viên Hội đồng quản trị độc lập của CTCP Chứng khoán Vietcap từ tháng 4.2021. Bà Hòa hiện cũng là Tổng giám đốc CTCP Thương mại - Dịch vụ Bến Thành, Chủ tịch Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny, Thành viên Hội đồng quản trị các Công ty: CTCP Thương mại - Dịch vụ Bến Thành, CTCP Du lịch Bến Thành - Non Nước, CTCP Bến Thành Mũi Né.

Bà Hòa tốt nghiệp Cử nhân ngành Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế TP.HCM và Thạc sĩ Kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông
NGUYỄN LÂN TRUNG ANH
Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Trung Anh là CEO của Phoenix Holdings, Công ty Văn phòng Gia đình (Family Office) tiên phong tại Việt Nam.

Tại Phoenix, ông Trung Anh trực tiếp lãnh đạo đầu tư, điều hành và quản lý các Công ty trong nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm Công nghệ tài chính (Fintech) và Dịch vụ tài chính, Công nghệ AI, Năng lượng tái tạo, F&B, Bán lẻ, Truyền thông và Giải trí thể thao.

Ông hiện cũng là Thành viên Hội đồng quản trị của Viet Credit (Tài chính Tiêu dùng), Timo (Ngân hàng số), VCRE (Bất động sản) và 7-Eleven (F&B). Với cương vị là CEO của Phoenix Holdings, Ông Trung Anh cũng đã và đang thành công dẫn dắt đội ngũ đầu tư của Pheonix Holding trong việc tìm kiếm các quỹ đầu tư mới vào các Công ty công nghệ tài chính, và Ông cũng đang giữ vai trò là thành viên Hội đồng quản trị của Vietcap.

Trước khi trở thành CEO của Phoenix, Ông Trung Anh đã từng tham gia vào đội ngũ đầu tư của IDG Ventures Vietnam – một quỹ đầu tư mạo hiểm đầu tiên tại Việt Nam, có trụ sở tại Delaware, Hoa Kỳ, với khoản đầu tư ban đầu là 100 triệu USD. Quỹ này đã thành công khi đầu tư vào kỳ lân đầu tiên của Việt Nam, VNG (Zalo/Baomoi/Zing).

Ông đã có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư VC&PE, sở hữu mạng lưới nhà đầu tư và doanh nhân mạnh mẽ, độc đáo tại Đông Nam Á đồng thời có thành tích xuất sắc trong việc huy động vốn cho các lĩnh vực Fintech, Bán lẻ và Internet. Ông Trung Anh cũng có tên trong danh sách Forbes 30 Under 30.



Ông
LÊ NGỌC KHÁNH
Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Lê Ngọc Khánh hiện đang giữ chức vụ Tổng giám đốc tại CTCP Café Katinat. Trước đó, ông Khánh đã từng công tác tại Công ty Kiểm toán KPMG – một trong bốn tên tuổi hàng đầu của ngành Kiểm toán toàn cầu. Với hơn 10 năm kinh nghiệm và hiểu biết sâu rộng trong ngành FMCG và Tài chính, ông Khánh đã đóng góp tích cực vào sự phát triển và thành công của các tổ chức mà ông tham gia.

Ông Lê Ngọc Khánh tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp của trường Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.



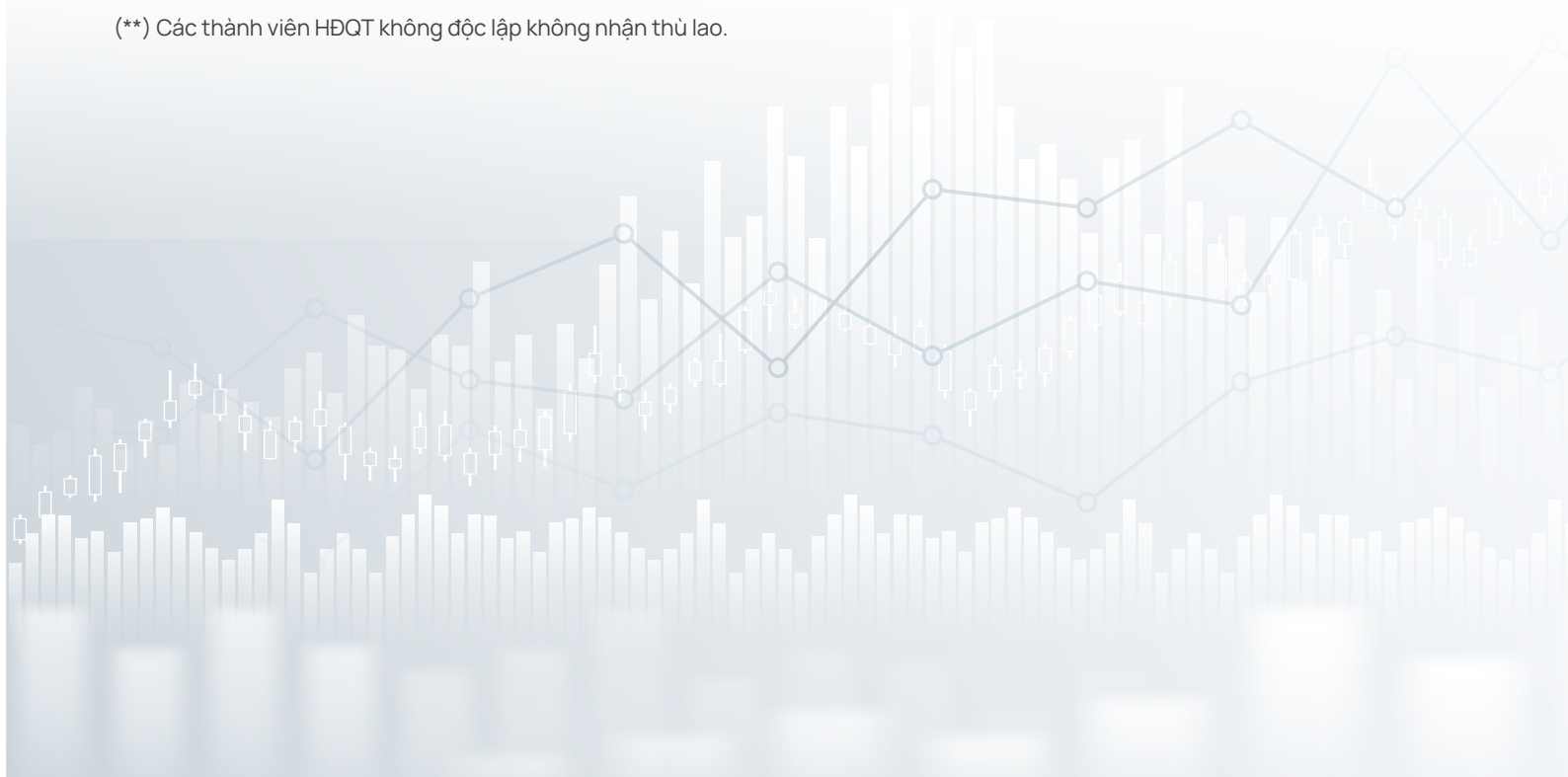
CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thanh Phượng	29	100%	
2	Ông Đinh Quang Hoàn	29	100%	
3	Ông Tô Hải	29	100%	
4	Bà Nguyễn Việt Hòa	29	100%	
5	Ông Nguyễn Lân Trung Anh	29	100%	
6	Ông Lê Ngọc Khánh	29	100%	

CÁC KHOẢN LƯƠNG, THƯỞNG, ESOP CHO NHÂN SỰ CHỦ CHỐT NĂM 2025

	Lương (ĐVT: Đồng)	ESOP (ĐVT: Cổ phiếu)
Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt		
Hội đồng quản trị độc lập (**)		
Ông Nguyễn Lân Trung Anh	240.000.000	-
Bà Nguyễn Việt Hòa	240.000.000	-
Ông Lê Ngọc Khánh	240.000.000	-
Ban Kiểm soát		
Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	60.000.000	-
Bà Trương Thị Huyền Trang	60.000.000	-
Bà Mai Thị Thanh Trang	240.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Tô Hải	7.437.446.000	250.000
Ông Đinh Quang Hoàn	6.105.860.000	200.000
Ông Nguyễn Quang Bảo	6.527.032.000	140.000
Ông Đoàn Minh Thiện	7.527.032.000	200.000
Bà Tôn Minh Phương	538.672.000	280.000
Ông Tuấn Nhan	394.438.000	280.000

(**) Các thành viên HĐQT không độc lập không nhận thù lao.



CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	20.01.2025	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2024	100%
2	02/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	05.02.2025	Chốt danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
3	03/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	07.02.2025	Mức thưởng Ban Tổng Giám đốc năm 2024	100%
4	04/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	02.01.2025	Vay hạn mức tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank)	100%
5	05/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	17.02.2025	Tái tục hạn mức vay 6,000,000 USD do Ngân hàng SinoPac Hong Kong ("BSP HK") cung cấp	100%
6	05a/2025/BB-HĐQT.VIETCAP	17.02.2025	Tái tục hạn mức vay 7,000,000 USD & hạn mức phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá 5,000,000 USD do Ngân hàng SinoPac Hồ Chí Minh ("BSP HCM") cung cấp	100%
7	06/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	17.02.2025	Cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định và Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (BIDV)	100%
8	07/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	24.03.2025	Tái cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	100%
9	08/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	16.04.2025	Tái cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)	100%
10	09/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	20.05.2025	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025, thông qua danh sách người lao động được mua cổ phần, phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các nội dung khác liên quan đến đợt phát hành	100%
11	10/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	20.05.2025	Nhận cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH Indovina (IVB)	100%
12	11/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	20.05.2025	Nhận cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Thạnh (ACB)	100%
13	12/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	26.05.2025	Tái cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)	100%
14	12A/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	02.06.2025	Tái cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)	100%
15	12B/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	02.06.2025	Tái cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Gia Định và Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	100%
16	12C/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	02.06.2025	Nhận tái cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng CTBC	100%
17	13/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	12.06.2025	Đổi tên và địa điểm Phòng Giao dịch	100%
18	14/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	01.07.2025	Điều chỉnh danh sách phát hành cổ phiếu cho Người lao động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	100%
19	15/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	03.07.2025	Chấp thuận khoản vay từ các định chế tài chính nước ngoài với tổng giá trị 41,600,000 USD	100%
20	16/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	03.07.2025	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2025 và tăng vốn điều lệ	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
21	17/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	11.08.2025	Đăng ký tăng vốn điều lệ của Công ty	100%
22	18/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	11.08.2025	Tái cấp hạn mức tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN Tân Bình (OCB)	100%
23	19/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	26.08.2025	Chào bán và niêm yết các loại chứng quyền có bảo đảm (20 mã)	100%
24	20/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	19.09.2025	Chốt danh sách cổ đông Công ty CP Chứng khoán Vietcap để tổ chức họp ĐHCĐ bất thường năm 2025	100%
25	21/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	19.09.2025	Tái cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	100%
26	22/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	28.09.2025	Nhận cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) – Chi nhánh Sở Giao dịch 2	100%
27	23/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	15.10.2025	Bổ nhiệm Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thường trực	100%
28	24/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	15.10.2025	Thông qua chương trình và nội dung họp Đại hội Cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty	100%
29	24A/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	20.10.2025	Vay hạn mức tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank)	100%
30	25/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	30.10.2025	Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty	100%
31	26/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	30.10.2025	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty	100%
32	27/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	30.10.2025	Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty	100%
33	28/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	30.10.2025	Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty	100%
34	29/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	30.10.2025	Thành lập Ủy ban Đầu tư & Ủy ban Lương thưởng	100%
35	30A/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	30.10.2025	Mức lương Tổng Giám đốc	100%
36	30B/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	30.10.2025	Mức lương Phó Tổng Giám đốc	100%
37	31/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	30.10.2025	Phân công nhiệm vụ Thành viên HĐQT	100%
38	32/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	14.11.2025	Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
39	33/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	14.11.2025	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
40	34/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	14.11.2025	Nhận cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	100%
41	35/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	19.11.2025	Thông qua việc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với người có liên quan của người nội bộ	100%
42	36/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	25.11.2025	Chấp thuận khoản vay từ các định chế tài chính nước ngoài với tổng giá trị 120,000,000 USD và quyền chọn tăng thêm lên đến 130,000,000 USD (tối đa 250,000,000 USD)	100%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
43	37/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	01.12.2025	Thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, thông qua việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán và các nội dung khác có liên quan	100%
44	38/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	01.12.2025	Phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng với tổng mệnh giá tối đa 3.000 tỷ đồng theo Phương án Phát hành đính kèm theo Nghị quyết HĐQT số 37/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP ngày 01 tháng 12 năm 2025	100%
45	39/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	09.12.2025	Thông qua thời gian phân phối cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư	100%
46	40/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	15.12.2025	Tiếp tục phân phối số lượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ chưa được đăng ký mua hết	100%
47	41/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	17.12.2025	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
48	42/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	25.12.2025	Chốt danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông lần 1 năm 2026	100%
49	43/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	25.12.2025	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025	100%
50	44/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP	30.12.2025	Thông qua nội dung tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 1 năm 2026	100%

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị giám sát thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và đầu tư đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giám sát các hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc để đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Hội đồng quản trị đã thành lập Ủy ban Đầu tư và Ủy ban Lương thưởng vào tháng 11.2025.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Bà
MAI THỊ THANH TRANG
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Trang tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM chuyên ngành Kế toán và Kiểm toán, hiện đang là Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán T&F.

Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Kế toán & Kiểm toán tại các Công ty và tập đoàn lớn như Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam, Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh.



Bà
BÙI THỊ MINH NGUYỆT
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyệt hiện đang giữ vị trí Giám đốc vận hành tại Phoenix Holdings Limited. Bà đã từng làm việc tại Công ty TNHH Đầu tư Bản Việt, chịu trách nhiệm trong việc tổ chức, thực hiện công tác kế toán của Công ty. Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính, Kế toán và Kiểm toán tại các Công ty hàng đầu tại Việt Nam như KPMG và Ngân hàng Bản Việt.

Bà Nguyệt tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh chuyên ngành Kế toán và Kiểm toán.



Bà
TRƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Huyền Trang tốt nghiệp Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh - chuyên ngành Tài chính - Kế Toán. Bà hiện đang giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vista Sài Gòn.

Bà Huyền Trang có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán ở các tổ chức.

HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Ban Kiểm soát (BKS) thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông và cổ đông của Công ty về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình. BKS có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Đồng thời, BKS có nhiệm vụ thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và 6 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý khác, BKS phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS (NEU CO)

BKS có các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc theo yêu cầu, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thành viên Ban Kiểm soát năm 2025

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Mai Thị Thanh Trang	Trưởng BKS	02	100%	-
2	Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành viên BKS	02	100%	-
3	Bà Trương Thị Huyền Trang	Thành viên BKS	02	100%	-

GIÁM SÁT DỊCH VỤ CỦA CÔNG TY KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2025

Trong năm, PwC đã cung cấp các dịch vụ kiểm toán cho Vietcap như sau:

- Kiểm toán Báo cáo sử dụng nguồn vốn trái phiếu phát hành riêng lẻ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024: phí dịch vụ là 100.000.000 Đồng (Một trăm triệu đồng) (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng).
- Kiểm toán Báo cáo vốn góp của chủ sở hữu liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty năm 2025: phí dịch vụ là 55.000.000 Đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng).
- Soát xét Báo cáo Tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, Soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, và Kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: phí dịch vụ là 693.000.000 Đồng (Sáu trăm chín mươi ba triệu đồng) (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng).
- Kiểm toán Báo cáo vốn góp của chủ sở hữu liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2025: phí dịch vụ là 60.000.000 Đồng (Sáu mươi triệu đồng) (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng).

Ngoài các dịch vụ nêu trên, PwC không cung cấp thêm bất kỳ dịch vụ phi kiểm toán nào khác cho Vietcap.

THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Bà
TÔN MINH PHƯƠNG
Tổng giám đốc

Bà Tôn Minh Phương có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư, bao gồm tư vấn mua bán – sáp nhập doanh nghiệp, bán cổ phần thứ cấp, huy động vốn và tư vấn phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO), cùng với kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư tư nhân và phân tích tại thị trường Việt Nam. Bà gia nhập Công ty từ năm 2011 và trong quá trình công tác đã đóng góp tích cực vào các hoạt động tư vấn và đầu tư của Công ty.

Bà Phương tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính và Ngân hàng tại University of Technology, Sydney.



Ông
NGUYỄN QUANG BẢO
Phó Tổng giám đốc

Ông Bảo đã có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực Ngân hàng thương mại và Chứng khoán. Với kinh nghiệm và khả năng của mình, ông đã tham gia tư vấn cho nhiều doanh nghiệp trong việc định giá, mua bán doanh nghiệp, tổ chức bán đấu giá. Ông cũng xây dựng và triển khai nhiều sản phẩm nghiệp vụ tại các Công ty chứng khoán.

Ông Bảo bắt đầu làm việc tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap từ năm 2008 và hiện đang đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám Đốc. Trước đó, ông đã từng giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty kiêm Giám đốc chi nhánh TP.HCM của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Phó giám đốc Khối Dịch vụ của CTCP Chứng khoán Sài Gòn kiêm Giám đốc chi nhánh Hải Phòng.

Ông tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tin dụng tại Học Viện Ngân hàng và Cử nhân chuyên ngành Tài chính Tin dụng tại Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.



Ông
NHAN TUẤN
Phó Tổng giám đốc

Với tầm nhìn chiến lược và niềm đam mê không ngừng thúc đẩy ứng dụng công nghệ cùng đổi mới sáng tạo, ông Tuấn Nhan tập trung xây dựng một mô hình kinh doanh lấy Khách hàng làm trọng tâm, dựa trên chất lượng dịch vụ chuẩn quốc tế, năng lực chuyên môn hàng đầu, thông tin đáng tin cậy, hiệu suất vượt trội và niềm tin vững chắc từ Khách hàng cùng đối tác.

Ông tin vào "Giấc mơ Việt Nam" - niềm tin rằng mỗi người đều có khả năng vươn lên và đạt được thành công của riêng mình, đồng thời luôn mong muốn góp phần giúp họ hiện thực hóa giấc mơ đó.

Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ông Tuấn từng làm việc tại JP Morgan Australia và Rodman & Renshaw (USA) trước khi gia nhập Vietcap năm 2013. Ông có bằng Cử nhân Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Tài chính tại Đại học bang Colorado (Hoa Kỳ).



Ông
ĐOÀN MINH THIỆN
Phó Tổng giám đốc

Ông Thiện có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Kế toán và đã gia nhập Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap từ năm 2011.

Ông tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT



Bà
CHÂU THIÊN TRÚC QUỲNH
Giám đốc điều hành
Khối Tư vấn Đầu tư

Bà Quỳnh hiện đang giữ chức vụ Giám đốc điều hành Khối Môi giới trong nước và đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ năm 2005 đến 2007, bà đã đảm nhiệm vị trí Phó phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp và sau đó là Phụ trách Phòng Môi Giới của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - một trong những công ty chứng khoán lớn của Việt Nam.

Trước đó, từ năm 2001 đến 2005, bà là chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Quá trình làm việc tại các Công ty chứng khoán đem lại cho bà những kinh nghiệm quý báu, đặc biệt là khả năng đáp ứng dịch vụ chuyên nghiệp. Bà đã tư vấn cho hàng loạt các cá nhân và tổ chức, đem lại hiệu quả đầu tư cao cho Khách hàng. Bà Quỳnh tốt nghiệp hệ Cử nhân và hệ Thạc sĩ tại Đại học Kinh tế TP.HCM, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng và bằng Executive MBA, chương trình liên kết giữa Đại học Kinh tế TP.HCM và trường Quản lý, Đại học Quebec Montreal (ESG UQAM), Canada.



Ông
ĐẶNG VĂN PHÁP
Giám đốc điều hành Khối
Ngân hàng Đầu tư

Ông Pháp gia nhập Vietcap từ năm 2013 và đã đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt tại các khối kinh doanh trọng yếu, bao gồm Nghiên cứu & Phân tích và Giao dịch chứng khoán - Khách hàng tổ chức. Hiện nay, ông là người dẫn dắt Khối Ngân hàng Đầu tư của Vietcap.

Trước khi gia nhập Vietcap, ông Pháp là chuyên viên phân tích đầu tư tại Black-horse Asset Management.

Ông tốt nghiệp Đại học RMIT Việt Nam và là CFA Charterholder.



Ông
HOÀNG NAM
Giám đốc Nghiên cứu & Phân tích

Ông Hoàng Nam hiện là Giám đốc Nghiên cứu & Phân tích tại Vietcap, trực tiếp dẫn dắt và định hướng việc cung cấp những phân tích chuyên sâu về thị trường cũng như các cổ phiếu trong danh mục theo dõi của Vietcap.

Với 14 năm kinh nghiệm thực tiễn trong ngành, ông Hoàng Nam có sự am hiểu sâu sắc về các lĩnh vực tiêu dùng/bán lẻ, bất động sản, vận tải và năng lượng. Khả năng phân tích đa chiều cùng những góc nhìn độc đáo giúp ông đưa ra các nhận định thị trường sắc bén và chiến lược đầu tư hiệu quả, mang lại giá trị gia tăng cho Khách hàng.

Trước khi gia nhập Vietcap, ông Nam đã khẳng định năng lực của mình tại các công ty quản lý quỹ uy tín như Saigon Asset Management và PXP Asset Management. Kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức này đã trang bị cho ông nền tảng vững chắc về các chu kỳ kinh tế, góc nhìn cổ phiếu và ngành từ quan điểm của quỹ đầu tư cũng như khả năng phân tích rủi ro.

Ông Hoàng Nam tốt nghiệp cử nhân Kinh doanh tại Đại học Royal Melbourne Institute of Technology (RMIT), Úc.



Ông
ANTHONY LE
Giám đốc Khối Giao dịch
chứng khoán - Khách hàng tổ chức

Ông Anthony gia nhập Chứng khoán Vietcap từ năm 2022 và hiện là Giám đốc Phòng Môi giới Khách hàng Tổ chức.

Trước khi gia nhập Vietcap, ông từng đảm nhận nhiều vai trò trong lĩnh vực đầu tư cổ phần tư nhân tại Quỹ Huu trí của Nokia và đầu tư cổ phiếu toàn cầu tại LMCG Investments.

Ông cũng là Chuyên gia Phân tích Tài chính (CFA Charterholder).



Bà
PHẠM THỊ THANH
Giám đốc Ngân hàng
Đầu tư Chi nhánh Hà Nội

Bà Thanh đã có hơn 25 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính. Trước khi gia nhập Vietcap, bà từng công tác tại Bộ Tài chính, sau đó đảm nhiệm vai trò Giám đốc khối Tư vấn tài chính và Giao dịch trực tuyến tại CTCP Chứng khoán Vincom. Bà đã tư vấn thành công nhiều thương vụ mua bán sáp nhập, tái cấu trúc, huy động vốn và niêm yết doanh nghiệp điển hình tại Việt Nam.

Bà Thanh cũng là một trong những chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn cổ phần hoá cho các tổng Công ty lớn của Nhà nước.

Bà Thanh tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân và Thạc sĩ Quản lý Tài chính tại Đại học Melbourne, Úc. Bà Thanh cũng đồng thời được cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Thẻ thẩm định viên về giá bởi Bộ Tài chính.



Bà
ĐOÀN TRẦN PHƯƠNG THẢO
Kế toán trưởng

Bà Thảo hiện là Kế toán trưởng của Vietcap, chịu trách nhiệm quản lý và phát triển đội ngũ kế toán, hướng dẫn quy trình làm việc bài bản và tuân thủ, phù hợp với kế hoạch phát triển của Công ty.

Trước khi gia nhập Vietcap vào tháng 7.2024, bà Thảo có 15 năm kinh nghiệm kiểm toán cho các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau thuộc sở hữu trong và ngoài nước.

Bà Thảo sở hữu bằng Cử nhân chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán Đại học Kinh tế TP.HCM. Bà cũng là thành viên lâu năm của Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh (FCCA).

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT



Ông  **NGUYỄN MINH QUÍ**
Giám đốc Đổi mới Sáng tạo

Gia nhập Vietcap từ những vị trí chuyên viên đến vai trò quản lý trong Phòng Công nghệ Thông tin trước khi dẫn dắt Phòng UI, ông Quí có hơn 17 năm kinh nghiệm và sự am hiểu sâu sắc về thị trường chứng khoán, hệ thống vận hành công nghệ cũng như các sản phẩm phục vụ Khách hàng.

Ông Quí tốt nghiệp chuyên ngành Công nghệ thông tin trường Đại học Khoa học Tự nhiên thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, đồng thời đã tham gia hoàn tất khóa Master chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.



Ông  **TRẦN THẾ LUÂN**
Phó Giám đốc An toàn Thông tin

Ông Trần Thế Luân có 16 năm kinh nghiệm tại Katalon Việt Nam (Giám đốc CNTT & An ninh thông tin), Ngân hàng CIMB Việt Nam (Giám đốc Cơ sở hạ tầng CNTT & Bảo mật thông tin), CMC TSSG (Giám đốc An ninh Thông tin), Jetstar Pacific Airlines (Trưởng phòng An ninh Thông tin), MService JSC (MoMo E-Wallet), Viettel ICT, HDBank và Renesas Design Việt Nam.

Ông có kiến thức và kinh nghiệm sâu rộng về An toàn thông tin, đặc biệt là tuân thủ bảo mật như: tuân thủ ISO 27001, tuân thủ SOC2 Type II, tuân thủ PCI-DSS và áp dụng thành công cho Ví điện tử MoMo, Ngân hàng CIMB, RadicalPay, Katalon, Jetstar Pacific Airlines.

Ông Luân tốt nghiệp Cử nhân Điện tử Viễn thông - Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh.

Vietcap 



SẴN SÀNG
VƯƠN XA



TRIỂN VỌNG 2026

BỐI CẢNH VÀ XU HƯỚNG

TRIỂN VỌNG VĨ MÔ VIỆT NAM

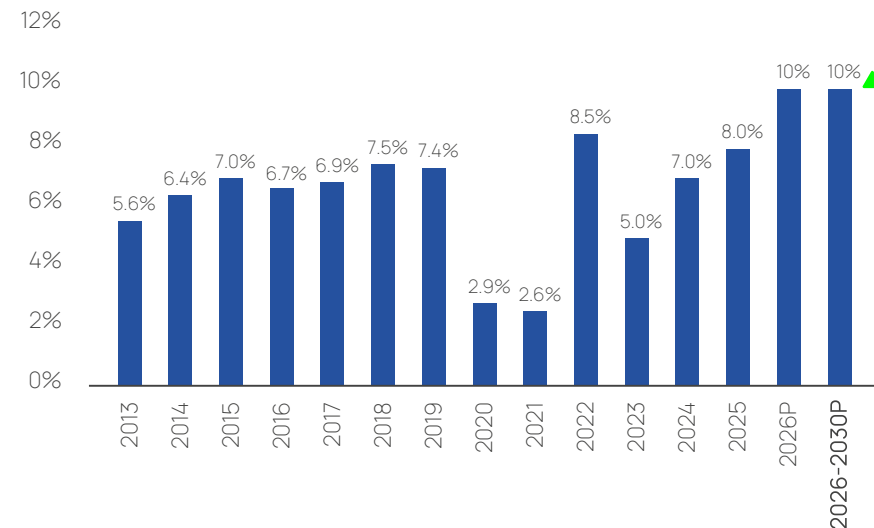
Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP trên 10% cho giai đoạn 2026-2030

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã đặt ra mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân từ 10%/năm trở lên trong giai đoạn 2026–2030. Mục tiêu đến năm 2030 trở thành quốc gia có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, trở thành nước

phát triển, thu nhập cao. Mục tiêu đầy thách thức đòi hỏi phải định hình tư duy phát triển mới, xây dựng mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, đồng thời làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống.

Tăng trưởng GDP và mục tiêu tăng trưởng GDP của Việt Nam đến năm 2030

Nguồn: Vietcap tổng hợp



Hoàn thiện thể chế, giảm bớt rào cản, đưa đất nước hướng tới mục tiêu tăng trưởng trên 10%

Năm 2025 đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong cải cách hành chính khi Chính phủ hoàn tất việc tái cấu trúc bộ máy và sáp nhập các tỉnh, thành. Đặc biệt, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đã chính thức đi vào vận hành, hướng đến một hệ thống quản lý linh hoạt và nâng cao đáng kể hiệu quả điều hành.

Trong kỳ họp thứ 10 diễn ra vào cuối năm 2025, Quốc hội đã thông qua 51 luật và 30 nghị quyết, số lượng lớn nhất từng được ghi nhận, đánh dấu bước tiến lớn trong cải cách thể chế. Những nỗ lực này nhằm củng cố khung pháp lý, giảm bớt rào cản và hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng tham vọng giai đoạn 2026–2030.

Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công

Chính phủ đặt mục tiêu chi ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển ở mức 1.120 nghìn tỷ đồng trong năm 2026, cao hơn 28% so với kế hoạch năm 2025 và cao hơn 9,2% so với mức giải ngân ước tính của Bộ Tài chính trong năm 2025.

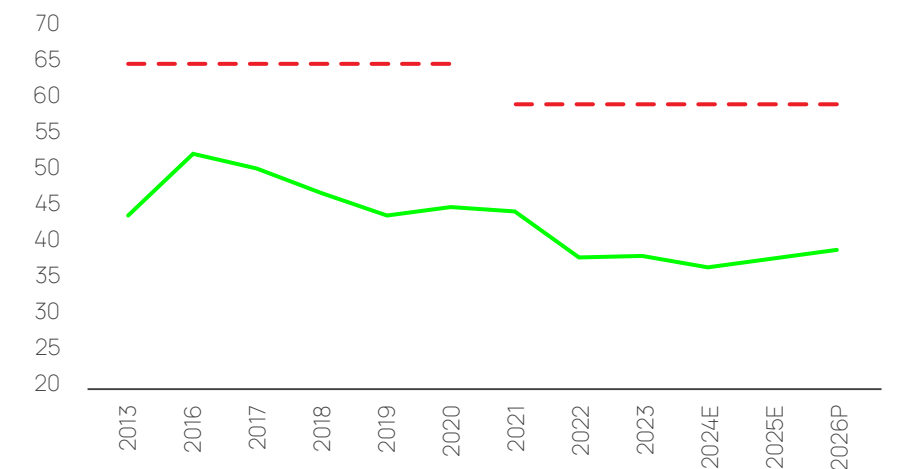
Trong khi đó, Bộ Tài chính ước tính nợ công của Việt Nam hiện vào khoảng 37% GDP. Chúng tôi kỳ vọng việc tăng chi

tiêu tài khóa có thể giúp kinh tế tiếp tục tăng trưởng vào năm 2026, trong khi mức nợ công thấp hơn đáng kể so với mức trần 60% theo quy định của Quốc hội, cho thấy dư địa thuận lợi cho các gói kích thích tài khóa trong trung hạn.

Nợ công/GDP (%)

Nguồn: Bộ Tài Chính, Vietcap tổng hợp

— Nợ công/GDP (%)
- - - Trần nợ công (60%)



Nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước; khơi thông nguồn lực kinh tế tư nhân

Nâng cao hiệu quả và vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế Nhà nước: Tổng Bí thư Tô Lâm đã ban hành Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 6/1/2026 của Bộ Chính trị. Nghị quyết phát đi tín hiệu tích cực cho khu vực kinh tế Nhà nước và kỳ vọng sẽ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp Nhà nước có vị thế chiến lược.

Khơi thông nguồn lực của khu vực kinh tế tư nhân: Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, cùng với các biện pháp hỗ trợ của Chính phủ, sẽ giúp khơi thông nguồn lực từ khu vực tư nhân, để đóng vai trò là động lực chính của tăng trưởng kinh tế.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

TỐI ƯU HÓA NGUỒN VỐN ĐỂ MỞ RỘNG THỊ PHẦN, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH VÀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Theo Quyết định 1726/QĐ-TTg ngày 29.12.2023 phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030, Chính phủ đã đặt mục tiêu quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 100% GDP vào năm 2025 và đạt 120% GDP vào năm 2030. Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán, giúp đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian niêm yết, tăng minh bạch thông tin, bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư nước ngoài, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Ngày 08.10.2025, FTSE Russell đã công bố nâng hạng Việt Nam lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp, sẽ tiếp tục đánh giá giữa kỳ vào tháng 03.2026 và chính thức có hiệu lực vào ngày 21.09.2026. Để chuẩn bị cho kế hoạch tiếp tục tăng trưởng về quy mô và nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro, chỉ tiêu an toàn tài chính theo các quy định mới trong năm 2025, HĐQT Vietcap đã hoàn thành việc tăng quy mô vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ của Vietcap thông qua đợt chào bán riêng lẻ vào tháng 12.2025, và đang tiếp tục triển

khai việc tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu trong năm 2026 (thực hiện theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2026/NQ-ĐHCĐVB.VIETCAP ngày 02.02.2026), từ đó tạo nền tảng tài chính và cơ cấu vốn bền vững, tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng thị phần, phù hợp cho mục tiêu phát triển dài hạn.

Trong năm 2026, dựa trên nền tảng mở rộng vốn đã đạt được trong năm 2025, HĐQT định hướng Vietcap sẽ tập trung nguồn lực để tiếp tục đầu tư vào hệ thống công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm phát triển mở rộng thị phần môi giới (bao gồm cả khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức), mục tiêu hướng tiếp tục duy trì vững chắc vị thế Top 4 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất sàn HOSE nói chung, và tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu thị phần môi giới khách hàng tổ chức nói riêng. Song song với mục tiêu mở rộng thị phần là tăng quy mô hoạt động cho vay ký quỹ và các hoạt động đầu tư chứng khoán nhằm tối ưu hóa nguồn vốn và đem lại hiệu quả kinh doanh cao cho Công ty.



ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

Dựa trên dự báo TTCK Việt Nam trong năm 2026 tiếp tục được kỳ vọng sẽ duy trì đà tăng trưởng nhờ nội lực tích cực từ nền kinh tế, sự trở lại của khối ngoại khi TTCK chính thức được nâng hạng cũng sẽ là động lực đáng kể cho thị trường. Đồng thời, Vietcap kiên định với chiến lược đầu tư vào các doanh nghiệp có uy tín, có ưu thế kinh doanh vượt trội đi cùng dòng tiền lành mạnh tại mức giá chiết khấu hợp lý. Hội đồng quản trị đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2026 chi tiết như sau:

TỔNG DOANH THU
6.525 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
2.300 TỶ ĐỒNG



Vietcap ▲

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

“Trở thành một trong những đơn vị tài chính với nghiệp vụ ngân hàng đầu tư uy tín Việt Nam là tầm nhìn mục tiêu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap).”

Kiên định với mục tiêu phát triển bền vững, chúng tôi hiểu rằng, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết và chính trực từ đội ngũ lãnh đạo và toàn thể nhân sự của Công ty là những yếu tố nòng cốt góp phần tạo nên một doanh nghiệp vững mạnh.

Song hành cùng nội lực đó là sự tin tưởng và đồng hành của các đối tác liên quan, bao gồm Khách hàng, cổ đông, đối tác và người lao động. Mỗi quan hệ hợp tác dựa trên niềm tin, lợi ích hài hòa và cam kết dài hạn là động lực quan trọng giúp Vietcap từng bước vươn xa trên hành trình phát triển bền vững.

Sứ mệnh của Vietcap là cung cấp những dịch vụ chất lượng tối ưu với phong cách phục vụ chuyên nghiệp, bảo tín cho sự tăng trưởng vượt trội và bền vững mà chúng tôi đã và đang nỗ lực xây dựng mỗi ngày. Công ty luôn phấn đấu duy trì mối quan hệ chất lượng và hoạt động kinh doanh tốt nhất vì sự phát triển bền vững của các đối tác liên quan.



TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TỚI THỊ TRƯỜNG

- Duy trì tỷ lệ cổ tức ổn định cho cổ đông
- Cung cấp những sản phẩm/dịch vụ chất lượng cao đáp ứng nhu cầu Khách hàng
- Kết nối cơ hội đầu tư
- Tham gia xây dựng đóng góp phát triển thị trường, trở thành kênh huy động vốn hiệu quả cho nền kinh tế
- Hỗ trợ doanh nghiệp có nhu cầu tư vấn về chiến lược và giải pháp tài chính.



TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TỚI XÃ HỘI

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với Nhà nước
- Chiến lược “đầu tư xanh”
- Bảo vệ môi trường
- Tổ chức các hoạt động chia sẻ với cộng đồng.



TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TRONG DOANH NGHIỆP

- Tăng trưởng ổn định
- Đảm bảo thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động
- Chăm lo đời sống cho người lao động
- Phát triển đội ngũ, tìm kiếm và nuôi dưỡng tài năng trong đội ngũ
- Quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ
- Tăng cường tính minh bạch trong mọi hoạt động.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chỉ đạo chung về các vấn đề chiến lược của Công ty liên quan đến phát triển bền vững.

Phê duyệt các mục tiêu và kế hoạch hành động.

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUẢN TRỊ

Xây dựng và trình HĐQT các mục tiêu và kế hoạch hành động về phát triển bền vững của Công ty.

Chia sẻ chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển bền vững trong toàn Công ty.

Đảm bảo kế hoạch phát triển bền vững đạt mục tiêu đề ra.

CÁC KHỐI VÀ BỘ PHẬN CHỨC NĂNG

Triển khai và hiện thực hóa kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của Tổng giám đốc và Ban điều hành.

NHÂN VIÊN

Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể hàng ngày liên quan đến các mục tiêu về phát triển bền vững của Công ty.

NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐỐI VỚI
Khách hàng



- Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ về tài chính đáp ứng nhu cầu của Khách hàng và mang đến cho Khách hàng những khuyến nghị hợp lý, nhanh chóng, tiện lợi, hiệu quả với chi phí cạnh tranh.

ĐỐI VỚI
NHÂN VIÊN



- Mang đến cho nhân viên môi trường làm việc rộng mở, với mức thù lao cạnh tranh, tạo cơ hội công bằng để mọi thành viên có điều kiện phát triển sự nghiệp, phát triển năng lực cá nhân.

ĐỐI VỚI
CỔ ĐÔNG



- Đảm bảo khoản đầu tư của các cổ đông và mang lại lợi nhuận vượt trội, bền vững.

ĐỐI VỚI
ĐỐI TÁC



- Tìm kiếm mối quan hệ song phương cùng có lợi với các đối tác.
- Luôn tuân thủ quy tắc đạo đức hướng tới mối quan hệ bền vững giữa hai bên.

ĐỐI VỚI
XÃ HỘI



- Hoạt động kinh doanh như một thành viên có trách nhiệm trong xã hội nói chung cũng như trong cộng đồng mà Công ty đang hoạt động.
- Thực hiện các cam kết trên cơ sở tuân thủ các quy định và quy ước quốc tế.

MỤC TIÊU CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VIETCAP

“Vietcap đã và đang không ngừng đầu tư nghiên cứu triển khai nhiều sáng kiến nhằm thúc đẩy tối đa cơ hội tăng trưởng tại thị trường chứng khoán trong nước cũng như đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội mới.”

Thông qua đó,
Vietcap đã có
những đóng góp
đáng kể trên các
phương diện sau

- Tạo cơ hội việc làm ổn định cho người lao động.
- Huy động vốn cho nền kinh tế Việt Nam.
- Thúc đẩy các cơ hội phát triển và trao quyền cho thế hệ trẻ.
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp và minh bạch trong kinh doanh.
- Hỗ trợ cộng đồng nâng cao chất lượng cuộc sống.
- Đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển của ngành Tài chính Chứng khoán.
- Hỗ trợ tăng trưởng của các mảng kinh doanh thông qua việc sử dụng nguồn vốn hiệu quả hơn.

TỔNG QUAN BÁO CÁO

Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 phản ánh định hướng phát triển bền vững và cung cấp cái nhìn tổng quan về một năm hoạt động tích cực và hiệu quả của Vietcap, đồng thời rà soát những hạn chế cần khắc phục và hoạch định kế hoạch hoạt động trong tương lai.

Vietcap thực hiện báo cáo này dựa trên Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển bền vững của Tổ chức Sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI). Các vấn đề báo cáo được chi tiết hóa theo hệ thống tiêu chuẩn công bố thông tin G4. Vietcap lựa chọn nguyên tắc Phù hợp - Cốt lõi cho báo cáo năm 2025, tập trung vào các lĩnh vực: hiệu quả hoạt động kinh tế, việc làm, giáo dục và đào tạo, thông tin nhân hàng sản phẩm và dịch vụ, cộng đồng địa phương.

Báo cáo được thực hiện bởi Nhóm Báo cáo Phát triển bền vững - Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, bao gồm các thành viên đến từ phòng Truyền thông, phòng Kế toán, phòng Nhân sự và Thư ký HĐQT. Đây là những bộ phận chịu trách nhiệm về phần lớn các số liệu, thông tin liên quan đến các lĩnh vực trọng yếu trong hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo Phát triển bền vững Vietcap 2025 được xem như một tài liệu bổ sung, một phần không thể thiếu và có sự gắn kết chặt chẽ với Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2025, đồng thời đề cập đến định hướng và mục tiêu của Vietcap trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững. Báo cáo được thực hiện cho phạm vi toàn bộ Công ty, bao gồm trụ sở chính và tất cả các chi nhánh, phòng giao dịch của Vietcap trên cả nước.

Việc triển khai các hoạt động phát triển bền vững có liên quan chặt chẽ với chiến lược về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, xuất phát từ sứ mệnh và tầm nhìn của Vietcap, cũng như đảm bảo tuân thủ các quy định và quy trình về kiểm soát nội bộ, các quy định chung của quốc gia và quốc tế về cạnh tranh, quyền con người, luật môi trường...

Liên hệ

Mọi thông tin, ý kiến đóng góp cho Báo cáo Phát triển bền vững Vietcap, vui lòng liên hệ:

Công ty CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Tháp Tài chính Bitexco, tầng 15, Số 2 Hải Triều,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

www.info@vietcap.com.vn

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN VỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Vietcap xác định mọi hoạt động của Công ty đều có liên quan và ảnh hưởng đến các đối tượng trong và ngoài Công ty, bao gồm nhân viên, cổ đông, Khách hàng/nhà đầu tư và cộng đồng xã hội.

Để đảm bảo phát triển toàn diện, cân đối và bền vững trong các mối liên kết tổng thể, Vietcap trực tiếp thực hiện và tổ chức các hoạt động tương tác gắn kết với các bên liên quan:

CỔ ĐÔNG

- Đại hội cổ đông thường niên
- Gặp gỡ trực tiếp nhà đầu tư
- Các buổi thuyết trình cho nhà đầu tư về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty
- Hỏi đáp qua website Vietcap
- Email gửi cổ đông và nhà đầu tư.

NHÂN VIÊN

- Họp tổng kết hàng quý, tổng kết năm
- Gặp gỡ trao đổi trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc
- Thông tin, trao đổi qua điện thoại, email nội bộ
- Chương trình teambuilding, tiệc tất niên, gắn kết đội ngũ
- Các hoạt động giao lưu được tổ chức hàng quý hoặc các sự kiện ngày gia đình, thiếu nhi...

Khách hàng NHÀ ĐẦU TƯ

- Hội thảo
- Gặp gỡ trao đổi, tư vấn trực tiếp
- Trao đổi qua điện thoại với nhân viên kinh doanh, trung tâm chăm sóc Khách hàng cá nhân và phòng Dịch vụ
- Hỗ trợ Khách hàng qua nền tảng công nghệ tiên tiến của Vietcap: Website, Ứng dụng, Vietcap Trading
- Email gửi Khách hàng
- Hộp thư góp ý đặt tại các phòng Giao dịch.

XÃ HỘI

- Hỗ trợ các hoạt động của giới trẻ qua các tổ chức thanh niên, sinh viên tại các trường đại học
- Tham gia các hoạt động phát triển và hỗ trợ cộng đồng, chia sẻ khó khăn với những hoàn cảnh thiếu may mắn
- Tham gia các hoạt động môi trường và cộng đồng.

Vietcap

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG

Đóng góp ngân sách nhà nước

Riêng trong năm 2025, Vietcap đã đóng góp vào ngân sách Nhà nước tổng cộng:

763.656.087.407 tỷ đồng

Với vị thế là một doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững, Vietcap luôn tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước, duy trì mức đóng góp tăng trưởng ổn định qua các năm.

Năm 2025 đánh dấu giai đoạn nền kinh tế Việt Nam từng bước phục hồi trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục tiềm ẩn nhiều biến động và rủi ro khó lường. Trên nền tảng chiến lược dài hạn và quản trị thận trọng, Vietcap duy trì hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo an toàn tài chính và hiệu suất sinh lời bền vững, qua đó đóng góp đều đặn và có trách nhiệm vào ngân sách Nhà nước.

Chủ động, tích cực tham gia xây dựng thị trường

Nhận thức rõ trách nhiệm đối với nhà đầu tư, tổ chức phát hành, cơ quan quản lý và sự phát triển chung của thị trường vốn, Vietcap không chỉ tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật về chứng khoán mà còn chủ động tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường.

Thông qua các hoạt động tư vấn, phân biện chính sách và chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, Vietcap góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả vận hành và tính bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng.

Song song đó, trong những năm qua và đặc biệt là năm 2025, Vietcap tiếp tục đầu tư mạnh mẽ cho hạ tầng công nghệ thông tin. Hệ thống giao dịch lõi và hạ tầng dữ liệu được nâng cấp toàn diện, cải thiện đáng kể tốc độ xử lý và chất lượng giao dịch, đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong giai đoạn tái cấu trúc hạ tầng. Trung tâm dữ liệu dự phòng tiếp tục được hoàn thiện, đảm bảo an toàn thông tin, khả năng sao lưu và ứng phó rủi ro trước các sự cố hệ thống và thiên tai.



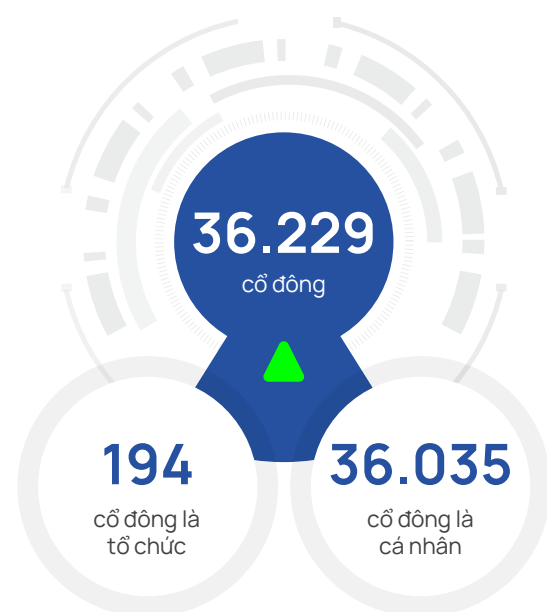
Quản lý tài sản của nhà đầu tư An toàn, minh bạch

Với định hướng “Lấy Khách hàng làm trọng tâm trên hành trình phát triển bền vững”, Vietcap cam kết không chỉ mang lại hiệu quả đầu tư ổn định mà còn bảo vệ tài sản của nhà đầu tư trước các rủi ro tiềm ẩn.

Thông qua hệ thống quy trình minh bạch, chặt chẽ từ đầu tư, quản trị rủi ro đến kiểm soát nội bộ, Vietcap kiên định mục tiêu xây dựng niềm tin dài hạn và gia tăng giá trị tài sản một cách bền vững cho nhà đầu tư, phù hợp với các chuẩn mực quản trị ngày càng tiệm cận quốc tế.

KIẾN TẠO NIỀM TIN – GIA TĂNG GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

Tính đến ngày 09.01.2026, Vietcap có



Chi trả cổ tức đợt 2
năm 2024 bằng tiền

250 đồng/cổ phiếu
(Ngày chi trả 17.02.2025)

Tam ứng cổ tức đợt 1
năm 2025 bằng tiền

500 đồng/cổ phiếu
(Ngày chi trả 20.01.2026)

Sau 18 năm hình thành và phát triển, Vietcap đã từng bước xây dựng nền tảng hoạt động vững chắc dựa trên quan điểm xuyên suốt: tăng trưởng doanh nghiệp phải song hành cùng các giá trị bền vững và trách nhiệm đối với cổ đông, thị trường và cộng đồng. Ngay từ những ngày đầu, Vietcap kiên định theo đuổi phương châm “Tất cả vì quyền lợi cổ đông” như một trụ cột trong chiến lược phát triển dài hạn. Trong bối cảnh thị trường tài chính – chứng khoán liên tục đối mặt với những biến động phức tạp và khó lường, Vietcap xác định việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối tác, Khách hàng và đội ngũ nhân sự là ưu tiên hàng đầu. Chính sự nhất quán này đã tạo nên sức mạnh nội tại, giúp Công ty duy trì sự ổn định và khả năng thích ứng trước những thách thức của thời cuộc. Trên nền tảng đó, Vietcap tập trung đảm bảo sự ổn định, minh bạch, công bằng và an toàn cho mọi chủ thể đầu tư trong suốt quá trình đồng hành cùng Công ty. Qua từng giai đoạn phát triển, Vietcap ngày càng nhận thức rõ rằng việc bảo vệ vững chắc quyền và lợi ích chính đáng của nhà đầu tư là điều kiện tiên quyết để kiến tạo một thị trường chứng khoán lành mạnh và phát triển bền vững. Các chính sách bảo vệ quyền lợi cổ đông và đảm bảo bình đẳng giữa các cổ đông luôn được Vietcap triển khai nhất quán theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Tính đến ngày 09.01.2026, Vietcap có 36.229 cổ đông, bao gồm 194 cổ đông tổ chức và 36.035 cổ đông cá nhân. Cổ đông của Vietcap được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định, bao gồm quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; quyền nhận cổ tức theo nghị quyết được thông qua; quyền ưu tiên mua cổ phần phát hành thêm tương ứng với tỷ lệ sở hữu; quyền tự do chuyển nhượng cổ phần; và quyền tham gia vào các quyết định quan trọng liên quan đến sự phát triển của Công ty.

Mọi hoạt động quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện trên cơ sở công khai, minh bạch và bình đẳng, tuân thủ chặt chẽ các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp. Vietcap cam kết không áp dụng bất kỳ cơ chế ưu đãi đặc biệt nào đối với từng nhóm cổ đông, đảm bảo sự công bằng và niềm tin lâu dài cho tất cả các bên liên quan.

Nhằm đáp ứng nhu cầu cập nhật và nắm bắt thông tin thị trường kịp thời, chính sách để tối ưu hóa hiệu quả đầu tư của cổ đông, Vietcap chủ động đầu tư và tiên phong nghiên cứu ứng dụng hạ tầng công nghệ 4.0. Hệ sinh thái công nghệ liên tục được nâng cấp, đồng thời đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin như website, email và ứng dụng di động, bảo đảm tính an toàn, bảo mật cao, mang lại trải nghiệm thân thiện và thuận tiện cho mọi đối tượng sử dụng. Bên cạnh việc đầu tư cho nền tảng công nghệ và chất lượng thông tin, Vietcap duy trì chính sách chi trả cổ tức ổn định, được xây dựng trên nguyên tắc hài hòa giữa lợi ích ngắn hạn của cổ đông và mục tiêu tích lũy nguồn lực cho tăng trưởng dài hạn. Chính sách này góp phần đáp ứng hiệu quả nhu cầu đầu tư sinh lời, đồng thời củng cố nền tảng tài chính cho sự phát triển bền vững của Công ty. Việc đảm bảo minh bạch thông tin, hiệu quả đầu tư và chính sách cổ tức ổn định được Vietcap xác định là những tiêu chí cốt lõi, tạo dựng niềm tin và giá trị dài hạn cho cổ đông, đồng thời là cơ sở quan trọng để nhà đầu tư lựa chọn cổ phiếu Vietcap cho mục tiêu đầu tư bền vững.



HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Vietcap đã và đang không ngừng nỗ lực, thiết lập và vận hành một hệ thống quản trị rủi ro chung cho toàn Công ty, được xây dựng trên nền tảng cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh và một cơ chế vận hành thống nhất.

Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập với khả năng xác định, đo lường, theo dõi, báo cáo và xử lý rủi ro một cách hiệu quả, đặc biệt với các rủi ro trọng yếu ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ tại mọi thời điểm. Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty đảm bảo.

Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty đảm bảo



Kế hoạch triển khai quản trị rủi ro thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ.



Cơ chế giám sát đa tầng, với sự tham gia và giám sát chặt chẽ của Ban Kiểm soát, cùng hoạt động quản lý, kiểm tra và rà soát thường xuyên của Ban Điều hành.



Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể.



Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.

Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng và vận hành trên cơ sở phân công trách nhiệm trong toàn Công ty. Theo đó mỗi trưởng phòng, nhân viên của từng phòng/ban đều có trách nhiệm trong hệ thống quản trị rủi ro thông qua các quy định của pháp luật, các quy trình, chính sách nội bộ và được áp dụng thống nhất toàn Công ty. Hệ thống quản trị rủi ro thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao tinh thần trách nhiệm và đánh giá năng lực mỗi nhân viên.

Trong hệ thống quản trị rủi ro chung, Vietcap tách biệt vận hành quy trình quản trị rủi ro riêng đối với từng hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ hệ thống. Hàng năm, Vietcap xây dựng và ban hành chính sách rủi ro làm cơ sở cho công tác quản trị rủi ro thường xuyên của Công ty. Trong đó, mức độ rủi ro, hạn mức rủi ro và khả năng chấp nhận rủi ro được quy định cụ thể cho từng hoạt động kinh doanh và được Hội đồng quản trị phê duyệt. Chính sách quản trị rủi ro được xây dựng và trình bày rõ ràng, cụ thể, chi tiết về các quy trình quản trị rủi ro cho từng hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo mọi bộ phận trong Công ty được tiếp cận, nắm vững và hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ của phòng/ban mình cũng như trách nhiệm của bản thân trong công tác quản trị rủi ro của Công ty.

HÀNH ĐỘNG VÌ KHÁCH HÀNG

Tối ưu hóa trải nghiệm, nâng tầm giá trị bền vững

Với chúng tôi, ưu tiên đổi mới trước hết không nằm ngoài mục tiêu làm hài lòng và bảo vệ quyền lợi của Quý Nhà đầu tư, tiếp theo là đảm bảo lợi ích chung của thị trường chứng khoán. Chúng tôi tin rằng, những nỗ lực của mình sẽ có đóng góp thiết thực vào sự phát triển chung của thị trường.

Việc liên tục cải tiến các quy cách hướng dẫn, nâng cấp ứng dụng giao dịch, đổi mới cách thức tiếp cận Khách hàng trên mọi phương diện thông qua hàng loạt các chương trình cùng các đổi mới công nghệ lớn như: VPBank, Techcombank, BVBank, MSB đã mang lại hiệu quả vượt trội và thành công thực tiễn. Chúng tôi tin rằng, việc không ngừng mang tới những giá trị thiết thực cho Khách hàng chính là động lực cốt lõi giúp Vietcap duy trì tăng trưởng bền vững và khẳng định vai trò đồng hành lâu dài cùng cộng đồng nhà đầu tư trong kỷ nguyên tài chính số. Trên cơ sở đó, Vietcap đã và đang đẩy mạnh đầu tư vào phát triển hạ tầng công nghệ, không ngừng xây dựng những ứng dụng kỹ thuật số để phục vụ tối đa cho nhu cầu tìm hiểu, tiếp cận thông tin, thực hiện giao dịch nhanh chóng của các nhà đầu tư.



Đêm tiệc Year End Party 2025

“ We will rock you ”

HOẠT ĐỘNG NỘI BỘ BỀN BỈ TỪ NỘI LỰC

Ở Vietcap, mỗi thành viên được gọi bằng cái tên Vietcaptain – những “chiến binh” cùng chung khát vọng, tinh thần kỷ luật và niềm tin vào sức mạnh tập thể. Con người luôn là trung tâm trong chiến lược phát triển bền vững của Vietcap, nơi mỗi cá nhân không chỉ đồng hành trong công việc mà còn cùng sẻ chia, gắn kết và lan tỏa những giá trị tích cực trong đời sống nội bộ, tạo nên bản sắc văn hóa nội bộ vững chắc. Year End Party – Dấu ấn vinh danh và truyền cảm hứng

Đêm tiệc Year End 2025 với chủ đề “ We will rock you ” là điểm nhấn văn hóa nội bộ quan trọng, ghi dấu một năm nỗ lực và thành tựu mà tập thể Vietcap đã cùng nhau kiến tạo trong năm. Thông qua ngôn ngữ âm nhạc và nghệ thuật, chương trình khắc họa tinh thần đồng đội, sự gắn kết và niềm tự hào của mỗi Vietcaptain, đồng thời tiếp thêm động lực và khơi dậy cảm hứng cho hành trình phát triển phía trước.



AWAYDAY - HÀNH TRÌNH GẮN KẾT VÀ TÁI TẠO NĂNG LƯỢNG

Vietcap Awayday 2025 tại Đà Nẵng là hoạt động trọng tâm tiếp theo, mang đến không gian trải nghiệm, kết nối và tái tạo năng lượng cho toàn thể đội ngũ không chỉ là chuyến đi tập thể, Awayday là dịp để các Vietcaptain tăng cường tinh thần đồng đội, chia sẻ giá trị chung và củng cố sức mạnh nội tại, tạo nền tảng vững chắc cho những mục tiêu bứt phá trong tương lai. Lan tỏa tinh thần thể thao và lối sống tích cực. Các Câu lạc bộ thể thao của Vietcap tiếp tục phát triển sôi nổi, bao gồm Bóng đá, Cầu lông và Pickleball. Các đội tuyển Vietcap đã đạt nhiều thành tích ấn

tượng tại Hội thao VSD Open và D1 Friendship 2025, góp phần lan tỏa tinh thần đoàn kết, bền bỉ và thông điệp “We Are One” trong toàn Công ty.

Bên cạnh đó, Vietcap triển khai đa dạng hoạt động nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần cho cán bộ nhân viên như workshop về dinh dưỡng và lối sống lành mạnh, trải nghiệm Pilates dành cho nhân viên văn phòng, góp phần xây dựng môi trường làm việc cân bằng và tích cực.



GẮN KẾT GIA ĐÌNH – TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG

Vietcap chú trọng nuôi dưỡng văn hóa doanh nghiệp mang tính nhân văn thông qua các chương trình gắn kết gia đình và hoạt động xã hội. Các sự kiện như Ngày hội Gia đình, chương trình Go Green Go Up – phủ xanh Việt Nam với hơn 6.000 cây xanh được trồng tại Rừng phòng hộ Dầu Tiếng (Tây Ninh), cùng sự tham gia của các Vietcaptain và đối tác, thể hiện cam kết lâu dài của Vietcap trong phát triển bền vững và trách nhiệm với cộng đồng.



LAN TỎA TINH THẦN THỂ THAO VÀ LỐI SỐNG TÍCH CỰC

Các Câu lạc bộ thể thao của Vietcap tiếp tục phát triển sôi nổi, bao gồm Bóng đá, Cầu lông và Pickleball. Các đội tuyển Vietcap đã đạt nhiều thành tích ấn tượng tại Hội thao VSD Open và D1 Friendship 2025, góp phần lan tỏa tinh thần đoàn kết, bền bỉ và thông điệp "We Are One" trong toàn Công ty.

Song song đó, Vietcap triển khai nhiều hoạt động nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần cho cán bộ nhân viên như workshop về dinh dưỡng và lối sống lành mạnh, trải nghiệm Pilates dành cho nhân viên văn phòng, góp phần xây dựng môi trường làm việc cân bằng và tích cực.



NỐI VÒNG TAY THƯƠNG TRAO CƠ HỘI, KIẾN TẠO TƯƠNG LAI

Với định hướng phát triển bền vững gắn liền trách nhiệm xã hội, Vietcap kiên định đồng hành cùng các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, đặc biệt là trẻ em yếu thế – những mầm non cần được nâng đỡ để có cơ hội bước tiếp trên hành trình trưởng thành. Trong chuỗi hoạt động đó, chương trình "Nối vòng tay thương" là sáng kiến mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, được Vietcap duy trì liên tục từ năm 2021. Trong năm 2025, Vietcap và các đối tác tiếp tục trao gói bảo trợ dài hạn cho 808 trẻ em mồ côi do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, với tổng giá trị bảo trợ đạt 20.133.500.000 đồng. Chương trình được thiết kế theo hướng đồng hành cùng các em từ hôm nay cho đến khi đủ 18 tuổi, góp phần đảm bảo điều kiện sống ổn định, duy trì cơ hội học tập và hỗ trợ các em phát triển toàn diện trong dài hạn.

Thông qua "Nối vòng tay thương", Vietcap hướng đến việc tạo dựng nền tảng vững chắc cho các em trên hành trình trưởng thành, không chỉ hỗ trợ trước mắt mà còn đồng hành lâu dài để các em có thêm cơ hội vươn lên và xây dựng tương lai tốt đẹp hơn.



CHUYẾN XE MÙA XUÂN ĐƯA CÔNG NHÂN VỀ QUÊ ĐÓN TẾT BÌNH NGỌ 2026

Tiếp tục cam kết đồng hành cùng người lao động, Vietcap hỗ trợ chương trình "Chuyến xe mùa xuân – Đưa công nhân về quê đón Tết Bình Ngọ 2026" do Thành đoàn TP. Hồ Chí Minh và Liên đoàn Lao động TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

Chương trình góp phần hỗ trợ công nhân, người lao động xa quê có điều kiện trở về sum họp cùng gia đình, qua đó lan tỏa giá trị sẻ chia, gắn kết cộng đồng và đảm bảo an sinh xã hội trong dịp Tết cổ truyền.



TẾT ẤM ÁP – CHIA SẺ YÊU THƯƠNG, GẮN KẾT CỘNG ĐỒNG

Nhằm chăm lo cho các đối tượng yếu thế trong xã hội, Vietcap phối hợp cùng Thành đoàn TP. Hồ Chí Minh tổ chức chương trình "Tết ấm áp", tập trung hỗ trợ các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, gia đình chính sách, người cao tuổi neo đơn và các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Thông qua việc trao tặng các phần quà thiết thực, chương trình góp phần mang đến một mùa Tết đầm ấm, đồng thời thể hiện trách nhiệm xã hội và cam kết lâu dài của Vietcap trong việc đồng hành cùng cộng đồng.



THAM CHIẾU CHỈ SỐ GRI

GRI	Thông tin công bố	Nội dung trong báo cáo	Số trang
Sự tham vấn của các bên liên quan			
G4-24	Danh sách nhóm các bên liên quan với Doanh nghiệp	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	110
G4-25	Cơ sở lựa chọn và xác định các bên liên quan	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	109
G4-26	Phương pháp tiếp nhận đối với sự tham gia của các bên liên quan	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	109
G4-27	Các chủ đề và mối quan tâm chính được nêu ra trong quá trình tham gia của các bên liên quan, doanh nghiệp phản hồi thế nào với nội dung trên (bao gồm phản hồi qua báo cáo)	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	113
Hồ sơ báo cáo			
G4-28	Giai đoạn báo cáo	Tổng quan về báo cáo	
G4-29	Thời gian báo cáo gần nhất	Năm 2025 (thực hiện báo cáo cho năm 2025)	
G4-30	Chu kỳ báo cáo	Thường niên	
G4-31	Địa chỉ liên hệ	Tổng quan về báo cáo	
Quản trị			
G4-34	Báo cáo cơ cấu quản trị của tổ chức	Tóm lược về Công ty và Bộ máy tổ chức - Báo cáo thường niên	80
G4-37	Báo cáo các quy trình tham vấn các bên liên quan và cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	Ứng xử với các bên liên quan	
Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc thiết lập mục đích, giá trị và chiến lược			
G4-45	Báo cáo vai trò cơ quan quản trị cao nhất trong việc xác định và quản trị các tác động, rủi ro và cơ hội kinh tế, môi trường và xã hội	Hoạt động quản trị rủi ro - Báo cáo thường niên Quản trị Doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững	70
Thù lao và các khoản lợi ích			
G4-51	Báo cáo cơ chế thù lao cho cơ quan quản trị cao nhất và các giám đốc điều hành cấp cao	Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT & BKS - Báo cáo thường niên	86

CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ

GRI	Thông tin công bố	Nội dung trong báo cáo	Số trang
MỤC TIÊU KINH TẾ			
Hiệu quả kinh tế			
G4-EC1	Các giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	Tăng trưởng bền vững về kinh tế	
Các ảnh hưởng kinh tế trực tiếp			
G4-EC8	Những tác động gián tiếp về kinh tế	Tăng trưởng bền vững về kinh tế	
MỤC TIÊU KINH TẾ			
Cách đối xử với người lao động và việc làm bền vững			43
Việc làm			
G4-LA1	Tổng số lực lượng lao động, tỷ lệ tuyển dụng mới, tỷ lệ việc phân loại theo độ tuổi, giới tính, khu vực	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	43
G4-LA2	Phúc lợi đã cung cấp cho người lao động toàn thời gian theo địa điểm hoạt động trọng yếu	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	48
Giáo dục đào tạo			
G4-LA9	Giờ đào tạo mỗi năm cho người lao động	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	
G4-LA11	Tỷ lệ phần trăm người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ, theo giới tính và danh mục người lao động	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	39
Tính đa dạng và cơ hội nghề nghiệp bình đẳng			
G4-LA12	Thành phần các cấp quản lý và danh sách chi tiết người lao động trong từng danh mục người lao động theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm thiểu số và các chỉ số về tính đa dạng khác	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	39
Công bằng thù lao cho Nữ và Nam			
G4-LA13	Tỷ lệ lương và thù lao cơ bản của phụ nữ so với nam giới theo danh mục người lao động, và theo địa điểm hoạt động quan trọng	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	43
Cộng đồng địa phương			
G4-LA13	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động của các chương trình phát triển đã thực hiện	Hành động vì cộng đồng	
Trách nhiệm đối với sản phẩm			
G4-S01	Kết quả khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của Khách hàng	Hành động vì Khách hàng	



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Trong năm 2025, Vietcap tiếp tục duy trì hoạt động cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của Công ty một cách thường xuyên, đầy đủ, và chính xác. Đi kèm với các Báo cáo Tài chính hằng quý, Vietcap luôn phát hành các Thông cáo Hoạt động Kinh doanh hằng quý, cung cấp bức tranh toàn diện về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của từng bộ phận cũng như những sự kiện doanh nghiệp đáng chú ý trong quý. Vietcap cũng tổ chức các buổi tọa đàm trực tuyến thường xuyên nhằm cập nhật thông tin và trao đổi trực tiếp với các chuyên viên phân tích và nhà đầu tư.

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư đóng vai trò cầu nối hiệu quả giữa Ban lãnh đạo và Quý Nhà đầu tư cả trong và ngoài nước và tiếp nhận và phản hồi kịp thời các yêu cầu liên quan đến chiến lược phát triển, tình hình tài chính và triển vọng kinh doanh của Vietcap. Thông qua các kênh thông tin trên, Ban lãnh đạo Vietcap đã làm việc sâu sát với các nhà đầu tư có quan tâm đến cổ phiếu VCI, qua hình thức họp theo nhóm hoặc hình thức họp 1:1.

Năm 2025 cũng đánh dấu lần thứ hai Vietcap tăng vốn từ phát hành mới kể từ khi Công ty niêm yết vào năm 2017. Tháng 12/2025, Vietcap đã hoàn thành kế hoạch phát hành riêng lẻ 127,5 triệu cổ phiếu mới (tương đương 18% số lượng cổ phiếu lưu hành trước đợt chào bán) với giá phát hành 31.000 đồng/cổ phiếu cho tổng cộng 69 tổ chức tài chính và nhà đầu tư cá nhân cả trong và ngoài nước.

Để góp phần thực hiện thành công đợt phát hành riêng lẻ trên, bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư của Vietcap đã đồng hành cùng với các nhà đầu tư tiềm năng nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác về triển vọng thị trường, kế hoạch kinh doanh của Vietcap, và phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành đến các nhà đầu tư.

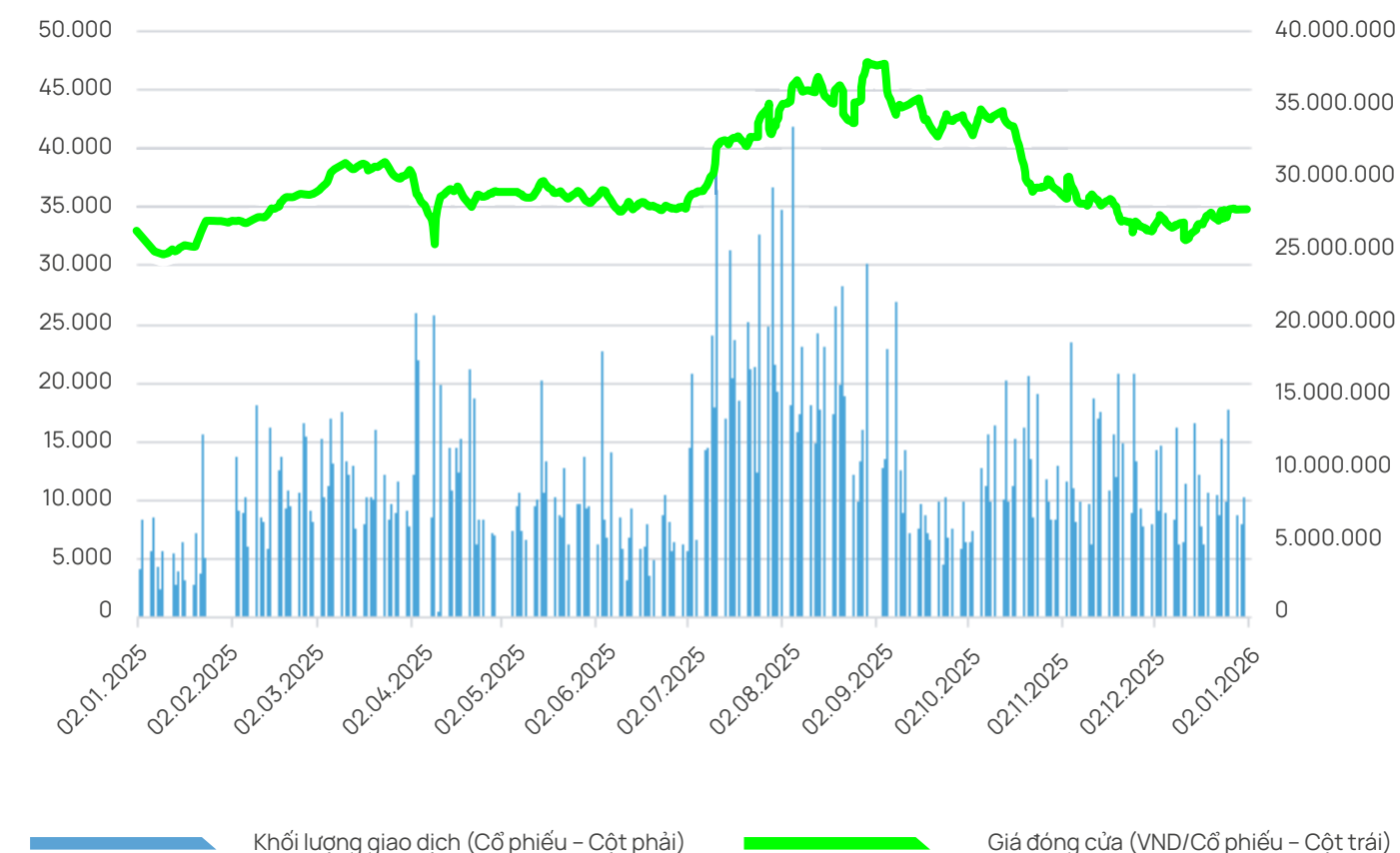
THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tại Đại hội Cổ đông thường niên của Vietcap tổ chức vào tháng 3/2025, Hội đồng quản trị của Vietcap đánh giá nền kinh tế vĩ mô của thế giới và Việt Nam tiếp tục tiềm ẩn nhiều biến số và diễn biến phức tạp. VN-Index được dự báo dao động quanh mốc 1.400 điểm vào cuối năm 2025.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo của Vietcap đã nhìn nhận những cơ hội cũng như thách thức của năm 2025 và đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt **1.420 tỷ đồng** (tương ứng với mức **tăng 30%** so với thực hiện năm 2024). Bất chấp những biến động của thị trường chung cùng với nỗ lực triển khai chiến lược một cách linh hoạt và hiệu quả, Vietcap đã ghi nhận mức lợi nhuận trước thuế **1.629 tỷ đồng** trong năm 2025, đạt mức tăng ấn tượng **50%** so với năm 2024 và hoàn thành **115%** kế hoạch năm 2025 của Vietcap là **1.420 tỷ đồng**. Giá cổ phiếu của Vietcap đi ngang cho cả năm 2025, đạt mức 34.800 đồng vào cuối năm 2025 so với mức 32.900 đồng vào đầu năm 2025. Vào tháng 7/2025, Vietcap đã

phát hành 4,5 triệu cổ phiếu ESOP (tương đương 0,6% tổng số cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành ESOP). Tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Vietcap tính đến cuối tháng 7/2025 là 722,6 triệu cổ phiếu. Vào tháng 12/2025, Vietcap đã hoàn tất đợt chào bán riêng lẻ 127,5 triệu cổ phiếu mới (tương đương 18% số lượng cổ phiếu lưu hành trước đợt chào bán) với giá phát hành 31.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành của Vietcap tính đến cuối tháng 12/2025 là 850,1 triệu cổ phiếu. Vào tháng 10/2025, FiiRatings công bố Xếp hạng Tín nhiệm Tổ chức Phát hành ở mức "A" cho Vietcap với triển vọng xếp hạng "Ổn định". Kết quả xếp hạng của FiiRatings phản ánh sự ghi nhận đối với năng lực tài chính vững mạnh, vị thế hàng đầu trong ngành chứng khoán và chiến lược quản trị rủi ro hiệu quả của Vietcap.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Danh sách cổ đông chốt ngày 09.01.2026

Danh mục	Cổ đông		
	Số lượng CP	Giá trị tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn cổ phần	850.100.000	8.501.000.000.000	100%
1. Cổ đông nội bộ			
HĐQT, BGD, BKS, KTT, PTQTCT	156.153.953	1.561.539.530.000	18,37%
2. Cổ đông khác			
Cá nhân, tổ chức	693.946.047	6.939.460.470.000	81,63%

Danh mục	Cổ đông		
	Số lượng CP	Giá trị tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn cổ phần	850.100.000	8.501.000.000.000	100%
Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên	129.139.403	1.291.394.030.000	15,19%
Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5%	186.223.076	1.862.230.760.000	21,91%
Cổ đông sở hữu dưới 1%	534.737.521	5.347.375.210.000	62,90%

Danh mục	Cổ đông		
	Số lượng CP	Giá trị tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn cổ phần	850.100.000	8.501.000.000.000	100%
Cổ đông nước ngoài	146.504.970	1.465.049.700.000	17,23%
Cổ đông trong nước	703.595.030	7.035.950.300.000	82,77%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Cá nhân / tổ chức	Số lượng CP	Số lượng CP đã được lưu ký	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tô Hải	129.139.403	21.429.200	15,19%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Hội đồng quản trị	Chức vụ	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	22.815.000	2,68%
2	Tô Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị	129.139.403	15,19%
3	Đình Quang Hoàn	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Thường trực	590.694	0,07%
4	Lê Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	-
5	Nguyễn Lân Trung Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	-
6	Nguyễn Việt Hòa	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	-
Ban Tổng Giám đốc				
1	Tôn Minh Phương	Tổng Giám đốc	479.000	0,06%
2	Đoàn Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc	451.000	0,05%
3	Tuan Nhan	Phó Tổng Giám đốc	280.000	0,03%
4	Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc	2.324.156	0,27%
Ban Kiểm soát				
1	Mai Thị Thanh Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
2	Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
3	Trương Thị Huyền Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
Kế toán trưởng				
1	Đoàn Trần Phương Thảo	Kế toán trưởng	35.000	0,00%
Phụ trách quản trị Công ty				
1	Bùi Vũ Hoàng Tuyên	Phụ trách quản trị Công ty	39.700	0,00%
Tổng cộng			156.153.953	18,37%

Công ty CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Thông tin về doanh nghiệp	138
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	139
Báo cáo kiểm toán độc lập	140
Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01 – CTCK)	142
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B02 – CTCK)	146
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03b – CTCK)	149
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B04 – CTCK)	152
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – CTCK)	154

Vietcap

THÔNG TIN
DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 68/UBCK-GP ngày 6 tháng 11 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 04/GPĐC-UB-CK được cấp ngày 6 tháng 1 năm 2026.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0305299779 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 6 tháng 11 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần nhất lần thứ 29 ngày 16 tháng 1 năm 2026.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Phương Ông Đinh Quang Hoàn	Chủ tịch Phó chủ tịch thường trực (từ ngày 15 tháng 10 năm 2025) Thành viên (đến ngày 15 tháng 10 năm 2025)
Ông Tô Hải	Thành viên
Ông Lê Ngọc Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Lân Trung Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Việt Hòa	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Mai Thị Thanh Trang	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành viên
Bà Trương Thị Huyền Trang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Tôn Minh Phương	Tổng Giám đốc (từ ngày 18 tháng 11 năm 2025)
Ông Tô Hải	Tổng Giám đốc(đến ngày 18 tháng 11 năm 2025)
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tuan Nhan	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 18 tháng 11 năm 2025)
Ông Đinh Quang Hoàn	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 3 tháng 11 năm 2025)

Người đại diện theo pháp luật

Bà Tôn Minh Phương	Tổng Giám đốc (từ ngày 18 tháng 11 năm 2025)
Ông Tô Hải	Tổng Giám đốc(đến ngày 18 tháng 11 năm 2025)

Trụ sở chính

Tầng 15, Tháp Tài Chính Bitexco	Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
---------------------------------	--

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

BÁO CÁO CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với Báo cáo Tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Ông Đoàn Minh Thiện, Phó Tổng Giám đốc của Công ty, phê duyệt và ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định số 72/2025/QĐ-TGD.VIETCAP ngày 27 tháng 11 năm 2025.

Phê chuẩn Báo cáo Tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 140 đến trang 237. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các Công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đoàn Minh Thiện
Phó Tổng Giám đốc
Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Gửi các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2025, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 12 tháng 2 năm 2026. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 140 đến trang 237.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các Công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các Công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM17564
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 2
năm 2026

Đào Trọng Hoàng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5620-2026-006-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 – CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
	TÀI SẢN			
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		35.868.914.519.259	26.491.835.561.026
110	Tài sản tài chính		35.789.798.602.454	26.323.154.756.009
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	3.213.693.581.406	4.743.771.932.745
111.1	Tiền		3.213.693.581.406	4.743.771.932.745
112	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)	3.2(a)	2.237.948.861.416	846.252.317.226
113	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)	3.2(b)	412.000.000.000	598.000.000.000
114	Các khoản cho vay	3.3	16.167.186.026.981	11.221.685.642.375
115	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)	3.2 (c)	13.307.708.105.835	8.408.756.441.185
116	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	3.3	(2.169.825.587)	(2.169.825.587)
117	Các khoản phải thu		226.985.042.639	393.384.095.757
117.1	Phải thu bán các tài sản tài chính	3.4	69.487.189.346	307.297.301.000
117.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		157.497.853.293	86.086.794.757
117.4	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	3.4	157.497.853.293	86.086.794.757
118	Trả trước cho người bán	3.5	217.840.149.374	99.838.840.101
119	Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	3.4	33.119.110.390	31.372.562.207
129	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	3.4	(24.512.450.000)	(17.737.250.000)
130	Tài sản ngắn hạn khác		79.115.916.805	168.680.805.017
131	Tạm ứng		184.422.002	117.700.000
132	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		111.837.542	86.057.176
133	Chi phí trả trước ngắn hạn	3.7(a)	31.287.033.661	33.102.186.641
137	Tài sản ngắn hạn khác	3.8(a)	47.532.623.600	135.374.861.200
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		136.950.316.556	100.288.918.214
220	Tài sản cố định		75.269.933.896	37.268.698.440
221	Tài sản cố định hữu hình	3.6(a)	70.456.289.054	30.600.963.623
222	Nguyên giá		150.107.018.471	103.721.944.662
223a	Giá trị khấu hao lũy kế		(79.650.729.417)	(73.120.981.039)
227	Tài sản cố định vô hình	3.6(b)	4.813.644.842	6.667.734.817
228	Nguyên giá		58.945.419.132	58.945.419.132
229a	Giá trị khấu hao lũy kế		(54.131.774.290)	(52.277.684.315)
240	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.6(c)	17.588.098.165	12.357.528.942
250	Tài sản dài hạn khác		44.092.284.495	50.662.690.832
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		8.466.507.064	8.079.867.064
252	Chi phí trả trước dài hạn	3.7(b)	5.432.446.692	6.238.956.911
254	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.8(b)	20.000.000.000	26.170.889.959
255	Tài sản dài hạn khác	3.8(c)	10.193.330.739	10.172.976.898
270	TỔNG TÀI SẢN		36.005.864.835.815	26.592.124.479.240

Các thuyết minh từ trang 154 đến trang 237 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		17.995.968.295.866	13.647.819.031.379
310	Nợ phải trả ngắn hạn		17.325.115.213.461	13.038.470.981.365
311	Vay ngắn hạn		16.064.550.000.000	12.573.864.000.000
312	Vay ngắn hạn	3.10	16.064.550.000.000	12.573.864.000.000
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.11	54.956.657.706	16.570.221.183
320	Phải trả người bán ngắn hạn	3.12	106.456.395.105	41.321.989.000
321	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.13	16.310.349.027	2.743.133.560
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.14	229.666.876.539	64.468.163.305
323	Phải trả người lao động		172.030.017.505	185.772.838.870
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.15	72.311.184.960	75.873.258.014
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.16	608.833.732.619	77.857.377.433
340	Nợ phải trả dài hạn		670.853.082.405	609.348.050.014
356	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	3.17	670.853.082.405	609.348.050.014
	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ		17.995.968.295.866	13.647.819.031.379
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		18.009.896.539.949	12.944.305.447.861
410	Vốn chủ sở hữu		18.009.896.539.949	12.944.305.447.861
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		13.781.641.040.000	9.775.134.800.000
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu	3.18	8.501.000.000.000	7.180.994.800.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		8.501.000.000.000	7.180.994.800.000
411.2	Thặng dư vốn cổ phần		5.280.641.040.000	2.594.140.000.000
412	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	3.19	2.694.144.839.766	2.372.439.624.636
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.20	1.534.110.660.183	796.731.023.225
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		1.542.797.589.184	798.326.170.747
417.2	Lỗ sau thuế chưa thực hiện		(8.686.929.001)	(1.595.147.522)
	TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		18.009.896.539.949	12.944.305.447.861
440	TỔNG NGUỒN VỐN		36.005.864.835.815	26.592.124.479.240

Các thuyết minh từ 154 đến trang 237 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 – CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2025	31.12.2024
A	TÀI SẢN CỦA Công ty CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	Ngoại tệ các loại (Theo nguyên tệ)	4.1		
	Đô la Mỹ		951.565	458.651
	Bảng Anh		139.187	120.926
	Euro		19.731	19.672
006	Cổ phiếu đang lưu hành (Theo số lượng)	4.2	850.100.000	718.099.480
			Theo số lượng	
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) của Công ty chứng khoán	4.3	294.788.373	127.892.539
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Công ty chứng khoán	4.4	284.487	-
010	Tài sản tài chính chờ về của Công ty chứng khoán	4.5	2.776.500	1.236.788
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Công ty chứng khoán	4.6	19.341.955	19.292.856
			Theo số lượng	
014	Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành	4.7	86.633.300	84.950.000
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI Khách hàng			
			Theo số lượng	
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của nhà đầu tư		4.516.774.671	4.168.947.865
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		3.779.514.038	3.404.525.719
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		87.086.983	194.552.711
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		630.832.370	535.622.563
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		2.545.059	2.581.747
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		16.796.221	31.665.125
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư		155.707.687	181.662.361

Các thuyết minh từ trang 154 đến trang 237 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 – CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày	
		31.12.2025	31.12.2024
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI Khách hàng (tiếp theo)		
		Theo giá trị (VND)	
026	Tiền gửi của Khách hàng	3.009.843.683.613	1.879.526.231.240
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	2.289.186.671.703	1.527.458.244.690
027.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	12.117.624.184	617.988.611.107
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	720.657.011.910	352.067.986.550
029.1	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước	690.446.932.710	297.372.640.550
029.2	Tiền gửi tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài	30.210.079.200	54.695.346.000
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	2.289.186.671.703	1.527.458.244.690
031.1	Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	2.108.371.108.966	803.645.546.532
031.2	Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	180.815.562.737	723.812.698.158
032	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	-	832.426.956.680
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	997.974	-

Nguyễn Thị Lành
Người lập

Đoàn Trần Phương Thảo
Kế toán trưởng



Đoàn Minh Thiện
Phó Tổng Giám đốc
Người được Người đại diện
theo pháp luật ủy quyền
Ngày 12 tháng 2 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 154 đến trang 237 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mẫu số B02 – CTCK

			Năm tài chính kết thúc ngày	
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		2.356.278.273.973	1.778.614.820.544
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	2.349.486.722.018	1.759.391.703.072
01.2	(Giảm)/tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2(a)	(835.246.954)	3.852.617.324
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	5.3	7.401.731.970	18.755.182.732
01.4	Chênh lệch giảm đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	5.2(b)	225.066.939	(3.384.682.584)
02	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		44.195.673.688	23.141.018.313
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		1.204.798.489.966	872.949.658.195
04	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	5.3	277.121.231.575	225.002.928.869
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		1.000.205.685.000	729.603.724.265
08	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		10.355.415.527	16.831.875.807
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		13.861.591.852	14.317.089.984
10	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính		72.018.745.350	33.757.198.182
11	Thu nhập hoạt động khác		1.366.418.177	1.307.021.311
20	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG		4.980.201.525.108	3.695.525.335.470
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		(1.536.278.727.403)	(991.675.484.693)
21.1	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	(1.527.071.365.220)	(987.732.073.189)
21.2	Giảm/(tăng) chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2(a)	4.715.933.923	(2.915.102.004)
21.3	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(952.815.350)	(1.028.309.500)
21.4	Chênh lệch tăng đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	5.2(b)	(12.970.480.756)	-
26	Chi phí hoạt động tự doanh		(43.357.801.072)	(49.882.802.761)
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		(726.709.176.307)	(595.764.284.896)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(17.758.783.870)	(17.209.578.797)
31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính		(66.876.026.406)	(62.869.871.382)
40	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(2.390.980.515.058)	(1.717.402.022.529)

Các thuyết minh từ trang 154 đến trang 237 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mẫu số B02 – CTCK

(Tiếp theo)

			Năm tài chính kết thúc ngày	
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện		7.140.994.795	21.132.100.000
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		15.882.766.899	14.501.410.218
44	Doanh thu khác về đầu tư		146.107.726	14.999.695.639
50	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		23.169.869.420	50.633.205.857
	CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(6.342.969.044)	(14.645.503.769)
52	Chi phí lãi vay		(801.899.019.138)	(764.124.674.808)
55	Chi phí tài chính khác		(45.457.959.198)	(18.733.784.327)
60	TỔNG CHI PHÍ TÀI CHÍNH	5.4	(853.699.947.380)	(797.503.962.904)
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ Công ty CHỨNG KHOÁN	5.5	(144.888.168.648)	(144.700.754.963)
70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		1.613.802.763.442	1.086.551.800.931
	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	Thu nhập khác		17.431.762.161	3.094.145.678
72	Chi phí khác		(2.014.977.710)	(308.841.703)
80	TỔNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC		15.416.784.451	2.785.303.975
90	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1.629.219.547.893	1.089.337.104.906
91	Lợi nhuận đã thực hiện		1.638.084.274.741	1.091.784.272.170
92	Lỗ chưa thực hiện		(8.864.726.848)	(2.447.167.264)
100	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	5.6	(287.265.040.935)	(178.644.991.613)
100.1	Chi phí thuế TNDN - hiện hành		(306.186.312.326)	(178.605.980.097)
100.2	Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN - hoãn lại		18.921.271.391	(39.011.516)
200	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		1.341.954.506.958	910.692.113.293

Các thuyết minh từ trang 154 đến trang 237 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

(Tiếp theo)

Mẫu số B02 – CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
300	THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		321.705.215.130	764.703.826.227
301	Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	3.19	321.705.215.130	764.703.826.227
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		321.705.215.130	764.703.826.227
500	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.7(a)	1.854	1.540
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu	5.7(b)	1.854	1.540



Nguyễn Thị Lành
Người lập



Đoàn Trần Phương Thảo
Kế toán trưởng



Đoàn Minh Thiện
Phó Tổng Giám đốc
Người được Người đại diện
theo pháp luật ủy quyền
Ngày 12 tháng 2 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 154 đến trang 237 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Mẫu số B03b – CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	Lợi nhuận trước thuế TNDN		1.629.219.547.893	1.089.337.104.906
02	Điều chỉnh cho các khoản:		665.007.230.523	693.305.874.689
03	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		14.427.076.968	10.751.194.638
04	Các khoản dự phòng		6.775.200.000	4.516.800.000
06	Chi phí lãi vay	5.4	801.899.019.138	764.124.674.808
07	Lỗ từ hoạt động đầu tư		(596.212.290)	-
08	Dự thu tiền lãi	3.4	(157.497.853.293)	(86.086.794.757)
10	Biến động các chi phí phi tiền tệ		8.254.546.833	2.915.102.004
11	Tăng chênh lệch giảm về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và chênh lệch tăng về đánh giá lại phải trả chứng quyền	5.2	8.254.546.833	2.915.102.004
18	Biến động các doanh thu phi tiền tệ		610.180.015	(467.934.740)
19	Giảm/(tăng) chênh lệch tăng về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và chênh lệch giảm về đánh giá lại phải trả chứng quyền	5.2	610.180.015	(467.934.740)
30	Tổng thay đổi vốn lưu động		(11.093.827.487.496)	(5.169.139.240.487)
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(1.387.815.857.221)	(723.177.169.906)
32	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư HTM		186.000.000.000	(217.100.000.000)
33	Tăng các khoản cho vay		(4.945.500.384.606)	(3.229.217.292.406)
34	Tăng tài sản tài chính AFS		(4.496.820.145.738)	(849.047.505.986)
35	Giảm phải thu bán các tài sản tài chính		237.810.111.654	438.051.154.200
36	Giảm phải thu tiền lãi các tài sản tài chính		86.086.794.757	103.219.084.809
37	Tăng các khoản phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp		(1.746.548.183)	(159.665.340)
40	Giảm các tài sản khác		87.729.381.391	12.079.849.473
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		10.700.210.380	(10.533.997.645)
42	Giảm chi phí trả trước		2.621.663.199	13.871.580.386
43	Thuế TNDN đã nộp	3.14	(153.546.389.365)	(150.292.016.782)
44	Lãi vay đã trả		(816.161.302.572)	(724.992.084.821)
45	(Giảm)/tăng phải trả người bán		(52.866.903.168)	9.776.296.390
47	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		12.558.790.273	5.535.103.919
48	(Giảm)/tăng phải trả người lao động		(13.742.821.365)	86.027.483.460
50	Tăng phải trả, phải nộp khác		145.081.663.109	65.609.975.849
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.170.889.959	2.439.376.620
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(386.640.000)	(1.229.412.707)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.790.735.982.232)	(3.384.049.093.628)
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(59.608.859.357)	(31.302.212.567)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		2.546.190.000	-
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(57.062.669.357)	(31.302.212.567)

Các thuyết minh từ trang 154 đến trang 237 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp (Tiếp theo)

Mẫu số B03b – CTCK

			Năm tài chính kết thúc ngày	
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	7.1	4.006.506.240.000	4.074.440.000.000
73	Tiền vay gốc	6.1	39.299.956.000.000	28.212.221.000.000
74	Tiền chi trả nợ gốc vay	6.2	(35.809.270.000.000)	(24.737.632.000.000)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	3.16	(179.471.939.750)	(177.803.580.300)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		7.317.720.300.250	7.371.225.419.700
90	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm		(1.530.078.351.339)	3.955.874.113.505
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm				
101	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3.1	4.743.771.932.745	787.897.819.240
101.1	Tiền		4.743.771.932.745	537.897.819.240
101.2	Các khoản tương đương tiền		-	250.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm				
103	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3.1	3.213.693.581.406	4.743.771.932.745
103.1	Tiền		3.213.693.581.406	4.743.771.932.745

Các thông tin liên quan đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 6

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Tiếp theo)

Mẫu số B03b – CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA Khách hàng

			Năm tài chính kết thúc ngày	
Mã số	Chỉ tiêu		31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của Khách hàng				
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho Khách hàng		462.418.176.690.903	313.150.903.167.601
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho Khách hàng		(514.483.731.642.030)	(338.605.010.237.709)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của Khách hàng		52.987.076.215.587	25.182.264.017.294
07.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC		(605.870.986.923)	228.266.086.125
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của Khách hàng		(17.758.783.870)	(17.209.578.797)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		297.891.493.667	(60.786.545.486)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của Khách hàng				
30	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của Khách hàng		2.711.953.187.920	2.772.739.733.406
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		2.711.953.187.920	2.772.739.733.406
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý		1.527.458.244.690	1.824.604.521.626
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		1.184.494.943.230	948.135.211.780
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của Khách hàng				
40	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của Khách hàng		3.009.844.681.587	2.711.953.187.920
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		3.009.844.681.587	2.711.953.187.920
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý		2.289.186.671.703	1.527.458.244.690
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		720.658.009.884	1.184.494.943.230



Nguyễn Thị Lành
Người lập



Đoàn Trần Phương Thảo
Kế toán trưởng



Đoàn Minh Thiện
Phó Tổng Giám đốc
Người được Người đại diện
theo pháp luật ủy quyền
Ngày 12 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Mẫu số B04 – CTCK

Chỉ tiêu	Tại ngày	
	1.1.2024 VND	1.1.2025 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.388.500.198.000	9.775.134.800.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	4.375.000.000.000	7.180.994.800.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	13.500.198.000	2.594.140.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	67.496.330.852	-
3. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	1.607.735.798.409	2.372.439.624.636
4. Lợi nhuận chưa phân phối	1.307.497.181.080	796.731.023.225
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	1.307.134.594.788	798.326.170.747
4.2 Lợi nhuận/ (lỗ) chưa thực hiện	362.586.292	(1.595.147.522)
Tổng cộng	7.371.229.508.341	12.944.305.447.861

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2024		Trong năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2025		Tại ngày	
Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	31.12.2024 VND	31.12.2025 VND
5.400.134.800.000	(13.500.198.000)	4.006.506.240.000	-	9.775.134.800.000	13.781.641.040.000
2.805.994.800.000	-	1.320.005.200.000	-	7.180.994.800.000	8.501.000.000.000
2.594.140.000.000	(13.500.198.000)	2.686.501.040.000	-	2.594.140.000.000	5.280.641.040.000
-	(67.496.330.852)	-	-	-	-
764.703.826.227	-	321.705.215.130	-	2.372.439.624.636	2.694.144.839.766
912.649.847.107	(1.423.416.004.962)	1.349.046.288.437	(611.666.651.479)	796.731.023.225	1.534.110.660.183
912.649.847.107	(1.421.458.271.148)	1.349.046.288.437	(604.574.870.000)	798.326.170.747	1.542.797.589.184
-	(1.957.733.814)	-	(7.091.781.479)	(1.595.147.522)	(8.686.929.001)
7.077.488.473.334	(1.504.412.533.814)	5.677.257.743.567	(611.666.651.479)	12.944.305.447.861	18.009.896.539.949

Nguyễn Thị Lành
Người lập

Đoàn Trần Phương Thảo
Kế toán trưởng



Đoàn Minh Thiện
Phó Tổng Giám đốc
Người được Người đại diện
theo pháp luật ủy quyền
Ngày 12 tháng 2 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (“Công ty”) là một Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 6 tháng 11 năm 2007. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 04/GPĐC-UBCK được cấp ngày 6 tháng 1 năm 2026.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 233/QĐ-SGDH-CM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 6 năm 2017 với mã giao dịch cổ phiếu là VCI.

Trụ sở chính và thông tin liên hệ

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tháp Tài Chính Bitexco, số 2 Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thông tin liên hệ:

Email: info@vietcap.com.vn

Điện thoại: (+84) 28 3914 3588

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và có hiệu lực từ ngày 9 tháng 4 năm 2021 và sửa đổi, bổ sung lần gần nhất vào ngày 17 tháng 12 năm 2025.

Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 442 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 389 nhân viên).

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (“ngày báo cáo”)	VND
Vốn điều lệ của Công ty	8.501.000.000.000
Tổng vốn chủ sở hữu	18.009.896.539.949
Tổng tài sản	36.005.864.835.815

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp và đầu tư chứng khoán, giao dịch kỳ quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Hoạt động chính của Công ty không bị ảnh hưởng bởi tính thời vụ.

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Công ty là tối ưu hóa lợi nhuận. Hoạt động đầu tư phải phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty và đảm bảo tuân thủ với pháp luật chứng khoán hiện hành.

Mạng lưới hoạt động

Tại ngày báo cáo, Công ty có 1 chi nhánh và 3 phòng giao dịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210/2014/TT-BTC”), Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334/2016/TT-BTC”), Công văn 6190/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 5 năm 2017 (“Công văn 6190/BTC-CĐKT”) và Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 23/2018/TT-BTC”) do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các Công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) và tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Báo cáo tài chính này được lập dựa trên cùng chính sách kế toán áp dụng cho báo cáo tài chính năm gần nhất.

2.2 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các Công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.2 Ước tính kế toán trọng yếu (Tiếp theo)

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính bao gồm:

- Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của các tài sản tài chính (Thuyết minh 2.8 và Thuyết minh 3.2);
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM và các khoản cho vay (Thuyết minh 2.8, Thuyết minh 3.2 và Thuyết minh 3.3);
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (Thuyết minh 2.9 và Thuyết minh 3.4).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.4 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty.

2.6 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của báo cáo tình hình tài chính, ngoại trừ các khoản vay và nợ phải trả mà Công ty đã sử dụng công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái, lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của báo cáo tình hình tài chính được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển của Công ty chứng khoán, tiền gửi kỳ quỹ cho chứng quyền và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

2.8 Tài sản tài chính ngoại trừ các khoản phải thu

(a) Phân loại và đo lường

(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

Tài sản tài chính FVTPL là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Ban Tổng Giám đốc xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nó là một phần của một danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Nó là một công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ban Tổng Giám đốc sẽ xác định một tài sản tài chính là tài sản tài chính FVTPL nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự “không thống nhất kế toán”) mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực Kế toán số 26 – Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.8 Tài sản tài chính ngoại trừ các khoản phải thu (Tiếp theo)

(a) Phân loại và đo lường (Tiếp theo)

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định; và
- Công ty có ý định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (“AFS”); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Một tài sản tài chính sẽ không được phân loại vào các khoản đầu tư HTM nếu, trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất Công ty đã bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các tài sản tài chính HTM trước thời hạn, trong đó mức độ đáng kể được so với tổng giá trị các tài sản tài chính HTM, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một số các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn (ví dụ không quá 3 tháng trước khi đáo hạn) mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của tài sản tài chính;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các tài sản tài chính này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và nguyên nhân này không lặp lại và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm tài chính liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày của báo cáo tình hình tài chính, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Công ty đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Công ty không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:

- (i) Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc
- (ii) Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.8 Tài sản tài chính ngoại trừ các khoản phải thu (Tiếp theo)

(a) Phân loại và đo lường (Tiếp theo)

(iii) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Trong năm tài chính, Công ty có các khoản cho vay bao gồm:

- Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ.
- Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán đã khớp lệnh nhưng chưa đến hạn thanh toán, và sẽ được thu hồi vào ngày thanh toán bù trừ của giao dịch bán đó. Theo Quyết định 109/QĐ-VSD của VSDC, từ ngày 29 tháng 8 năm 2022, thời gian thanh toán bù trừ là trước 12h ngày làm việc thứ hai liền kề sau ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”).

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày của báo cáo tình hình tài chính, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

(iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

Các tài sản tài chính AFS bao gồm các tài sản tài chính phi phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay hay phải thu.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

Tại thời điểm báo cáo, tài sản tài chính AFS được trình bày theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại. Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào lãi/lỗ trên báo cáo kết quả hoạt động theo quy định của Chuẩn mực Kế toán số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

Tại ngày của báo cáo tình hình tài chính, các tài sản tài chính AFS được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị.

Đối với các công cụ nợ, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị được xác định tương tự các tài sản tài chính HTM.

Đối với các công cụ vốn, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Những thay đổi đáng kể có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của tổ chức phát hành do những thay đổi về công nghệ, thị trường, kinh tế hoặc môi trường pháp lý cho thấy khả năng không thể thu hồi lại giá gốc của công cụ vốn;
- Sự suy giảm đáng kể hoặc kéo dài về giá trị của một khoản đầu tư vào công cụ vốn xuống dưới giá gốc.

Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của tài sản tài chính AFS tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

Lỗ suy giảm giá trị của tài sản tài chính AFS được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trước đây (nếu có). Khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là một bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dừng ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.8 Tài sản tài chính ngoại trừ các khoản phải thu (Tiếp theo)

(b) Phân loại lại

(i) Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(ii) Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") và phải được định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào thu nhập/(lỗ) toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(c) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày giao dịch – là ngày Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính.

Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba, nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

(d) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm chi phí mua. Các tài sản tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các tài sản tài chính với giá trị bằng không (0).

(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 về chỉ tiêu an toàn tài chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán ("Thông tư 91/2020/TT-BTC") để làm căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

(i) Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM)

Cổ phiếu niêm yết được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo. Cổ phiếu giao dịch trên UPCoM được đánh giá lại căn cứ vào giá tham chiếu trong ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính.

(ii) Cổ phiếu khác

Các cổ phiếu khác được đánh giá lại phương pháp nội bộ của Công ty. Các cổ phiếu không có đủ thông tin giao dịch và giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

(iii) Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá niêm yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày đánh giá lại cộng lãi lũy kế.

Các trái phiếu không có giao dịch trong nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá sẽ được trình bày theo giá mua cộng lãi lũy kế.

(iv) Trái phiếu không niêm yết

Trái phiếu không niêm yết được đánh giá lại theo giá mua cộng lãi lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.8 Tài sản tài chính ngoại trừ các khoản phải thu (Tiếp theo)

(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý (Tiếp theo)

(v) Chứng chỉ quỹ mở/ quỹ hoán đổi danh mục ("ETF")

Các chứng chỉ quỹ mở/quỹ ETF được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng trên một (1) chứng chỉ quỹ tại năm tài chính gần nhất tính đến ngày định giá.

(vi) Chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi

Các chứng khoán này được định giá dựa trên giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo gần nhất.

(vii) Chứng chỉ tiền gửi

Được định giá bằng giá mua chứng chỉ tiền gửi cộng lãi lũy kế tính đến ngày lập báo cáo.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không thuộc các nhóm nêu trên sẽ được dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá lại.

(f) Hạch toán lãi/(lỗ)

Chi phí mua

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính FVTPL được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá gốc của tài sản.

Chi phí bán

Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

2.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của báo cáo tình hình tài chính tới ngày đến hạn thu hồi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm tài chính. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.10 Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn trong Công văn 6190/BTC-CĐKT, cụ thể như sau:

Giao dịch tự doanh

Tiền gửi kỳ quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu 'Tài sản ngắn hạn khác' trên báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán đem ký quỹ để giao dịch chứng khoán phái sinh không bị dừng ghi nhận mà được theo dõi trên tài khoản chi tiết của cùng loại tài sản tài chính và thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Lãi (hoặc lỗ) vị thế của hợp đồng tương lai được xác định và thanh toán hàng ngày dựa trên giá thanh toán cuối ngày hạch toán trừ đi giá thanh toán cuối ngày giao dịch gần nhất. Lãi (hoặc lỗ) vị thế được ghi nhận vào thu nhập (hoặc chi phí) đã thực hiện trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu 'Lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL'.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.10 Hợp đồng tương lai (Tiếp theo)

(a) Giao dịch tự doanh (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền gửi kỳ quỹ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu 'Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định'.

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu 'Tài sản dài hạn khác' trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu 'Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán'.

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của Khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính, ở chỉ tiêu 'Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư' và 'Tiền gửi kỳ quỹ của nhà đầu tư tại VSDC'.

2.11 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi cầm cố, thế chấp

Trong năm tài chính, Công ty có các khoản đầu tư đem đi cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng cầm cố, thế chấp trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản cầm cố, thế chấp để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận cầm cố, thế chấp sẽ được sử dụng tài sản cầm cố, thế chấp để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng cầm cố, thế chấp kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản đem đi cầm cố, thế chấp được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

2.12 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Phương tiện vận chuyển	16,67%/năm
Thiết bị văn phòng	33,33%/năm
Phần mềm vi tính	33,33%/năm - 50%/năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý và giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình hình thành nhằm phục vụ mục đích kinh doanh hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.15 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

2.16 Nợ phải trả

(a) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.

(b) Phân loại

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào loại nghiệp vụ phát sinh bao gồm:

- Nợ vay;
- Trái phiếu phát hành;
- Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Phải trả chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành;
- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa, dịch vụ;
- Người mua trả tiền trước; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của báo cáo tình hình tài chính tới ngày đến hạn thanh toán.

2.17 Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Công ty hoặc là các hợp đồng có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tài sản tài chính và nợ tài chính được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tài chính trong trường hợp Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần, hoặc để cùng lúc thanh toán một tài sản và một khoản nợ phải trả.

2.18 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, Công ty tài chính và các đối tượng khác. Các khoản vay được trình bày theo giá gốc.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của báo cáo tình hình tài chính tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc hình thành tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

2.19 Chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện. Công ty chứng khoán phát hành chứng quyền phải ký quỹ tiền, tài sản tài chính hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán với người sở hữu chứng quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.19 Chứng quyền có bảo đảm (Tiếp theo)

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo hướng dẫn trong Thông tư 23/2018/TT-BTC, cụ thể như sau:

Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, số tiền thu được hạch toán tăng phải trả chứng quyền.

Khi Công ty mua lại chứng quyền đã phát hành trong vai trò tạo lập thị trường, hoặc khi chứng quyền bị hủy niêm yết và Công ty phải thu hồi, chênh lệch dương (hoặc âm) giữa giá mua lại và giá trị ghi sổ của chứng quyền được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính phát sinh. Tiềm bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư, tiền phạt trả chậm tiền cho nhà đầu tư được ghi nhận vào chi phí khác.

Cuối năm tài chính, chứng quyền có bảo đảm được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch tăng (hoặc giảm) đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi (hoặc lỗ) tại ngày đáo hạn chứng quyền được hạch toán vào lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động.

Số lượng chứng quyền được phép phát hành, số lượng đã phát hành và mua lại được hạch toán và theo dõi trong tài khoản ngoại bảng. Số lượng chứng quyền được phép phát hành nhưng chưa lưu hành tại ngày báo cáo được trình bày trong các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền được theo dõi trong tài khoản riêng và được đánh giá lại cuối năm tài chính. Kết quả đánh giá lại được hạch toán tương tự như tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính AFS.

Giao dịch tự doanh chứng quyền

Khi Công ty mua các chứng quyền của tổ chức khác phát hành để đầu tư thì Công ty hạch toán tương tự với tài sản tài chính FVTPL.

2.20 Thuế thu nhập của nhà đầu tư

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài và nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty có trách nhiệm giữ lại số tiền thuế chuyển nhượng chứng khoán và thuế trên đầu tư vốn để kê khai và nộp thuế thay cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

2.21 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và được ghi nhận vào chi phí của năm tài chính.

2.22 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm tài chính.

2.23 Vốn chủ sở hữu

(a) Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

(b) Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý sau khi trừ đi thuế TNDN hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.23 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(c) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 chính thức có hiệu lực, theo đó:

- Chế độ tài chính đối với Công ty chứng khoán theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

(d) Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kế đến thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động và thuế thu nhập hoãn lại trên kết quả đánh giá lại đó.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

2.24 Phân phối lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính khi Hội đồng Quản trị công bố quyết định trả cổ tức phù hợp với nội dung được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN và sau khi đã trích lập các quỹ phù hợp với Điều lệ Công ty và các Công ty con và quy định pháp luật hiện hành.

2.25 Tài sản của và nợ phải trả Khách hàng

Tài sản của và nợ phải trả Khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính bao gồm:

- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng; và
- Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

2.26 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành chứng khoán, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí tư vấn tài chính, phí lưu ký chứng khoán và hoạt động ủy thác đầu giá.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm giá dịch vụ đã cung cấp. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tài chính cung cấp dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày của báo cáo tình hình tài chính nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính lập báo cáo.

(b) Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính

Thu nhập từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm lãi/(lỗ) từ đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản tài chính FVTPL, lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính và cổ tức.

Công ty thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của các tài sản tài chính FVTPL hàng tháng. Chênh lệch tăng khi đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào thu nhập và chênh lệch giảm khi đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở cộng gộp và không bù trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.26 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (Tiếp theo)

(b) Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính (Tiếp theo)

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

(c) Thu nhập trên vốn kinh doanh

Thu nhập trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản đầu tư HTM, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch kỳ quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Thu nhập trên vốn kinh doanh được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- thu nhập được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập không thường xuyên phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu và thu nhập nêu trên.

2.27 Chi phí

(a) Ghi nhận

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

(b) Phân loại

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:

- Chi phí hoạt động;
- Chi phí tài chính;
- Chi phí quản lý; và
- Chi phí khác.

2.28 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh những khoản doanh thu từ hoạt động đầu tư phát sinh trong năm tài chính, chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng và lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.29 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, chi phí đi vay hợp vốn và lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Đối với các khoản vay hợp vốn có gốc ngoại tệ, Công ty thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng ngoại tệ kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi ngoại tệ với các ngân hàng thương mại trong nước, và do đó không đánh giá lại các khoản vay này theo tỷ giá cuối năm theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái. Chi phí phòng ngừa rủi ro phát sinh từ những hợp đồng phái sinh tỷ giá này được trích trước hằng tháng vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động, và là một phần của chi phí đi vay hợp vốn.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đi vay hợp vốn (ngoại trừ lãi vay) mà Công ty phải thanh toán cho tổ chức cho vay tại thời điểm khoản vay được khởi tạo được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước và phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí đi vay hợp vốn thuộc chi phí tài chính tương ứng với thời hạn của khoản vay.

2.30 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.31 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm tài chính. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.32 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ với từng bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.33 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ và đầu tư (bộ phận chia theo hoạt động), hoặc cung cấp dịch vụ và đầu tư trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

2.34 Số liệu bằng không

Các khoản mục được quy định trong Thông tư 334/2016/TT-BTC, Công văn 6190/BTC-CĐKT và Thông tư 23/2018/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này được hiểu là có số liệu bằng không.

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	438.179.840	1.142.836.137
Tiền gửi ngân hàng	3.213.255.401.566	4.742.629.096.608
	3.213.693.581.406	4.743.771.932.745

3.2 Danh mục tài sản tài chính

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	45.416.078.519	1.145.281.761	(1.579.660.280)	44.981.700.000
Chứng chỉ quỹ ETF	55.405.161.913	2.673.927.446	(352.796.359)	57.726.293.000
Trái phiếu niêm yết (*)	1.500.980.250.000	-	-	1.500.980.250.000
Trái phiếu không niêm yết (**)	634.260.618.416	-	-	634.260.618.416
Tổng cộng	2.236.062.108.848	3.819.209.207	(1.932.456.639)	2.237.948.861.416

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	201.157.282.172	2.734.235.336	(6.624.523.008)	197.266.994.500
Chứng chỉ quỹ ETF	18.507.200.729	1.920.220.825	(23.867.554)	20.403.554.000
Trái phiếu không niêm yết	628.581.768.726	-	-	628.581.768.726
Tổng cộng	848.246.251.627	4.654.456.161	(6.648.390.562)	846.252.317.226

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (Tiếp theo)

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) (Tiếp theo)

(*) Chi tiết trái phiếu niêm yết tại ngày báo cáo như sau:

Trái phiếu niêm yết	31.12.2025 VND	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất/ năm	Mệnh giá/ trái phiếu VND
Trái phiếu Chính phủ (TD2454046)	1.500.980.250.000	13.06.2024	13.06.2054	3,10%	100.000

(**) Chi tiết trái phiếu không niêm yết tại ngày báo cáo như sau:

Trái phiếu không niêm yết	Tại ngày 31.12.2025 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID12504) (***)	300.000.000.000
CTCP Tập Đoàn PC1 (PC112201)	124.499.416.067
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (BCM12406)	87.202.618.638
Công ty cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa – Vũng Tàu (HDC12501)	60.305.821.198
Công ty cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa – Vũng Tàu (HDC12502)	19.387.626.476
CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa (SBT12401)	18.088.506.655
CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CI12402)	16.386.061.731
CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CI12403)	7.087.370.455
CTCP Đầu tư Nam Long (NLG12501)	1.303.197.196
Tổng cộng	634.260.618.416

Đặc điểm chính	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất/ năm	Mệnh giá/ trái phiếu VND
Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không kèm tài sản đảm bảo	16.05.2025	16.05.2032	5,68%	1.000.000.000
Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không kèm tài sản đảm bảo	31.03.2022	31.03.2027	10%	100.000.000
Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không kèm tài sản đảm bảo	14.08.2024	14.08.2027	10.20%	100.000.000
Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không kèm tài sản đảm bảo	27.08.2025	27.08.2028	11%	100.000.000
Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không kèm tài sản đảm bảo	04.09.2025	04.09.2028	10.5%	100.000.000
Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không kèm tài sản đảm bảo	29.01.2024	29.01.2027	11%	100.000.000
Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không kèm tài sản đảm bảo	17.10.2024	17.10.2027	11%	100.000.000
Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không kèm tài sản đảm bảo	25.10.2024	25.10.2027	11%	100.000.000
Không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không kèm tài sản đảm bảo	05.06.2025	05.06.2028	11%	100.000.000

(***) Trái phiếu này được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 3.9 và Thuyết minh 3.10).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (Tiếp theo)

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

	Tại ngày 31.12.2025		Tại ngày 31.12.2024	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	300.000.000.000	-	501.000.000.000	-
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền	112.000.000.000	-	97.000.000.000	-
	412.000.000.000	-	598.000.000.000	-

Chi tiết các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày báo cáo như sau:

Tổ chức phát hành/dối tác	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Mệnh giá VND	Lãi suất/năm
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)			300.000.000.000	
Ngân hàng trong nước	21.03.2025	23.03.2026	300.000.000.000	5,2%
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền (**)			112.000.000.000	
Ngân hàng trong nước	03.11.2025	03.06.2026	112.000.000.000	5,0%

(*) Khoản tiền gửi này được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 3.9 và 3.10).

(**) Đây là tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký nhằm đảm bảo thanh toán cho chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành. Tiền gửi này được phong tỏa trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền và duy trì tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết, theo quy định tại Thông tư 107/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2016.

(c) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	7.756.131.180.733	2.964.124.023.537	(297.085.481.320)	10.423.169.722.950
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	116.928.057.582	8.512.870.492	(435.010.024)	125.005.918.050
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	892.506.426.285	187.600.000.000	-	1.080.106.426.285
Phản ánh theo giá gốc (*)	484.266.426.285	-	-	484.266.426.285
Phản ánh theo giá trị hợp lý (**)	408.240.000.000	187.600.000.000	-	595.840.000.000
Trái phiếu niêm yết	1.174.461.391.528	504.964.647.022	-	1.679.426.038.550
Tổng cộng	9.940.027.056.128	3.665.201.541.051	(297.520.491.344)	13.307.708.105.835

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	4.287.085.613.065	2.738.944.403.272	(6.788.849.885)	7.019.241.166.452
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	658.451.739.733	187.600.000.000	-	846.051.739.733
Phản ánh theo giá gốc (*)	250.211.739.733	-	-	250.211.739.733
Phản ánh theo giá trị hợp lý (**)	408.240.000.000	187.600.000.000	-	595.840.000.000
Trái phiếu niêm yết	497.669.557.592	47.659.977.408	(1.866.000.000)	543.463.535.000
Tổng cộng	5.443.206.910.390	2.974.204.380.680	(8.654.849.885)	8.408.756.441.185

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (Tiếp theo)

(c) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) (Tiếp theo)

Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM
Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (MCH)
Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế LOF (IDP)
CTCP Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền (KDH)
CTCP Nước Thủ Dầu Một (TDM)
Công ty Cổ phần FPT (FPT)
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)
Cổ phiếu khác
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền
CTCP Vinhomes (VHM)
CTCP Hàng không Vietjet (VJC)
Cổ phiếu khác
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) (**)
Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (*)
Cổ phiếu khác (*)
Trái phiếu niêm yết (***)
CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CI425021)
CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CI424002)
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDB124006)
Tổng cộng

Tại ngày 31.12.2025		Tại ngày 31.12.2024	
Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
7.756.131.180.733	10.423.169.722.950	4.287.085.613.065	7.019.241.166.452
1.541.979.695.859	2.529.680.898.000	176.526.474.731	569.696.869.200
440.985.822.375	1.945.200.620.000	440.985.822.375	2.117.616.129.500
920.027.142.556	1.065.240.949.500	884.445.408.198	1.183.755.100.000
648.366.528.709	884.070.000.000	648.366.528.709	772.398.000.000
655.815.838.888	588.339.605.600	519.116.897.233	695.359.587.500
447.478.958.677	450.941.077.400	12.429.299.665	12.334.140.000
3.101.477.193.669	2.959.696.572.450	1.605.215.182.154	1.668.081.340.252
116.928.057.582	125.005.918.050	-	-
54.790.708.300	62.334.304.000	-	-
22.899.135.732	23.415.524.000	-	-
39.238.213.550	39.256.090.050	-	-
892.506.426.285	1.080.106.426.285	658.451.739.733	846.051.739.733
408.240.000.000	595.840.000.000	408.240.000.000	595.840.000.000
161.294.370.000	161.294.370.000	161.294.370.000	161.294.370.000
322.972.056.285	322.972.056.285	88.917.369.733	88.917.369.733
1.174.461.391.528	1.679.426.038.550	497.669.557.592	543.463.535.000
1.174.404.500.000	1.679.280.994.550	-	-
56.891.528	145.044.000	485.550.557.592	533.210.535.000
-	-	12.119.000.000	10.253.000.000
9.940.027.056.128	13.307.708.105.835	5.443.206.910.390	8.408.756.441.185

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (Tiếp theo)

(c) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) (Tiếp theo)

(*) Các công cụ vốn này không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý của chúng không thể xác định một cách đáng tin cậy, nên được phản ánh theo giá gốc.

(**) Khoản đầu tư vào cổ phiếu NAPAS được định giá theo mô hình định giá nội bộ của Công ty theo phương pháp hệ số thị trường. Giá trị hợp lý được xác định là giá trị trung bình đơn thuần của hai kết quả ước tính theo phương pháp hệ số thu nhập (PE) và phương pháp hệ số sổ sách (PB). Giá trị hợp lý được xác định tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị hợp lý đánh giá lại không có khác biệt đáng kể so với giá trị hợp lý đang được ghi nhận của khoản đầu tư này.

(***) Chi tiết trái phiếu niêm yết tại ngày báo cáo như sau:

Trái phiếu không niêm yết	Tại ngày 31.12.2025 VND
CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CIH425021)	1.174.404.500.000
CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CIH424002)	56.891.528

Một số cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính AFS được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được trình bày ở Thuyết minh 3.9 và Thuyết minh 3.10.

3.3 Các khoản cho vay và dự phòng suy giảm giá trị

(a) Các khoản cho vay

Hợp đồng giao dịch ký quỹ (*)
Ứng trước tiền bán chứng khoán

(*) Chứng khoán của Khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty nắm giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay. Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 62.733.458.200.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 34.081.516.355.770 Đồng).

Đặc điểm chính	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất/ năm	Mệnh giá/ trái phiếu VND
Có chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không kèm tài sản đảm bảo	18.8.2025	18.8.2035	10%	100.000
Có chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không kèm tài sản đảm bảo	25.1.2024	25.1.2034	10%	100.000

Tại ngày 31.12.2025		Tại ngày 31.12.2024	
Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
16.023.487.352.399	(2.169.825.587)	11.105.535.515.939	(2.169.825.587)
143.698.674.582	-	116.150.126.436	-
16.167.186.026.981	(2.169.825.587)	11.221.685.642.375	(2.169.825.587)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

3.3 Các khoản cho vay và dự phòng suy giảm giá trị (Tiếp theo)

(b) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Biến động số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp trong năm như sau:

	Số dư đầu năm VND	Trích lập trong năm VND	Hoàn nhập trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	2.169.825.587	-	-	(2.169.825.587)

3.4 Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính
Phải thu bán chứng khoán niêm yết
Phải thu bán chứng quyền có bảo đảm
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp
Phải thu phí dịch vụ cung cấp

Tại ngày 31.12.2025		Tại ngày 31.12.2024	
Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
65.237.361.346	-	307.297.301.000	-
4.249.828.000	-	-	-
69.487.189.346	-	307.297.301.000	-
157.497.853.293	-	86.086.794.757	-
33.119.110.390	24.512.450.000	31.372.562.207	17.737.250.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu (Tiếp theo)

Chi tiết biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu trong năm như sau:

	Giá trị phải thu khó đòi	
	Tại ngày đầu năm VND	Tại ngày cuối năm VND
Phải thu phí dịch vụ cung cấp		
Khách hàng cá nhân	22.584.000.000	22.584.000.000
Công ty TNHH Besra Việt Nam	582.450.000	582.450.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm QVD Đồng Tháp	462.000.000	462.000.000
Các Khách hàng doanh nghiệp khác	884.000.000	884.000.000
Tổng cộng	24.512.450.000	24.512.450.000

Dự phòng			
Tại ngày đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Tại ngày cuối năm VND
15.808.800.000	6.775.200.000	-	22.584.000.000
582.450.000	-	-	582.450.000
462.000.000	-	-	462.000.000
884.000.000	-	-	884.000.000
17.737.250.000	6.775.200.000	-	24.512.450.000

3.5 Trả trước cho người bán

Chi tiết biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu trong năm như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Đặt cọc mua chứng khoán chưa niêm yết (*)	206.613.182.020	-
Đặt cọc mua chứng khoán niêm yết	-	92.900.000.000
Khác	11.226.967.354	6.938.840.101
	217.840.149.374	99.838.840.101

(*) Thể hiện khoản tiền Công ty đã đặt cọc để đăng ký mua chứng khoán và được xác định dựa trên số lượng chứng khoán đăng ký mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

(a) TSCĐ hữu hình

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1.1.2025	12.657.406.382	91.064.538.280	103.721.944.662
Mua trong năm	13.793.376.882	19.888.413.252	33.681.790.134
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 3.6(c))	-	20.696.500.000	20.696.500.000
Thanh lý, nhượng bán	(7.941.310.471)	(51.905.854)	(7.993.216.325)
Tại ngày 31.12.2025	18.509.472.793	131.597.545.678	150.107.018.471
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1.1.2025	7.372.332.769	65.748.648.270	73.120.981.039
Khấu hao trong năm	3.420.567.241	9.152.419.752	12.572.986.993
Thanh lý, nhượng bán	(5.991.332.761)	(51.905.854)	(6.043.238.615)
Tại ngày 31.12.2025	4.801.567.249	74.849.162.168	79.650.729.417
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1.1.2025	5.285.073.613	25.315.890.010	30.600.963.623
Tại ngày 31.12.2025	13.707.905.544	56.748.383.510	70.456.289.054

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cam kết về việc mua/bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 65.384 triệu Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 54.739 triệu Đồng).

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1.1.2025 và tại ngày 31.12.2025	58.945.419.132
Giá trị khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1.1.2025	52.277.684.315
Khấu hao trong năm	1.854.089.975
Tại ngày 31.12.2025	54.131.774.290
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1.1.2025	6.667.734.817
Tại ngày 31.12.2025	4.813.644.842

Các cam kết về việc mua TSCĐ vô hình có giá trị lớn chưa thực hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được trình bày tại Thuyết minh 12.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 50.442 triệu Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 49.808 triệu Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (Tiếp theo)

(c) Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Số dư đầu năm	12.357.528.942	5.649.600.000
Tăng trong năm	28.234.970.012	11.528.668.942
Kết chuyển vào TSCĐ hữu hình	(20.696.500.000)	(598.691.000)
Kết chuyển vào TSCĐ vô hình	-	(600.000.000)
Kết chuyển vào chi phí trả trước	(2.307.900.789)	(3.622.049.000)
Số dư cuối năm	17.588.098.165	12.357.528.942

3.7 Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí vay hợp vốn	18.514.448.066	23.534.898.001
Chi phí công nghệ thông tin	11.677.366.948	9.318.823.250
Chi phí thuê văn phòng	1.095.218.647	248.465.390
	31.287.033.661	33.102.186.641

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí cải tạo văn phòng	5.432.446.692	6.238.956.911

3.8 Tài sản khác

(a) Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Tiền ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh (*)	47.532.623.600	135.374.861.200

(*) Đây là tiền ký quỹ của Công ty cho giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh theo quy định của VSDC.

(b) Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Theo quy định của VSDC, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu Đồng tại VSDC và hàng năm đóng thêm số tiền là 0,01% trên tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ Đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào Quỹ hỗ trợ thanh toán áp dụng đối với Công ty là 20 tỷ Đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã nộp đủ mức đóng góp tối đa.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Số dư đầu năm	26.170.889.959	24.941.477.252
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.565.579.903	1.229.412.707
Rút tiền lãi	(7.736.469.862)	-
Số dư cuối năm	20.000.000.000	26.170.889.959

(c) Tài sản dài hạn

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Tiền nộp Quỹ bù trừ (*)	10.193.330.739	10.172.976.898

(*) Đây là tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh. Theo quy định hiện hành, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ Đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

3.9 Tài sản đã cầm cố, thế chấp, ký quỹ

Các tài sản đã được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 3.10) bao gồm:

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Trái phiếu không niêm yết		
Trong danh mục FVTPL (Thuyết minh 3.2(a))	300.000.000.000	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 3.2(b))	300.000.000.000	501.000.000.000
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM		
Trong danh mục AFS	1.400.260.000.000	1.747.198.000.000
	2.000.260.000.000	2.248.198.000.000

Các tài sản ký quỹ cho các chứng quyền mà Công ty đã phát hành bao gồm:

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 3.2(b))	112.000.000.000	97.000.000.000

3.10 Các khoản vay ngắn hạn

Biến động các khoản vay trong năm tài chính như sau:

Chỉ tiêu	Lãi suất %/năm	Số dư đầu năm VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng trong nước (i)	4,2 - 10,0	6.765.000.000.000
Vay ngân hàng nước ngoài (ii)	Lãi suất tham chiếu + biên độ	4.027.420.000.000
Vay Công ty cổ phần trong nước (iii)	6,6 - 7,2	1.331.444.000.000
Vay Công ty tài chính trong nước (iii)	8,0	450.000.000.000
Tổng vay ngắn hạn		12.573.864.000.000



Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
30.681.000.000.000	(27.805.000.000.000)	9.641.000.000.000
4.955.956.000.000	(4.720.826.000.000)	4.262.550.000.000
2.112.000.000.000	(1.882.444.000.000)	1.561.000.000.000
1.551.000.000.000	(1.401.000.000.000)	600.000.000.000
39.299.956.000.000	(35.809.270.000.000)	16.064.550.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

3.10 Các khoản vay ngắn hạn (Tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn từ 1 tháng đến 364 ngày của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Nợ vay gốc được hoàn trả một lần tại thời điểm đáo hạn của khoản vay.

(i)

Vay ngân hàng trong nước bao gồm 3.063.000.000.000 Đồng là các khoản vay có tài sản đảm bảo (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.400.000.000.000 Đồng). Chi tiết tài sản đảm bảo được trình bày tại Thuyết minh 3.9.

(ii)

Lãi suất tham chiếu là lãi suất tài trợ qua đêm có bảo đảm kỳ hạn (“SOFR”) do CME Group Benchmark Administration Limited (hoặc bất kỳ bên nào khác tiếp quản việc quản lý lãi suất đó) quản lý trong thời gian có liên quan do CME Group Benchmark Administration Limited (hoặc bất kỳ bên nào khác tiếp quản việc công bố lãi suất đó) công bố.

Các khoản vay nước ngoài là các khoản vay tín chấp và có nguyên tệ là đồng Đô la Mỹ. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá 87% dư nợ và lãi đi vay (2024: 100%) thông qua hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền. Các hợp đồng này đáo hạn tương ứng với thời điểm đáo hạn của các khoản vay.

(iii)

Bao gồm các khoản vay tín chấp với các Công ty cổ phần trong nước và Công ty tài chính trong nước.



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có khoản vay nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản này.

3.11 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	18.804.454.644	12.365.796.822
Phải trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	1.513.945.911	2.846.896.608
Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	1.228.840.151	1.278.727.753
Phải trả chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành	33.409.417.000	78.800.000
	54.956.657.706	16.570.221.183

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này

3.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Phải trả giao dịch chứng khoán qua các sở giao dịch	105.364.239.280	41.092.870.000
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	976.867.825	229.119.000
Phải trả chứng quyền có bảo đảm	115.288.000	-
	106.456.395.105	41.321.989.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có khoản phải trả người bán là các bên liên quan. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

3.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Số dư này chủ yếu bao gồm tiền ứng trước cho các dịch vụ cung cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

3.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Thuế TNDN – hiện hành	188.524.588.792	35.884.665.831
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ Khách hàng	33.087.316.245	26.384.786.101
Thuế thu nhập cá nhân	3.652.740.507	2.139.505.020
Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”)	4.402.230.995	59.206.353
	229.666.876.539	64.468.163.305

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước trong năm tài chính như sau:

	Tại ngày 1.1.2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2025 VND
Thuế TNDN – hiện hành	35.884.665.831	306.186.312.326	(153.546.389.365)	188.524.588.792
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ Khách hàng	26.384.786.101	521.785.339.915	(515.082.809.771)	33.087.316.245
Thuế thu nhập cá nhân	2.139.505.020	94.005.143.431	(92.491.907.944)	3.652.740.507
Thuế GTGT	59.206.353	6.878.004.969	(2.534.980.327)	4.402.230.995
	64.468.163.305	928.854.800.641	(763.656.087.407)	229.666.876.539

3.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí lãi vay	67.436.361.790	74.924.495.936
Chi phí phải trả khác	4.874.823.170	948.762.078
	72.311.184.960	75.873.258.014

3.16 Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị (i) (Thuyết minh 8(b))	8.168.624.110	8.168.624.110
Đặt cọc đảm bảo nghĩa vụ theo hợp đồng (ii)	172.000.000.000	66.386.645.820
Cổ tức phải trả cho các cổ đông (iii)	426.828.303.290	1.725.373.040
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.836.805.219	1.576.734.463
	608.833.732.619	77.857.377.433

- (i) Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 19 tháng 4 năm 2017 để sử dụng cho các hoạt động từ thiện xã hội.
- (ii) Thể hiện khoản tiền Công ty đã nhận đặt cọc từ Khách hàng đăng ký mua chứng khoán và được xác định dựa trên số lượng chứng khoán đăng ký mua.
- (iii) Chi tiết biến động cổ tức phải trả trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Số dư đầu năm	1.725.373.040	2.768.953.340
Cổ tức bằng tiền công bố trong năm	604.574.870.000	176.760.000.000
Trong đó:		
Cổ tức đợt 1 năm 2024 (Thuyết minh 7.1(iv))	-	176.760.000.000
Cổ tức đợt 2 năm 2024 (Thuyết minh 7.1(vii))	179.524.870.000	-
Cổ tức đợt 1 năm 2025 (Thuyết minh 7.1(viii))	425.050.000.000	-
Cổ tức đã trả	(179.471.939.750)	(177.803.580.300)
Số dư cuối năm	426.828.303.290	1.725.373.040

Số dư cổ tức chưa chi trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 chủ yếu là cổ tức đợt 1 năm 2025 được công bố ngày 25 tháng 12 năm 2025 và thanh toán vào ngày 20 tháng 1 năm 2026. Số dư cổ tức chưa chi trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 chủ yếu là do một số cổ đông chưa đến nhận.

Ngoài khoản (iii), Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế. Chi tiết số liệu về bù trừ như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng (i)	3.060.478.049	832.751.998
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng (ii)	(673.913.560.454)	(610.180.802.012)
Tổng cộng	(670.853.082.405)	(609.348.050.014)

Biến động gộp về thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm tài chính như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Số dư đầu năm	(609.348.050.014)	(418.133.081.941)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động (Thuyết minh 5.6)	18.921.271.391	(39.011.516)
Ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác	(80.426.303.782)	(191.175.956.557)
Số dư cuối năm	(670.853.082.405)	(609.348.050.014)

(i) Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
Chi phí phòng ngừa rủi ro tỷ giá	387.150.837	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL (Thuyết minh 5.2(a))	-	1.993.934.401
Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ (Thuyết minh 3.3)	2.169.825.587	2.169.825.587
Chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm (Thuyết minh 5.2(b))	12.745.413.817	-
	15.302.390.241	4.163.759.988
Tính ở thuế suất 20%:		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	3.060.478.049	832.751.998

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cần trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh

(ii) Chi tiết thuế TNDN hoãn lại phải trả như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chênh lệch tạm thời chịu thuế:		
Dự thu lãi cho vay	-	81.377.661.058
Chi phí phòng ngừa rủi ro tỷ giá	-	3.976.818.207
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL (Thuyết minh 5.2(a))	1.886.752.568	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS (Thuyết minh 3.19)	3.367.681.049.707	2.965.549.530.795
	3.369.567.802.275	3.050.904.010.060
Tính ở thuế suất 20%:		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	673.913.560.454	610.180.802.012

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả năm 2025 là 20% (năm 2024: 20%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

3.18 Vốn góp của chủ sở hữu

(a) Số lượng cổ phiếu

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký	850.100.000	718.099.480
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	850.100.000	718.099.480
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	850.100.000	718.099.480

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31.12.2025		Tại ngày 31.12.2024	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Ông Tô Hải	129.139.403	15,19	128.889.403	17,95
Các cổ đông khác	720.960.597	84,81	589.210.077	82,05
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	850.100.000	100,00	718.099.480	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Số lượng tại ngày đầu năm	718.099.480	437.500.000
Cổ phiếu mới phát hành trong năm	132.000.520	280.599.480
Số lượng tại ngày cuối năm	850.100.000	718.099.480

3.19 Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

(i) Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chênh lệch đánh giá tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.2(c))	3.367.681.049.707	2.965.549.530.795
Điều chỉnh: Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(673.536.209.941)	(593.109.906.159)
	2.694.144.839.766	2.372.439.624.636

Chi tiết biến động của chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý trong năm tài chính như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Số dư đầu năm	2.372.439.624.636	1.607.735.798.409
Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	321.705.215.130	764.703.826.227
Số dư cuối năm	2.694.144.839.766	2.372.439.624.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

3.20 Lợi nhuận chưa phân phối

Biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm tài chính như sau:

	Số dư tại ngày 1.1.2025 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	798.326.170.747
Lỗ chưa thực hiện	(1.595.147.522)
Lợi nhuận chưa phân phối	796.731.023.225

Biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm tài chính trước như sau:

	Số dư tại ngày 1.1.2024 VND	Thu nhập trong năm VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	1.307.134.594.788	912.649.847.107
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	362.586.292	(1.957.733.814)
Lợi nhuận chưa phân phối	1.307.497.181.080	910.692.113.293

Thu nhập trong năm VND	Chia cổ tức (Thuyết minh 7.1) VND	Số dư tại ngày 31.12.2025 VND
1.349.046.288.437	(604.574.870.000)	1.542.797.589.184
(7.091.781.479)	-	(8.686.929.001)
1.341.954.506.958	(604.574.870.000)	1.534.110.660.183

Chia cổ tức (Thuyết minh 7.1) VND	Tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu VND	Số dư tại ngày 31.12.2024 VND
(176.760.000.000)	(1.244.698.271.148)	798.326.170.747
-	-	(1.595.147.522)
(176.760.000.000)	(1.244.698.271.148)	796.731.023.225

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Ngoại tệ các loại

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các số dư ngoại tệ như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2025	31.12.2024
Theo nguyên tệ		
Đô la Mỹ	951.565	458.651
Bảng Anh	139.187	120.926
Euro	19.731	19.672
Quy ra VND		
Đô la Mỹ	25.105.306.118	11.045.962.865
Bảng Anh	4.902.974.267	3.724.041.038
Euro	604.491.676	488.254.713
	30.612.772.061	15.258.258.616

4.2 Cổ phiếu đang lưu hành

	Tại ngày	
	31.12.2025	31.12.2024
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng lưu hành dưới 1 năm (cổ phiếu)	132.000.520	280.599.480
Số lượng lưu hành từ 1 năm trở lên (cổ phiếu)	718.099.480	437.500.000
	850.100.000	718.099.480

4.3 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Công ty chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2025	31.12.2024
Tài sản tài chính (số lượng chứng khoán)		
Giao dịch tự do chuyển nhượng	267.741.073	81.495.800
Hạn chế chuyển nhượng	-	4.400.000
Giao dịch cầm cố	25.800.000	33.100.000
Phong tỏa, tạm giữ	-	44.557
Chờ thanh toán	1.247.300	8.852.182
	294.788.373	127.892.539

4.4 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Công ty chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2025	31.12.2024
Tài sản tài chính (số lượng chứng khoán)		
Giao dịch tự do chuyển nhượng	10.287	10.287
Phong tỏa, tạm giữ	274.200	274.200
	284.487	284.487

4.5 Tài sản tài chính chờ về của Công ty chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2025	31.12.2024
Tài sản tài chính (số lượng chứng khoán)		
Chờ thanh toán	2.776.500	1.236.788

4.6 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Công ty chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2025	31.12.2024
Tài sản tài chính (số lượng chứng khoán)		
Giao dịch tự do chuyển nhượng	19.341.955	19.292.856

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

4.7 Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành

Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở
ACB/VIETCAP/M/Au/T/A5	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
DGC/VIETCAP/M/Au/T/A1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC)
FPT/VIETCAP/M/Au/T/A8	Công ty Cổ phần FPT (FPT)
HDB/VIETCAP/M/Au/T/A3	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDB)
HPG/VIETCAP/M/Au/T/A8	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)
LPB/VIETCAP/M/Au/T/A1	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPB)
MBB/VIETCAP/M/Au/T/A7	Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)
MSN/VIETCAP/M/Au/T/A8	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)
MWG/VIETCAP/M/Au/T/A10	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)
SHB/VIETCAP/M/Au/T/A1	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)
STB/VIETCAP/M/Au/T/A7	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)
TCB/VIETCAP/M/Au/T/A7	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (TCB)
TPB/VIETCAP/M/Au/T/A4	Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB)
VHM/VIETCAP/M/Au/T/A5	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)
VIB/VIETCAP/M/Au/T/A4	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)
VIC/VIETCAP/M/Au/T/A4	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần (VIC)
VJC/VIETCAP/M/Au/T/A2	Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet (VJC)
VNM/VIETCAP/M/Au/T/A6	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)
VPB/VIETCAP/M/Au/T/A8	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)
VRE/VIETCAP/M/Au/T/A5	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)

4.8 Hợp đồng tương lai

Vị thế mở đối với các hợp đồng tương lai tại ngày báo cáo như sau:

Mã hợp đồng	Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày giao dịch cuối cùng
4111G1000	21.11.2025	15.01.2026
VN30F2501	22.11.2024	16.01.2025

(*) Hệ số nhân là 100.000 Đồng/hợp đồng.

Tại ngày 31.12.2025					
Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền hủy đăng ký	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	53.000	4.947.000
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	1.519.000	3.481.000
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	109.200	4.890.800
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	111.200	4.888.800
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	15.700	4.984.300
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	13.800	4.986.200
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	546.300	4.453.700
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	239.500	4.760.500
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	16.800	4.983.200
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	1.651.800	3.348.200
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	53.400	4.946.600
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	14.700	4.985.300
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	251.600	4.748.400
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	3.986.200	1.013.800
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	228.100	4.771.900
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	188.500	4.811.500
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	1.435.700	3.564.300
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	49.200	4.950.800
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	22.000	4.978.000
24.11.2025	26.05.2026	5.000.000	-	2.861.000	2.139.000
		100.000.000	-	13.366.700	86.633.300

Tại ngày 31.12.2025			Tại ngày 31.12.2024		
Số lượng hợp đồng	Giá thanh toán cuối ngày	Vị thế bán (*) VND	Số lượng hợp đồng	Giá thanh toán cuối ngày	Vị thế bán (*) VND
262	2.029,0	53.159.800.000	-	-	-
-	-	-	2.795	345,5	376.067.250.000
		53.159.800.000			376.067.250.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

5.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL và kết quả giao dịch chứng quyền đã thực hiện

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	2.349.486.722.018	1.759.391.703.072
Trong đó:		
Lãi bán chứng khoán cơ sở	1.693.554.763.392	1.190.136.325.549
Lãi bán chứng khoán phái sinh	648.332.747.000	552.427.198.000
Lãi khi mua lại chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành	1.224.988.453	1.732.644.137
Lãi khi đáo hạn chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành	6.374.223.173	15.095.535.386
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(1.527.071.365.220)	(987.732.073.189)
Trong đó:		
Lỗ bán chứng khoán cơ sở	(825.889.393.611)	(567.073.543.850)
Lỗ bán chứng khoán phái sinh	(677.207.836.000)	(412.801.366.000)
Lỗ khi mua lại chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành	(4.921.910.006)	(6.825.791.848)
Lỗ khi đáo hạn chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành	(19.052.225.603)	(1.031.371.491)
Lãi ròng	822.415.356.798	771.659.629.883

Chi tiết lãi/(lỗ) ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	Lãi/(lỗ) bán năm này VND	Lãi/(lỗ) bán năm trước VND
Cổ phiếu	1.083.248.863	43.608.610.366.099	42.874.486.831.709	734.123.534.390	552.871.565.426
Trái phiếu	247.278.289	33.282.002.535.246	33.192.179.748.004	89.822.787.242	5.781.999.943
Chứng chỉ quỹ	87.299.600	2.423.036.829.691	2.382.497.399.669	40.539.430.022	69.976.021.596
Chứng chỉ tiền gửi	5.000.100	1.547.304.352.966	1.544.124.734.839	3.179.618.127	(5.566.805.266)
Lãi bán chứng khoán cơ sở				867.665.369.781	623.062.781.699
(Lỗ)/lãi vị thế từ hợp đồng tương lai				(28.875.089.000)	139.625.832.000
Lỗ khi mua lại chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành				(3.696.921.553)	(5.093.147.711)
(Lỗ)/lãi khi đáo hạn chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành				(12.678.002.430)	14.064.163.895
				822.415.356.798	771.659.629.883

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

5.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và chứng quyền có bảo đảm

(a) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
(Giảm)/tăng chênh lệch tăng	(835.246.954)	3.852.617.324
Giảm/(tăng) chênh lệch giảm	4.715.933.923	(2.915.102.004)
	3.880.686.969	937.515.320

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2025 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2024 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	45.416.078.519	44.981.700.000	(434.378.519)	(3.890.287.672)	3.455.909.153
Trái phiếu niêm yết	1.500.980.250.000	1.500.980.250.000	-	-	-
Chứng chỉ quỹ ETF	55.405.161.913	57.726.293.000	2.321.131.087	1.896.353.271	424.777.816
Trái phiếu không niêm yết	634.260.618.416	634.260.618.416	-	-	-
	2.236.062.108.848	2.237.948.861.416	1.886.752.568	(1.993.934.401)	3.880.686.969

(b) Chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Tăng/(giảm) chênh lệch giảm	225.066.939	(3.384.682.584)
Tăng chênh lệch tăng	(12.970.480.756)	-
	(12.745.413.817)	(3.384.682.584)

5.3 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL và AFS

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	7.401.731.970	18.755.182.732
Cổ tức	7.091.646.700	10.260.479.000
Tiền lãi	310.085.270	8.494.703.732
Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	277.121.231.575	225.002.928.869
Cổ tức	208.997.737.125	191.276.467.714
Trái tức	68.123.494.450	33.726.461.155
	284.522.963.545	243.758.111.601

5.4 Chi phí tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	6.342.969.044	14.645.503.769
Đã thực hiện	5.955.818.207	18.622.321.976
Chưa thực hiện	387.150.837	(3.976.818.207)
Chi phí lãi vay	801.899.019.138	764.124.674.808
Chi phí đi vay hợp vốn	45.457.959.198	18.733.784.327
	853.699.947.380	797.503.962.904

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

5.5 Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí nhân viên	77.665.210.187	77.025.406.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.679.697.844	26.972.796.801
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 3.4)	6.775.200.000	4.516.800.000
Chi phí vật liệu văn phòng phẩm	3.699.335.701	3.782.866.116
Khấu hao TSCĐ	4.596.510.937	2.385.473.605
Chi phí quản lý khác	24.472.213.979	30.017.412.237
	144.888.168.648	144.700.754.963

5.6 Thuế TND

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.629.219.547.893	1.089.337.104.906
Thuế tính ở thuế suất 20%	325.843.909.579	217.867.420.981
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(43.217.876.765)	(40.307.389.343)
Chi phí không được khấu trừ	1.333.588.293	1.084.959.975
Dự phòng thiếu của các năm trước	3.305.419.828	-
Chi phí thuế TNDN (*)	287.265.040.935	178.644.991.613
Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động:		
Thuế TNDN - hiện hành	306.186.312.326	178.605.980.097
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 3.17)	(18.921.271.391)	39.011.516
Chi phí thuế TNDN	287.265.040.935	178.644.991.613

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Mẫu số B09 – CTCK

5.7 Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, điều chỉnh cho cổ phiếu thường phát hành trong năm tài chính trừ đi cổ phiếu quỹ.

Các khoản thu nhập toàn diện khác không được tính vào lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (VND)	1.341.954.506.958	910.692.113.293
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	1.341.954.506.958	910.692.113.293
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	723.738.084	591.465.044
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.854	1.540

(b) Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu còn gọi là lãi suy giảm trên cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm tài chính

Số tiền đi vay thực thu trong năm tài chính là tiền vay theo kế ước thông thường (Thuyết minh 3.10).

6.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm tài chính

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm tài chính là tiền chi trả nợ vay theo kế ước thông thường (Thuyết minh 3.10).

6.3 Các giao dịch trọng yếu không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm tài chính là tiền chi trả nợ vay theo kế ước thông thường (Thuyết minh 3.10).

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2025	31.12.2024
Cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả	425.050.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

7THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Mẫu số B09 – CTCK

7.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND
Tại ngày 1.1.2024	4.375.000.000.000	13.500.198.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (i)	44.000.000.000	8.800.000.000
Tăng vốn từ phát hành riêng lẻ (ii)	1.436.300.000.000	2.585.340.000.000
Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (iii)	1.325.694.800.000	(13.500.198.000)
Cổ tức đợt 1 năm 2024 (iv)	-	-
Tại ngày 31.12.2024	7.180.994.800.000	2.594.140.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (v)	45.005.200.000	9.001.040.000
Tăng vốn từ phát hành riêng lẻ (vi)	1.275.000.000.000	2.677.500.000.000
Cổ tức đợt 2 năm 2024 (vii)	-	-
Cổ tức đợt 1 năm 2025 (viii)	-	-
Tại ngày 31.12.2025	8.501.000.000.000	5.280.641.040.000

Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
1.607.735.798.409	67.496.330.852	1.307.497.181.080	7.371.229.508.341
-	-	910.692.113.293	910.692.113.293
764.703.826.227	-	-	764.703.826.227
-	-	-	52.800.000.000
-	-	-	4.021.640.000.000
-	(67.496.330.852)	(1.244.698.271.148)	-
-	-	(176.760.000.000)	(176.760.000.000)
2.372.439.624.636	-	796.731.023.225	12.944.305.447.861
-	-	1.341.954.506.958	1.341.954.506.958
321.705.215.130	-	-	321.705.215.130
-	-	-	54.006.240.000
-	-	-	3.952.500.000.000
-	-	(179.524.870.000)	(179.524.870.000)
-	-	(425.050.000.000)	(425.050.000.000)
2.694.144.839.766	-	1.534.110.660.183	18.009.896.539.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

7 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

7.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 2 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 22 tháng 4 năm 2024, Công ty đã phát hành 4.400.000 cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty vào ngày 27 tháng 6 năm 2024 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận theo Công văn số 3987/UBCK-QLKD ngày 27 tháng 6 năm 2024. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành này bằng khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phần và giá phát hành 12.000 Đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày phát hành.
- (ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 2 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 26 tháng 9 năm 2024, Công ty đã chào bán 143.630.000 cổ phiếu phổ thông theo phương án chào bán cổ phần riêng lẻ vào ngày 11 tháng 11 năm 2024 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận theo Công văn số 7750/UBCK-QLKD ngày 15 tháng 11 năm 2024. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành này bằng khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phần và giá chào bán 28.000 Đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày phát hành.
- (iii) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 2 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 4 tháng 7 năm 2024 đã thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phần phổ thông để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:3 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 3 cổ phiếu mới). Theo đó, Công ty đã phát hành thêm 132.569.480 cổ phiếu vào ngày 13 tháng 9 năm 2024.
- (iv) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 2 tháng 4 năm 2024, mức chi trả cổ tức dự kiến năm 2024 là 5% - 10%. Theo đó, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 5 tháng 8 năm 2024 đã thông qua mức tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 là 4% (tương đương 400 Đồng/cổ phiếu) trên vốn điều lệ 4.419.000.000.000 Đồng và được chi trả bằng tiền, cho các cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 16 tháng 8 năm 2024. Ngày thanh toán là ngày 30 tháng 8 năm 2024.
- (v) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 1 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 20 tháng 5 năm 2025, Công ty đã phát hành 4.500.520 cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty vào ngày 11 tháng 7 năm 2025 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận theo Công văn số 3339/UBCK-QLKD ngày 11 tháng 7 năm 2025. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành này bằng khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phần và giá phát hành 12.000 Đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày phát hành.
- (vi) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 7 tháng 11 năm 2025 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 14 tháng 11 năm 2025, Công ty đã chào bán 127.500.000 cổ phiếu phổ thông theo phương án chào bán cổ phần riêng lẻ vào ngày 22 tháng 12 năm 2025 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận theo Công văn số 9120/UBCK-QLKD ngày 22 tháng 12 năm 2025. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành này bằng khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phần và giá chào bán 31.000 Đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc các trường hợp chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

- (vii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 2 tháng 4 năm 2024, mức chi trả cổ tức dự kiến năm 2024 là 5% - 10%. Theo đó, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT.VIETCAP ngày 20 tháng 1 năm 2025 thông qua mức tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2024 là 2,5% (tương đương 250 Đồng/cổ phiếu) trên vốn điều lệ 7.180.994.800.000 Đồng và được chi trả bằng tiền, cho các cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 7 tháng 2 năm 2025. Ngày thanh toán là ngày 17 tháng 2 năm 2025.
- (viii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 1 tháng 4 năm 2025, mức chi trả cổ tức dự kiến năm 2025 là 5% - 10%. Theo đó, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 25 tháng 12 năm 2025 đã thông qua mức tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 là 5% (tương đương 500 Đồng/cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Công ty và được chi trả bằng tiền, cho các cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 9 tháng 1 năm 2026. Ngày thanh toán là ngày 20 tháng 1 năm 2026.

7.2 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (Thuyết minh 3.20)	798.326.170.747	1.307.134.594.788
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm (Thuyết minh 3.20)	1.349.046.288.437	912.649.847.107
Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	-	(1.244.698.271.148)
Lợi nhuận phân phối cho cổ đông trong năm	(604.574.870.000)	(176.760.000.000)
Lợi nhuận đã thực hiện còn lại có thể phân phối cho cổ đông	1.542.797.589.184	798.326.170.747
Lợi nhuận phân phối cho cổ đông trong năm	604.574.870.000	176.760.000.000
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu	(6.455.925.751)	(6.834.160.280)
Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông	598.118.944.249	169.925.839.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

8THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Cùng thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) (đến ngày 26 tháng 12 năm 2025) (*)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (VCAM)	Cùng thành viên HĐQT
Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Sữa Quốc Tế LOF (IDP)	Cùng thành viên HĐQT
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt ngày 26 tháng 12 năm 2025, bà Nguyễn Thanh Phương đã từ nhiệm vai trò Phó Chủ tịch HĐQT.

(a)Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính bao gồm:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt Doanh thu phí môi giới, phí lưu ký và dịch vụ khác	758.617.228	80.188.969
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Doanh thu phí môi giới chứng khoán và phí lưu ký	21.781.172	231.909.242
Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt Doanh thu phí môi giới chứng khoán	60.481.706	36.820.374
Công ty Cổ phần Sữa Quốc Tế LOF Doanh thu phí tư vấn	502.042.522	-
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt Lương và các quyền lợi gộp khác (**)	29.610.480.000	19.702.580.000

(**) Chi tiết lương và thù lao cho các nhân sự quản lý chủ chốt cụ thể như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Thù lao của thành viên HĐQT độc lập (***)		
Ông Nguyễn Lân Trung Anh	240.000.000	240.000.000
Bà Nguyễn Việt Hòa	240.000.000	240.000.000
Ông Lê Phạm Ngọc Phương	-	60.000.000
Ông Lê Ngọc Khánh	240.000.000	180.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát		
Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	60.000.000	60.000.000
Bà Trương Thị Huyền Trang	60.000.000	60.000.000
Bà Mai Thị Thanh Trang	240.000.000	240.000.000
Thù lao của Ban Tổng Giám đốc		
Ông Tô Hải	7.437.446.000	5.753.412.000
Ông Đinh Quang Hoàn	6.105.860.000	4.513.412.000
Ông Nguyễn Quang Bảo	6.527.032.000	4.513.412.000
Ông Đoàn Minh Thiện	7.527.032.000	3.842.344.000
Bà Tôn Minh Phương	538.672.000	-
Ông Tuan Nhan	394.438.000	-

(***) Các thành viên HĐQT không độc lập không nhận thù lao.

(b)Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Công ty Cổ phần Sữa Quốc Tế LOF Phải thu phí dịch vụ	552.246.774	-
Hội đồng Quản trị Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị (Thuyết minh 3.16)	8.168.624.110	8.168.624.110

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

9BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

(a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không chịu tác động trọng yếu bởi những khác biệt về sản phẩm hay khu vực địa lý. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận chia theo khu vực địa lý.

	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND
Doanh thu và thu nhập (*)	1.015.433.695.029	2.633.399.505.548
Chi phí	(744.467.960.177)	(1.939.723.842.716)
Trong đó:		
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(690.735.176.972)	(1.578.240.475.817)
Chi phí khấu hao TSCĐ	(9.563.525.407)	-
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(44.169.257.798)	(1.396.052.658)
Chi phí phân bổ khác	-	(360.087.314.241)
Kết quả bộ phận	270.965.734.852	693.675.662.832
Thu nhập tài chính thuần		
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Thu nhập khác		
Lợi nhuận trước thuế		

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận Môi giới và dịch vụ tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán, dịch vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác.

Bộ phận Tự doanh tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến danh mục tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS, các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro và lỗ suy giảm tài sản tài chính.

Bộ phận Kinh doanh vốn tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và đầu tư tài sản tài chính HTM.

Bộ phận Tư vấn tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
	1.248.994.163.654	82.374.160.877	4.980.201.525.108
	(493.612.633.139)	(66.876.026.406)	(3.244.680.462.438)
	-	(62.228.646.963)	(2.331.204.299.752)
	-	(267.040.624)	(9.830.566.031)
	-	(4.380.338.819)	(49.945.649.275)
	(493.612.633.139)	-	(853.699.947.380)
	755.381.530.515	15.498.134.471	1.735.521.062.670
			23.169.869.420
			(144.888.168.648)
			15.416.784.451
			1.629.219.547.893

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

9 BẢO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Doanh thu và thu nhập (*)	745.227.835.560	2.003.617.749.413	896.090.676.508	50.589.073.989	3.695.525.335.470
Chi phí	(612.973.863.693)	(1.397.755.430.567)	(441.306.819.791)	(62.869.871.382)	(2.514.905.985.433)
Trong đó:					
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(561.598.078.310)	(1.040.184.036.211)	-	(58.395.462.842)	(1.660.177.577.363)
Chi phí khấu hao TSCĐ	(8.105.805.185)	-	-	(259.915.848)	(8.365.721.033)
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(43.269.980.198)	(1.374.251.243)	-	(4.214.492.692)	(48.858.724.133)
Chi phí phân bổ khác	-	(356.197.143.113)	(441.306.819.791)	-	(797.503.962.904)
Kết quả bộ phận	132.253.971.867	605.862.318.846	454.783.856.717	(12.280.797.393)	1.180.619.350.037
Thu nhập tài chính thuần					50.633.205.857
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(144.700.754.963)
Thu nhập khác					2.785.303.975
Lợi nhuận trước thuế					1.089.337.104.906

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

9BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025					
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	113.063.407.033	17.323.065.576.293	18.523.614.645.006	2.719.652.052	35.962.463.280.384
Tài sản không phân bổ					43.401.555.431
Tổng tài sản					36.005.864.835.815
Nợ phải trả bộ phận	351.029.788.939	7.353.965.306.383	8.888.027.329.843	20.094.366.595	16.613.116.791.760
Nợ phải trả không phân bổ					1.382.851.504.106
Tổng nợ phải trả					17.995.968.295.866
Tổng chi phí phát sinh hình thành TSCĐ trong năm					33.681.790.134
Trong đó:					
Tài sản cố định của bộ phận	14.161.450.577	-	-	479.247.675	14.640.698.252
Tài sản cố định không phân bổ					19.041.091.882

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024					
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	91.660.885.548	11.916.965.680.584	14.459.472.591.489	8.023.018.700	26.476.122.176.321
Tài sản không phân bổ					116.002.302.919
Tổng tài sản					26.592.124.479.240
Nợ phải trả bộ phận	214.535.354.577	5.940.751.893.355	6.750.425.665.473	21.579.482.686	12.927.292.396.091
Nợ phải trả không phân bổ					720.526.635.288
Tổng nợ phải trả					13.647.819.031.379
Tổng chi phí phát sinh hình thành TSCĐ trong năm					13.185.680.625
Trong đó:					
Tài sản cố định của bộ phận	12.401.579.815	-	-	507.574.548	12.909.154.363
Tài sản cố định không phân bổ					276.526.262

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

10QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết như nhận diện rủi ro và đo lường rủi ro, chiến lược đầu tư và giới hạn đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Tổng Giám đốc.

(a)Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 3.1)	3.213.255.401.566	4.742.629.096.608
Tiền gửi ngân hàng	3.213.255.401.566	4.742.629.096.608
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) (Thuyết minh 3.2(a))	2.135.240.868.416	628.581.768.726
Trái phiếu chính phủ	1.500.980.250.000	-
Trái phiếu doanh nghiệp	634.260.618.416	628.581.768.726
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 3.2(b))	412.000.000.000	598.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	300.000.000.000	501.000.000.000
Tiền gửi kỳ quỹ cho chứng quyền	112.000.000.000	97.000.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) (Thuyết minh 3.2(c))	1.679.426.038.550	543.463.535.000
Trái phiếu doanh nghiệp	1.679.426.038.550	543.463.535.000

(a)Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Các khoản cho vay (Thuyết minh 3.3)	16.167.186.026.981	11.221.685.642.375
Hợp đồng giao dịch kỳ quỹ (*)	16.023.487.352.399	11.105.535.515.939
Tạm ứng giao dịch chứng khoán	143.698.674.582	116.150.126.436
Các khoản phải thu (Thuyết minh 3.4)	260.104.153.029	424.756.657.964
Phải thu bán các tài sản tài chính	69.487.189.346	307.297.301.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	157.497.853.293	86.086.794.757
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp (*)	33.119.110.390	31.372.562.207
Trả trước cho người bán (Thuyết minh 3.5)	206.613.182.020	92.900.000.000
Đặt cọc mua chứng khoán	206.613.182.020	92.900.000.000
Tài sản ngắn hạn khác (Thuyết minh 3.8(a))	47.532.623.600	135.374.861.200
Tiền ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh	47.532.623.600	135.374.861.200
Tài sản khác	38.844.259.805	44.541.433.921
Tạm ứng	184.422.002	117.700.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	26.170.889.959
Tiền nộp Quỹ Bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh	10.193.330.739	10.172.976.898
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	8.466.507.064	8.079.867.064
Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng	24.160.202.553.967	18.431.932.995.794

(*) Số liệu trước dự phòng suy giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

10QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a)Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(i)Số dư với tổ chức tín dụng

Số dư với tổ chức tín dụng bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, và lãi dự thu.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Ban Tổng Giám đốc tín nhiệm hoặc nằm trong danh sách được Nhà nước cấp phép thực hiện thanh toán và bù trừ. Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có số dư nào với ngân hàng nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(ii)Trái phiếu

Trái phiếu bao gồm trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp. Trái phiếu doanh nghiệp thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL và AFS của Công ty là trái phiếu được phát hành bởi tổ chức niêm yết có phương án phát hành được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Các đề xuất đầu tư vào các chứng khoán này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty.

Danh mục đầu tư vào chứng khoán nợ được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các chứng khoán nợ của Công ty là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có chứng khoán nợ nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(iii)Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của Khách hàng khi có đủ tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của Khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có số dư nào với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

(iv)Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tính thanh khoản.

Bộ phận Dịch vụ Khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 40% (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu Khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo cho các hợp đồng giao dịch ký quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày ở Thuyết minh 3.3(a).

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Quá hạn và bị suy giảm giá trị	2.169.825.587	2.169.825.587
Quá hạn nhưng không suy giảm giá trị	-	-
Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị	16.021.317.526.812	11.103.365.690.352
Dự phòng đã lập	(2.169.825.587)	(2.169.825.587)
Giá trị thuần	16.021.317.526.812	11.103.365.690.352

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

10QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a)Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(v)Các khoản phải thu

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tin nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo như sau:

	Quá hạn và bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không suy giảm VND	Chưa quá hạn và không bị suy giảm VND	Tổng VND
Tại ngày 31.12.2025				
Trong hạn	-	-	235.591.703.029	235.591.703.029
Quá hạn dưới 1 tháng	-	-	-	-
Quá hạn trên 3 tháng	24.512.450.000	-	-	24.512.450.000
	24.512.450.000	-	235.591.703.029	260.104.153.029
Dự phòng đã lập	(24.512.450.000)	-	-	(24.512.450.000)
Giá trị thuần	-	-	235.591.703.029	235.591.703.029
Tại ngày 31.12.2024				
Trong hạn	-	-	400.244.207.964	400.244.207.964
Quá hạn dưới 1 tháng	-	-	-	-
Quá hạn trên 3 tháng	24.512.450.000	-	-	24.512.450.000
	24.512.450.000	-	400.244.207.964	424.756.657.964
Dự phòng đã lập	(17.737.250.000)	-	-	(17.737.250.000)
Giá trị thuần	6.775.200.000	-	400.244.207.964	407.019.407.964

10QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b)Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá cổ phiếu.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định, và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, đầu tư trái phiếu, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng, đầu tư trái phiếu và cho vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể. Các khoản đi vay bằng ngoại tệ của Công ty có lãi suất thả nổi theo SOFR và có thời hạn ngắn nên rủi ro lãi suất cũng không đáng kể.

- Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, vị thế mở hợp đồng tương lai và chứng quyền do Công ty phát hành. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và phương án phát hành chứng quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 1.613.877.600 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: cao hơn/thấp hơn 15.847.550.150 Đồng tương ứng).

- Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá, cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ và tham gia hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền (Thuyết minh 3.10).

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ (“USD”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:

	Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VND	
	31.12.2025	31.12.2024	31.12.2025	31.12.2024
Tài sản tài chính				
Tiền	951.565	458.651	25.105.306.118	11.045.962.865
Nợ tài chính				
Các khoản vay (phần chưa được phòng ngừa rủi ro)	(20.000.000)	-	(527.505.000.000)	-
(Nợ)/tài sản tài chính thuần	(19.048.435)	458.651	(502.399.693.882)	11.045.962.865
Mức độ rủi ro ngoại tệ thuần	(19.048.435)	458.651	(502.399.693.882)	11.045.962.865

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nếu Đô la Mỹ mạnh lên/yếu đi 10% (ước tính % thay đổi tỷ giá hối đoái) so với Đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm tài chính sẽ thấp hơn/cao hơn 50.239.969.388 Đồng tương ứng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024: cao hơn/thấp hơn 1.104.596.287 Đồng tương ứng) chủ yếu là do tăng/giảm lỗ quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc Đô la Mỹ.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Các tài sản của Công ty được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản nợ được trình bày tại Thuyết minh 3.9.

Bảng dưới đây liệt kê các khoản nợ tài chính của Công ty theo dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn dưới 1 năm:

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 3.10)	16.064.550.000.000	12.573.864.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 3.11)	54.956.657.706	16.570.221.183
Phải trả giao dịch chứng khoán qua các sổ giao dịch và chứng quyền có bảo đảm (Thuyết minh 3.12)	105.479.527.280	41.092.870.000
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 3.15)	72.311.184.960	75.873.258.014
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn (Thuyết minh 3.16)	608.833.732.619	77.857.377.433
Tổng nợ tài chính	16.906.131.102.565	12.785.257.726.630

(d) Chỉ tiêu an toàn tài chính

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính hàng tháng của Công ty theo quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC và Thông tư 102/2025/TT-BTC. Theo Thông tư 91/2020/TT-BTC, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 537% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 565%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B09 – CTCK

11CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Dưới 1 năm	28.984.193.394	23.680.859.109
Từ 1 đến 5 năm	11.444.861.775	24.000.068.535
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	40.429.055.169	47.680.927.644

12CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc năm tài chính nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Phần mềm giao dịch	5.253.997.605	7.828.081.566

13KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
(a) Của Công ty		
Cổ phiếu	2.023.365.801	82.727.503.273.780
Trái phiếu	486.871.184	63.475.715.387.479
Hợp đồng tương lai	380.584	61.059.162.000.000
Chứng quyền có bảo đảm	38.215.100	39.608.178.000
(b) Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	29.132.578.092	879.785.579.509.875
Trái phiếu	69.482.344	13.242.392.838.548
Hợp đồng tương lai	519.513	80.581.052.000.000
Chứng quyền có bảo đảm	101.877.891	128.919.971.180
	31.853.290.509	1.181.039.933.158.860

14SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 2 tháng 2 năm 2026 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20:7 (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu được nhận 7 cổ phiếu mới). Thời gian thực hiện dự kiến là trong năm 2026, sau khi Công ty nhận được công văn thông báo nhận được tài liệu báo cáo phát hành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Thời điểm cụ thể do Hội đồng Quản trị quyết định.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mà yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 12 tháng 2 năm 2026.

Nguyễn Thị Lành
Người lập

Đoàn Trần Phương Thảo
Kế toán trưởng



Đoàn Minh Thiện
Phó Tổng Giám đốc
Người được Người đại diện
theo pháp luật ủy quyền
Ngày 12 tháng 2 năm 2026

ĐẠI DIỆN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Ngày 05 tháng 03 năm 2026



Tôn Minh Phương
Tổng Giám Đốc
Người đại diện theo pháp luật

Nhằm góp phần bảo vệ môi trường, Báo cáo thường niên 2025 của Vietcap được in với số lượng có hạn.
Vì vậy, khi không còn nhu cầu sử dụng, Quý vị vui lòng chuyển cho những người có quan tâm.
Ngoài ra, Báo cáo thường niên 2025 của Vietcap còn được công bố bằng phiên bản điện tử,
Quý vị quan tâm vui lòng truy cập website: **www.vietcap.com.vn**



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Trụ sở chính

- 📍 Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
- 📍 Tầng 3, Toà nhà Vinatex - Tài Nguyên, 10 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

☎ (+84) 2 8888 2 6868
✉ info@vietcap.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

- 📍 Tầng 6, Toà nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội
- ☎ (+84) 24 6262 6999
- 🖨 (+84) 24 6278 2688



QUÉT MÃ ĐỂ XEM
BẢN TRỰC TUYẾN

🌐 www.vietcap.com.vn